

MỞ ĐẦU

Quân đội nhân Việt Nam là Quân đội cách mạng, từ nhân dân mà ra, vì nhân phục vụ, trung thành với Tổ quốc, gắn bó máu thịt với nhân dân lao động các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam, đoàn kết với bạn bè Quốc tế, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật của nhà nước, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt trong tình hình hiện nay việc duy trì quản lý bộ đội chấp hành chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập và công tác là nội dung quan trọng trong xây dựng đơn vị có nề nếp chính quy. Đảm bảo cho các đơn vị hoạt động thống nhất có nề nếp, rèn luyện cho quân nhân có tác phong chính quy, khẩn trương hình thành tính kế hoạch và khoa học là rất cần thiết. Vì vậy việc làm đối với người cán bộ chỉ huy các cấp phải duy trì thực hiện chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập và công tác.

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

A. THỜI GIAN LÀM VIỆC TRONG TUẦN

Trong điều kiện thời bình, khi đóng quân trong doanh trại, thời gian làm việc, sinh hoạt và nghỉ ngơi trong tuần được phân chia như sau:

1. Mỗi tuần làm việc 5 ngày, nghỉ 2 ngày vào thứ 7 và chủ nhật, nếu nghỉ vào ngày khác trong tuần phải do Tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương trở lên qui định thống nhất cho đơn vị thuộc quyền.

Ngày lễ, tết được nghỉ theo qui định của Nhà nước.

2. Quân nhân làm việc các ngày nghỉ thì được nghỉ bù. Thời gian và quyền hạn cho quân nhân nghỉ bù do người chỉ huy đại đội và tương đương trở lên quyết định.

3. Ngày nghỉ được tổ chức vui chơi giải trí, hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ, vệ sinh môi trường, nhưng phải dành một thời gian nhất định để quân nhân có điều kiện giải quyết việc riêng.

4. Mỗi ngày làm việc 8 giờ, còn lại là thời gian ngủ, nghỉ sinh hoạt tại doanh trại và phải được phân chia cụ thể theo thời gian biểu trong ngày.

5. Trong điều kiện đặc biệt, thời gian làm việc và nghỉ sẽ có qui định riêng.

6. Tất cả các buổi tối trong tuần (trừ các buổi tối trước và trong ngày nghỉ) phải tổ chức học tập hoặc sinh hoạt. Thời gian học tập, sinh hoạt buổi tối không quá 2 giờ. Những đêm trước ngày nghỉ có thể ngủ muộn hơn nhưng không quá 23 giờ và sáng hôm sau thức dậy không quá 07 giờ.

B. THỜI GIAN LÀM VIỆC THEO MÙA

1. Thời gian làm việc theo 2 mùa được quy định như sau:

- Mùa nóng từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 10.

- Mùa lạnh từ ngày 01 tháng 11 đến 31 tháng 3 năm sau.

2. Thời gian biểu làm việc hàng ngày theo từng mùa do Tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Quân đoàn và tương đương trở lên qui định.

II. LÀM VIỆC VÀ SINH HOẠT TRONG NGÀY, TRONG TUẦN

A. CHẾ ĐỘ TRONG NGÀY

1. Treo Quốc kỳ

Các đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên, khi đóng quân cùng trong một doanh trại phải tổ chức treo quốc kỳ hàng ngày ở một vị trí trang trọng nhất. Các đại đội, tiểu đoàn và tương đương khi đóng quân độc lập thì tổ chức treo quốc kỳ trên sân chào cờ, duyệt đội ngũ của đơn vị. Thời gian treo quốc kỳ lúc 06 giờ, thời gian hạ quốc kỳ lúc 18 giờ hàng ngày.

2. Thức dậy

- Trục chỉ huy và trực ban phải thức dậy trước 10 phút để trực tiếp ra hiệu lệnh báo thức và đi kiểm tra đôn đốc mọi quân nhân trong đơn vị dậy đúng giờ.

- Khi có hiệu lệnh báo thức mọi quân nhân phải dậy ngay, rời khỏi phòng ngủ để ra sân tập thể dục hoặc chuẩn bị sẵn sàng công tác.

3. Tập thể dục sáng

- Đúng giờ, mọi quân nhân trong đơn vị phải tập thể dục sáng, trừ người làm nhiệm vụ, đau ốm được chỉ huy trực tiếp cho phép. Thời gian tập thể dục 20 phút.

- Trang phục do người chỉ huy đơn vị qui định thống nhất theo thời tiết và điều kiện cụ thể.

- Nội dung tập thể dục theo hướng dẫn của ngành thể dục, thể thao quân đội. Trung đội hoặc đại đội và tương đương là đơn vị tổ chức tập thể dục. Tổ chức tập ở cấp nào do người chỉ huy cấp đó chủ trì.

- Tập thể dục có súng phải khám súng trước và sau khi tập

4. Kiểm tra súng

Kiểm tra súng được tiến hành hàng ngày (trừ ngày nghỉ và ngày chào cờ). Tổ chức kiểm tra ở cấp tiểu đội, trung đội và tương đương. Nội dung kiểm tra theo lịch thống nhất trong tuần của đại đội và tương đương. Kiểm tra ở cấp nào do cán bộ chỉ huy cấp đó điều hành. Khi kiểm tra, phát hiện sai sót phải sửa ngay.

Thời gian kiểm tra 10 phút

5. Học tập

a. Học tập trong hội trường

- Người phụ trách hoặc trực ban lớp học phải kiểm tra quân số, trang phục, chỉ huy bộ đội vào vị trí, hô “Nghiêm” và cáo báo giáo viên.

Nếu đơn vị có mang theo vũ khí phải tổ chức khám súng trước và qui định nơi giá (đặt) súng.

- Quân nhân ngồi trong hội trường phải đúng vị trí qui định, tập trung tư tưởng theo dõi nội dung học tập.

Khi ra hoặc vào lớp phải đứng nghiêm báo cáo xin phép giáo viên. Được phép mới ra hoặc vào lớp.

- Sau mỗi tiết hoặc giờ học tập được nghỉ 5 đến 10 phút. Hết giờ nghỉ nhanh chóng vào lớp, tiếp tục nghe giảng. Giáo viên phải chấp hành đúng thời gian. Nếu giảng quá giờ qui định, phải báo cáo cho người phụ trách lớp học và người học biết.

- Hết giờ học, người phụ trách hoặc trực ban lớp hô “Đứng dậy” và hô “Nghiêm”, báo cáo giáo viên cho xuống lớp, sau đó chỉ huy bộ đội ra về.

b. Học tập ngoài thao trường.

- Đi và về thành đội ngũ. Thời gian đi và về không tính vào thời gian học tập. Nếu một lần đi (về) trên một giờ được tính một nửa vào thời gian học tập.

- Trước khi học tập, người phụ trách hoặc trực ban lớp học phải tập hợp bộ đội kiểm tra quân số, trang phục, vũ khí, học cụ, khám súng, sau đó báo cáo giáo viên.

- Phải chấp hành nghiêm kỷ luật thao trường, tập luyện nơi gần địch phải có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Súng, đạn, trang bị chưa dùng trong luyện tập phải có người canh gác. Hết giờ luyện tập người phụ trách hoặc trực ban lớp phải tập hợp bộ đội, khám súng, kiểm tra quân số, vũ khí, học cụ và các trang bị khác, chỉnh đốn hàng ngũ, báo cáo giáo viên cho bộ đội nghỉ, sau đó chỉ huy bộ đội về doanh trại hoặc nghỉ tại thao trường

c. Trường hợp có cấp trên của giáo viên ở đó thì giáo viên phải báo cáo cấp trên trước khi lên, xuống lớp.

6. Ăn uống

a. Người chỉ huy đơn vị có tổ chức bếp ăn phải quản lý nhà ăn, nhà bếp, do đơn vị tổ chức, bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng, ăn sạch, ăn nóng và ăn đúng giờ qui định.

- Hàng ngày chỉ đạo trực ban, tổ kinh tế, quân y kiểm tra số người ăn, số lượng, chất lượng lương thực, thực phẩm sử dụng theo tiêu chuẩn được hưởng, vệ sinh nhà ăn, nhà bếp sạch sẽ.

- Thực hiện kinh tế công khai trong ngày, tháng, giải quyết mọi thắc mắc, đề nghị về ăn uống của quân nhân.

b. Cán bộ, chiến sĩ phục vụ nhà ăn phải nêu cao ý thức trách nhiệm phục vụ có kế hoạch tổ chức tiếp phẩm, cải tiến kỹ thuật nấu ăn, giữ vệ sinh, chăm lo bữa ăn, bảo đảm sức khỏe bộ đội.

- Bảo quản lương thực, thực phẩm, chất đốt, cân đong, đo đếm chính xác, có sổ ghi chép xuất, nhập đầy đủ, tránh để hao hụt, lãng phí tham ô. Hàng ngày, tuần, tháng, cùng với hội đồng kinh tế của đơn vị tiến hành kiểm kho, báo cáo kinh tế công khai trước các quân nhân.

- Khi làm việc phải mặc trang phục công tác. Người đang mắc bệnh truyền nhiễm hoặc bệnh ngoài da không được trực tiếp nấu ăn và chia cơm, thức ăn.

- Đối với người ốm tại trại, nếu không đến được nhà ăn, trực nhật và quân y phải mang cơm về cho người ốm. Những suất chưa ăn, nhân viên nhà ăn phải đẩy lại cẩn thận.

c. Cấm sử dụng thức ăn nấu chưa chín, ôi thiu, thịt súc vật bị bệnh, đồ hộp hỏng, các loại lương thực, thực phẩm của địch bỏ lại chưa được quân y kiểm tra.

- Cấm để chất độc, vật bẩn, hôi hám vào khu thực phẩm, nhà bếp, nhà ăn. Nếu dùng thuốc diệt muỗi, chuột, mỗi phải có biện pháp quản lý chặt chẽ.

- Nước ăn, uống phải trong, sạch. Nước uống, nước nhúng bát đĩa phải đun sôi.

- Mỗi bữa ăn phải để lại một phần suất ăn làm lưu nghiệm do quân y quản lý. Sau 24 giờ không có việc gì mới bỏ đi.

d. Khi đến nhà ăn:

- Phải đúng giờ, đi ăn trước hay sau giờ qui định, phải được chỉ huy, trực ban đồng ý và báo cáo trước nhà bếp. Hạ sỹ quan, chiến sỹ, học viên chưa phải là sỹ quan đến nhà ăn phải tập hợp đi thành đội ngũ.

- Trước khi ăn phải nhúng bát đĩa qua nước sôi. Ăn xong xếp gọn bát, đĩa trên mặt bàn, xếp ghế vào gầm bàn trước khi rời nhà ăn.

7. Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị

a. Khi quân nhân được giao vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật phải chấp hành nghiêm chế độ bảo quản hàng ngày, hàng tuần.

- Hàng ngày: Vũ khí bộ binh bảo quản 15 phút, vũ khí trang bị kỹ thuật khác, khí tài phức tạp bảo quản 30 phút, thời gian bảo quản vào giờ thứ 8.

- Hàng tuần: Vũ khí bộ binh bảo quản 40 phút, vũ khí, trang bị kỹ thuật khác, khí tài phức tạp bảo quản từ 3 đến 5 giờ; thời gian bảo quản vào ngày làm việc cuối tuần.

- Sau khi bắn đạn thật phải bảo quản vũ khí theo đúng qui trình kỹ thuật.

b. Lau chùi, bảo quản vũ khí trang bị hàng ngày, hàng tuần do chỉ huy trực tiếp tổ chức tiến hành, có sự hướng dẫn của nhân viên chuyên môn kỹ thuật.

Vị trí lau chùi vũ khí, trang bị kỹ thuật phải sạch sẽ. Có đủ bàn, bạt, dụng cụ và các điều kiện để tháo lắp bảo quản. Trước khi lau chùi phải khám súng.

c. Tuân thủ đúng qui tắc, qui trình tháo lắp, mức độ tháo, lau chùi hàng ngày, hàng tuần theo qui định đối với từng loại vũ khí, khí tài. Khi lau xong phải khám súng kiểm tra.

Người chỉ huy phải phân công quân nhân lau chùi, bảo quản vũ khí trang bị của những người vắng mặt.

8. Thể thao, tăng gia sản xuất

a. Hàng ngày sau giờ lau vũ khí, trang bị, người chỉ huy các đơn vị phải tổ chức tập thể thao và tăng gia sản xuất cải thiện đời sống. Thời gian từ 40'÷45'. Người chỉ huy cấp đại đội, trung đội và tương đương căn cứ vào tình hình cụ thể để phân chia hợp lý và bố trí luân phiên trong tuần để bảo đảm cho mọi quân nhân đều được tập thể thao và tăng gia sản xuất.

b. Tổ chức tập thể thao buổi chiều phải căn cứ vào tình hình sân bãi và dụng cụ hiện có để sắp xếp, bảo đảm cho mọi quân nhân đều được tập luyện tập. Nội theo hướng dẫn của ngành thể thao quân đội.

Người chỉ huy phải trực tiếp tổ chức, hướng dẫn luyện tập. Các môn tập luyện dễ xảy ra tai nạn phải tổ chức bảo đảm an toàn.

c. Tổ chức tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống phải chặt chẽ, có kế hoạch thống nhất trong từng đơn vị. Người chỉ huy phải căn cứ vào tình hình cụ thể của nơi đóng quân để xác định kế hoạch, chỉ tiêu tăng gia sản xuất cho đơn vị được phù hợp. Quân nhân được phân công tăng gia sản xuất phải tích cực, tự giác thực hiện, không được làm việc khác trong giờ tăng gia sản xuất.

9. Đọc báo, nghe tin

- Hàng ngày trước giờ học tập, sinh hoạt tối 15 phút quân nhân đều được đọc báo, nghe tin. Việc đọc báo, nghe tin tập trung chỉ tổ chức trong các ngày sinh hoạt tối, các tối khác tự nghiên cứu.

- Đọc báo, nghe tin tập trung tổ chức ở cấp trung đội hoặc đại đội và tương đương. Đến giờ quy định mọi quân nhân phải có mặt ở vị trí quy định và giữ trật tự để nghe.

Người được phân công phụ trách đọc báo phải chuẩn bị trước để đọc lưu loát dễ nghe.

Người phụ trách truyền tin, trước giờ truyền tin phải kiểm tra máy móc bảo đảm nghe tốt.

10. Điềm danh, điểm quân số

- Hàng ngày trước giờ ngủ, phải tiến hành điềm danh, điểm quân số, nhằm quản lý chặt chẽ quân số, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu.

+ Trung đội và tương đương tuần điềm danh 2 lần, các tối khác điểm quân số.

+ Đại đội và tương đương một tuần điềm danh một lần.

+ Chỉ huy tiểu đoàn và tương đương mỗi tuần dự điềm danh của một đại đội.

Thời gian điềm danh, điểm quân số không quá 30 phút. Điềm danh, điểm quân số ở cấp nào do chỉ huy cấp đó trực tiếp tiến hành.

- Đến giờ điềm danh, điểm quân số, mọi quân nhân có mặt tại đơn vị phải tập hợp thành đội ngũ, trang phục đúng qui định.

- Chỉ huy đơn vị đọc danh sách các quân nhân ở từng phân đội theo quân số đơn vị quản lý (đọc cấp bậc, họ và tên từng quân nhân). Quân nhân nghe đọc tên mình phải trả lời “Có”. Quân nhân vắng mặt, người chỉ huy trực tiếp của quân nhân đó trả lời “Vắng mặt” kèm theo lý do.

- Điểm danh xong người chỉ huy nhận xét phổ biến công tác ngày hôm sau.

+ Khi điểm quân số cũng tiến hành như điểm danh nhưng không phải gọi tên. Người chỉ huy trực tiếp kiểm tra quân số thuộc quyền, sau đó báo cáo theo hệ thống tổ chức lên người chỉ huy điểm quân số.

Nhận báo cáo xong, người chỉ huy điểm quân số có thể kiểm tra toàn bộ hoặc một số bộ phân đội.

11. Ngủ, nghỉ

- Trước giờ ngủ, trực ban, cán bộ chỉ huy trực tiếp các phân đội phải đôn đốc mọi người chuẩn bị chăn, chiếu, mắc màn để ngủ được đúng giờ. Đến giờ ngủ, kiểm tra việc sử dụng ánh sáng, quần áo, giày dép, trang bị để đúng qui định.

- Quân nhân khi lên giường ngủ phải để quần áo, giày dép đúng vị trí, thứ tự, gọn gàng, phải trật tự, yên tĩnh. Những người có việc làm quá giờ đi ngủ phải báo cáo người chỉ huy hoặc trực ban và phải làm việc ở nơi qui định. Những người làm nhiệm vụ về muộn phải nhẹ nhàng vào giường ngủ, không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ người khác.

B. CHẾ ĐỘ TRONG TUẦN

1. Chào cờ, duyệt đội ngũ

a. Cấp đại đội, tiểu đoàn và tương đương ở các đơn vị, các học viện, nhà trường đào tạo sỹ quan, hạ sỹ quan, nhân viên chuyên môn phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ vào sáng thứ 2 hàng tuần.

Cơ quan trung, lũ đoàn và các đơn vị trực thuộc của trung, lũ đoàn trong điều kiện đóng quân tập trung phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ chung vào sáng thứ 2 hàng tuần, do phó trung, lũ đoàn trưởng quân sự chỉ huy. Nếu các đơn vị trực thuộc đóng quân cơ quan trung, lũ đoàn thì phải tổ chức chào cờ theo quy định.

b. Cấp trung đoàn và tương đương, học viện, trường, cơ quan cấp sư đoàn, cơ quan quân sự, biên phòng tỉnh (thành) khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ một lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

Cơ quan quân khu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn, Bộ đội Biên phòng và tương đương, khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ toàn cơ quan một lần vào sáng thứ 2 tuần đầu, tháng đầu quý, do một thủ trưởng bộ tư lệnh chỉ huy, các tháng khác do từng cục tự tổ chức một lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

Học viện, trường có quân số nhiều hơn đơn vị cấp trung đoàn trước khi tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ người chỉ huy phải nắm quân số, quy định vị trí tập

hợp của từng cơ quan, đơn vị và thứ tự duyệt đội ngũ trong điều hành, khi chỉnh đốn hàng ngũ, người chỉ huy đứng tại vị trí chỉ huy (chính giữa phía trước đội hình) chỉ huy đơn vị, không phải về bên phải đội hình chỉnh đốn hàng ngũ.

c. Cơ quan quân sự huyện (quận), đồn Biên phòng tổ chức chào cờ một lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

d. Trong tuần cấp trên tổ chức chào cờ thì cấp dưới không tổ chức chào cờ.

e. Các đơn vị đóng quân gần địch do Tư lệnh Quân khu, quân đoàn và tương đương được quyền cho phép đơn vị thuộc quyền không tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ nếu thấy không bảo đảm an toàn, sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

f. Tất cả quân nhân có mặt trong đơn vị phải tham gia chào cờ, trừ người làm nhiệm vụ hoặc đau ốm được người chỉ huy trực tiếp cho vắng mặt; quân nhân phải tham gia duyệt đội ngũ.

- Chào cờ, duyệt đội ngũ cấp nào do người chỉ huy cấp đó chủ trì và điều hành.

- Chào cờ cơ quan từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên, do phó chỉ huy kiêm tham mưu trưởng hoặc phó chỉ huy quân sự chỉ huy.

Đội hình chào cờ duyệt đội ngũ thực hiện theo quy định của Điều lệnh đội ngũ.

- Thời gian chào cờ duyệt đội ngũ được tính vào giờ hành chính: Cấp đại đội, tiểu đoàn và cơ quan có số quân tương đương không quá 30 phút, cấp trung đoàn, nhà trường và cơ quan có số quân tương đương không quá 40 phút.

Đến 18 giờ trong ngày trực ban nội vụ hạ cờ xuống.

2. Thông báo chính trị

a. Đối với cấp Tiểu đoàn, đại đội độc lập và tương đương, mỗi tuần quân nhân có 30 phút chính thức để nghe thông báo chính trị vào sáng thứ 2 ngay sau khi kết thúc chào cờ và nhận xét tuần, trước khi duyệt đội ngũ.

b. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng một tháng được nghe thông báo chính trị một lần 2 giờ (không tính vào thời gian làm việc chính thức), do cấp trung đoàn và tương đương trở lên tổ chức.

Nội dung do cán bộ chính trị phụ trách.

3. Tổng vệ sinh doanh trại

Mỗi tuần các đơn vị phải tổ chức và bố trí thời gian thống nhất để làm tổng vệ sinh doanh trại, đảm bảo môi trường sạch đẹp.

C. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ KHÁC

1. Chế độ hội họp

a. Hội họp được tổ chức theo từng cấp ở đơn vị. Tùy theo tính chất nhiệm vụ của đơn vị để tổ chức họp đoàn thể quân nhân trong đơn vị hoặc chỉ họp riêng cán bộ.

b. Hội họp giao ban thuộc lĩnh vực, công tác nào thì người chủ trì lĩnh vực công tác đó hoặc người được uỷ quyền chủ trì điều khiển. Người làm công tác tổ chức hội họp, giao ban báo cáo người chủ trì, nếu có cấp trên đến dự thì báo cáo cấp trên.

c. Nội dung họp phải chuẩn bị trước, ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ. Người điều khiển họp phải lắng nghe ý kiến tham gia và kết luận rõ ràng. Người dự họp phải căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian để phát biểu, trong khi họp phải lắng nghe ý kiến của nhau và nắm chắc kết luận của người điều khiển họp.

2. Chế độ trực ban nội vụ, trực nhật

a. Chế độ trực ban nội vụ

- Trực ban nội vụ được tổ chức trong từng cơ quan, đơn vị, để giúp người chỉ huy duy trì kỉ luật, trật tự nội vụ, vệ sinh và duy trì thời gian làm việc trong đơn vị.

- Tổ chức trực ban nội vụ: Đơn vị từ cấp đại đội, tiểu đoàn tương đương, các cơ quan từ cấp trung đoàn, lữ đoàn, sư đoàn, quân đoàn binh chủng, quân chủng, Bộ đội Biên phòng tỉnh (thành phố), ban chỉ huy quân sự huyện (quận), cơ quan quân khu, học viện, trường, bệnh viện, xí nghiệp và tương đương phải tổ chức trực ban nội vụ.

- Trách nhiệm của chỉ huy và thời gian trực ban nội vụ.

+ Người chỉ huy từng cấp có trách nhiệm chỉ định quân nhân làm trực ban nội vụ và phải thông báo đến từng người thực hiện trước một tuần.

+ Thời gian làm trực ban nội vụ là một ngày đêm. Trực ban vào ngày nghỉ được nghỉ bù.

- Yêu cầu trực ban nội vụ.

+ Quân nhân làm trực ban nội vụ phải nắm chắc chức trách và chuẩn bị đầy đủ để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được liên tục suốt phiên trực.

+ Quân nhân làm nhiệm vụ trực ban trang phục phải chỉnh tề, đeo biển trực ban. Sau khi hết nhiệm vụ phải bàn giao cho trực ban mới trước người chỉ huy hoặc người được uỷ quyền.

- Trực ban nội vụ đơn vị.

+ Trực ban nội vụ Tiểu đoàn do sỹ quan trong tiểu đoàn từ trung đội trưởng đến phó đại đội trưởng luân phiên đảm nhiệm.

Trực ban nội vụ đại đội do phó trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và QNCN trong đại đội luân phiên đảm nhiệm.

+ Chức trách của trực ban nội vụ đơn vị.

Nắm vững lịch công tác hàng ngày của các phân đội kịp thời chuyển đến các phân đội những mệnh lệnh và chỉ thị của người chỉ huy.

Phát hiệu lệnh về thời gian làm việc, đôn đốc các đơn vị hoạt động theo thời gian biểu đã quy định.

Duy trì trật tự nội vụ vệ sinh trong đơn vị, nhắc nhở mọi người chấp hành các quy định về trang phục, lễ tiết, tác phong, quy định về vệ sinh trong doanh trại, các quy định về phòng gian giữ bí mật, bảo đảm an toàn. Kiểm tra việc chấp hành nhiệm vụ của trực ban khu trang bị kỹ thuật (nếu có), trực ban nghiệp vụ, phân đội canh phòng.

Nắm tình hình quân số, vũ khí trang bị của các phân đội, báo cáo chỉ huy và trực ban nội vụ cấp trên. Tiếp đón, hướng dẫn khách đến đơn vị công tác.

Trường hợp xảy ra cháy nổ, thiên tai, thảm họa, tai nạn hoặc có việc bất trắc, phải nhanh chóng phát lệnh báo động, đồng thời báo cáo ngay với chỉ huy và trực ban nội vụ cấp trên để xử trí.

Kiểm tra việc bảo đảm ăn uống hàng ngày của đơn vị, đôn đốc quân y chăm sóc bữa ăn cho người ốm tại trại.

Ghi nhật ký trực ban về tình hình đơn vị theo mẫu quy định để bàn giao cho trực ban mới.

+ Trực ban nội vụ cơ quan

(Nguyên cứu tài liệu Điều lệnh quản lý bộ đội Điều 69 trang 64, 65.)

b. Chế độ trực nhật

- Trực nhật tổ chức ở cấp trung đội hoặc tiểu đội và tương đương nhằm giúp người chỉ huy duy trì trật tự nội vụ, vệ sinh trong phạm vi trung đội, tiểu đội của mình. Trực nhật do các chiến sĩ trong trung đội, tiểu đội luân phiên đảm nhiệm theo sự phân công của chỉ huy trung đội, tiểu đội, dưới quyền của trực ban nội vụ đại đội. Thời gian làm nhiệm vụ trực nhật 1 ngày đêm. Trong thời gian làm trực nhật phải tham gia học tập, công tác.

- Chức trách trực nhật

+ Hàng ngày vào giờ thể dục, thể thao, làm vệ sinh nơi công cộng, lấy nước uống, chăm sóc người ốm đau trong trung đội, tiểu đội.

+ Nhắc nhở mọi người trong trung đội, tiểu đội, chấp hành các quy định về trật tự nội vụ, vệ sinh, trang phục, râu, tóc đúng quy định, giữ gìn vũ khí trang bị và các tài sản khác, chấp hành thời gian sinh hoạt, học tập, công tác theo thời gian biểu.

3. Chế độ báo động luyện tập

a. Các đơn vị phải tổ chức báo động luyện tập, nhằm rèn luyện cho bộ đội tinh thần sẵn sàng chiến đấu, luôn ở tư thế chủ động, kịp thời giải quyết các tình huống xảy ra.

b. Hình thức báo động

Báo động luyện tập tiến hành ở từng cấp, từng bộ phận hoặc toàn cơ quan, đơn vị và được chia thành các loại như sau:

- Báo động luyện tập chiến đấu tại chỗ theo các phương án chuẩn bị chiến đấu của đơn vị.

- Báo động luyện tập di chuyển đến các vị trí để nhận nhiệm vụ chiến đấu được giao.

- Báo động luyện tập làm nhiệm vụ phòng chống cháy nổ, bão lụt, thảm họa môi trường, cứu hộ cứu nạn.

- Báo động luyện tập chuyển trạng thái theo Chỉ lệnh của Bộ Quốc phòng về sẵn sàng chiến đấu.

c. Quyền hạn báo động

- Quyền báo động luyện tập và kết thúc báo động do người chỉ huy từng cấp quyết định.

- Người chỉ huy cấp trên hoặc người được cấp trên ủy quyền kiểm tra báo động luyện tập phải căn cứ vào mục đích, yêu cầu việc rèn luyện của đơn vị, căn cứ vào kế hoạch, nội dung báo động và cấp trên đã phê duyệt để tiến hành.

- Trường hợp báo động vượt cấp hoặc báo động đột xuất cần thông báo trước một thời gian nhất định để người chỉ huy đơn vị mà cấp trên có ý định đến kiểm tra.

d. Chế độ báo động

- Báo động luyện tập tiến hành theo định kỳ tuần, tháng hoặc bất thường. Khi thực hiện mọi người phải chấp hành đúng các quy định theo từng loại báo động luyện tập.

- Báo động luyện tập có liên quan đến nhân dân địa phương nơi đóng quân, người chỉ huy phải thông báo cho chính quyền địa phương biết.

4. Chế độ phòng gian, giữ bí mật

a. Trách nhiệm của quân nhân

- Mọi quân nhân đều có trách nhiệm phòng gian, giữ bí mật, tuyệt đối không được làm lộ bí mật của cơ quan, đơn vị, quân đội và Nhà nước.

b. Trách nhiệm của người chỉ huy và chính ủy, chính trị viên.

Người chỉ huy và chính ủy, chính trị viên các cấp phải gương mẫu chấp hành kỷ luật phòng gian, giữ bí mật, có trách nhiệm thường xuyên giáo dục, kiểm tra cấp dưới thuộc quyền triệt để chấp hành các quy định về phòng gian, giữ bí mật trong mọi lĩnh vực công tác, học tập, sinh hoạt, chiến đấu. Phải quy định cụ thể việc quản lý kiểm tra công văn, tài liệu trong phạm vi thuộc quyền.

c. Trách nhiệm của quân nhân văn thư, lưu trữ

Quân nhân khi giữ gìn, sao lục, lưu trữ, giao nhận, đăng ký, thống kê công văn, tài liệu phải đúng quy tắc bảo mật, không được để lộ bí mật làm mất công văn, tài liệu, con dấu. Khi để thất lạc hay mất tài liệu, sổ công văn hoặc phát hiện các vấn đề lộ bí mật phải báo cáo ngay cho cấp trên trực tiếp và cơ

quan bảo mật, bảo vệ để tiến hành điều tra xác minh kịp thời báo cáo lên cấp trên xử trí.

d. Nghiêm cấm quân nhân

- Tìm hiểu những điều bí mật không thuộc phạm vi chức trách
- Quan hệ với tổ chức và phần tử phản cách mạng, không để người khác lợi dụng làm việc có hại đến lợi ích của Nhà nước, của quân đội, của nhân dân.
- Xem tài liệu, sách báo, truyền đơn của địch, truyền tin đồn nhảm.

5. An toàn tham gia giao thông

- QN chấp hành nghiêm qui định khi tham gia giao thông
- Đảm bảo an toàn kỹ thuật xe và đủ điều kiện theo quy định
- Nghiêm cấm HSQ, CS, HV chưa phải là SQ điều khiển xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông.

D. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN CỦA CHỈ HUY PHÂN ĐỘI

1. Thường xuyên giáo dục cho mọi quân nhân thuộc quyền về ý nghĩa, nội dung các chế độ trong ngày, trong tuần.
2. Người chỉ huy các cấp phải gương mẫu chấp hành kỷ luật, chấp hành các chế độ, có trách nhiệm thường xuyên tổ chức cho quân nhân thuộc quyền triệt để chấp hành trong mọi lĩnh vực công tác, học tập, sinh hoạt, chiến đấu.
3. Kiểm tra tỉ mỉ, sâu sát, có nhận xét đánh giá kết quả thực hiện. Đồng thời, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời.
4. Thưởng phạt nghiêm minh, đúng người, đúng việc.
5. Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng trong thực hiện các nền nếp chế độ.

MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN hiện nay đặt ra những yêu cầu mới cao hơn, nặng nề hơn; trong đó, xuất hiện nhiều nhân tố mới tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

Các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hoà bình”, trọng tâm là âm mưu thúc đẩy “tự diễn biến”, “phi chính trị hóa quân đội”, hòng chia rẽ Đảng, Nhà nước và Quân đội, làm cho Quân đội mất phương hướng, lý tưởng, mục tiêu chiến đấu, tiến tới xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với QĐND.

Tình hình đó đòi hỏi phải đẩy mạnh xây dựng QĐND theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”; trong đó, xây dựng quân đội chính quy là nội dung quan trọng, thường xuyên.

I. ĐÓNG QUÂN TRONG DOANH TRẠI

1. Quy định chung

- Tổ chức đóng quân trong doanh trại phải đáp ứng yêu cầu SSCĐ thuận lợi công tác huấn luyện, sinh hoạt bảo vệ sức khỏe. Phải bảo đảm cho mọi QN được ăn ở, sinh hoạt trong doanh trại theo đúng tiêu chuẩn quy định của Nhà nước và QĐ.

- Trong điều kiện bình thường thời bình, người chỉ huy từ cấp sư đoàn hoặc tương đương trở lên được quyền cho sỹ quan, QNCN, công chức quốc phòng và công nhân viên quốc phòng thuộc quyền được ăn nghỉ tại gia đình ngoài doanh trại trong ngày nghỉ, giờ nghỉ. Những người được phép ăn nghỉ tại gia đình phải đăng ký họ tên, địa chỉ gia đình, số máy điện thoại (nếu có) vào sổ của đơn vị. Khi thay đổi phải báo cáo ngay.

- Quân nhân không được ăn ở tại nơi cất giữ tài liệu mật, nơi để lương thực, thực phẩm, nhà kho, nơi để trang thiết bị kỹ thuật; nơi để xe pháo, phòng thí nghiệm.

- Khu vực gia đình sỹ quan, QNCN, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng, trạm đón tiếp gia đình QN phải ở ngoài doanh trại hoặc ngăn thành khu riêng biệt.

- Trong doanh trại phải có phòng ngủ, nhà tắm, vệ sinh riêng cho nữ QN, không để người ngoài QĐ ăn ở, sinh hoạt trong doanh trại.

2. Tổ chức đóng quân đơn vị

Tổ chức đóng quân của đơn vị phải đảm bảo:

- Nhà ngủ của cán bộ, chiến sỹ;
- Nhà làm việc, học tập, phòng trực ban;
- Nhà ăn, nhà bếp, nhà kho;
- Hội trường, phòng Hồ Chí Minh;

- Nơi để vũ khí, dụng cụ, phương tiện, khí tài huấn luyện;
- Nơi lau vũ khí trang bị;
- Sân tập hợp, chào cờ, tập đội ngũ, thể dục thể thao;
- Nhà vệ sinh;
- Phải có các loại biển tên, các loại bảng thống nhất từ công doanh trại đến từng loại nhà (nhà ở, nhà làm việc, nhà học tập, nhà ăn...) quy định thống nhất kích thước, quy cách vị trí treo các loại biển, bảng.

3. Quy định nhà ngủ

- Nhà ngủ là nơi ở và sinh hoạt hàng ngày ngoài giờ làm việc, huấn luyện của QN trong thời gian tại ngũ, nhà ngủ phải thoáng mát, hợp vệ sinh, có biện pháp chống nóng, chống rét, chống đột;
- Sắp xếp nhà ngủ cho phân đội, phòng ngủ cho từng quân nhân phải theo tiêu chuẩn thống nhất quy định cho từng đối tượng;
- Trong phòng ngủ của hạ sỹ quan phải có đủ giường nằm và đồ dùng tiện nghi sinh hoạt. Việc sắp xếp trong phòng ngủ phải căn cứ tình hình thực tế để quy định thống nhất, gọn gàng, thuận tiện;
- Bố trí nhà ở của bộ đội phải có dây phơi quần áo, dây phơi khăn mặt, dây mắc màn, giá để ba lô, mũ, giá để bát đĩa, giá để giày, dép, giá (tủ) súng. các loại bảng biển theo quy định của BTMM và phải thống nhất cho từng loại nhà. Giường phải kê thẳng hàng có biển tên QN, có nơi ra vào thuận tiện;
- Vũ khí trang bị cho cá nhân phải để trên giá súng hoặc trong tủ súng đặt ở nơi quy định, thuận tiện cho bảo quản và sử dụng. Tại vị trí để súng có biển tên và số súng của QN giữ súng, vũ khí, khí tài mang vác tập thể phải để đúng nơi quy định;
- Nơi ngủ sỹ quan được bố trí riêng, đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt phải sắp xếp gọn gàng trật tự.

4. Quy định nhà học tập, làm việc

- Trong doanh trại phải có nhà làm việc của chỉ huy, của cơ quan và nhà học tập của từng đơn vị, cơ quan từ cấp trung đoàn trở lên phải có nhà làm việc riêng;
- Nhà học tập của đơn vị phải có những thiết bị, dụng cụ phương tiện huấn luyện cần thiết, các loại bảng, biểu theo quy định của BTMM. Phải bố trí chỗ ngồi thuận tiện cho người nghe, nhìn, ghi chép; quy định nơi để súng, để mũ, để áo mưa, các vận dụng khác cho cá nhân.

5. Quy định nhà ăn, nhà bếp

- Nhà ăn, nhà bếp phải bố trí nơi cao ráo, hợp vệ sinh, tiện nguồn nước. Phải sắp xếp trật tự, ngăn nắp, sạch sẽ, có biện pháp tích cực phòng chống ruồi muỗi, dán, chuột, mối, mọt và các loại côn trùng khác gây bệnh;
- Trong nhà ăn quy định, khu vực ăn của sỹ quan, khu vực ăn của hạ sỹ quan binh sỹ; phải có bàn để cơm thùng nước uống, có nước sôi nhúng bát đĩa,

nước rửa tay, rửa bát và nơi để thức ăn lưu nghiệm;

- Nhà bếp phải có đủ dụng cụ, phương tiện nấu ăn; chia thức ăn; có kho lương thực, thực phẩm; nơi chứa nước ăn, nơi để chất đốt.

6. Quy định ánh sáng ban đêm

- Trong doanh trại phải có ánh sáng ban đêm, bảo đảm cho sinh hoạt học tập của QN. Phải có đủ đèn cho nhà ngủ, nhà làm việc nơi sinh hoạt công cộng; nhà trực ban, nhà của đội canh gác và những nơi cần thiết phải duy trì ánh sáng ban đêm;

- Mọi QN phải có trách nhiệm bảo vệ và sử dụng tiết kiệm phương tiện và nguồn ánh sáng trong doanh trại. Cấm tự tiện móc nối lấy điện sử dụng riêng ngoài quy định chung của đơn vị.

7. Quy định tiếp khách

- Quân nhân có người nhà, bạn bè đến thăm phải báo cáo người chỉ huy trực tiếp và được đón tiếp ở nơi quy định. Không được đưa vào doanh trại;

- Không tiếp người nhà bạn bè trong giờ làm việc, trường hợp cần thiết phải được phép của người chỉ huy;

- Khi có khách người chỉ huy phải thông báo cho QN biết và tạo điều kiện cho quân nhân sớm được gặp khách. Tự mình cử cán bộ ra thăm hỏi gia đình, người thân của QN thuộc quyền. Đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tối thiểu để QN tiếp người nhà, bạn bè đến thăm chu đáo, thân tình;

- Cán bộ, nhân viên ở trạm đón tiếp khách phải vui vẻ, chu đáo nhanh chóng thu xếp nơi ăn, ở, sinh hoạt cho khách; phổ biến tiêu chuẩn, chế độ, thủ tục nội quy nhà khách và hướng dẫn khách thực hiện;

- Khi khách rời khỏi trạm phải thanh toán đầy đủ thu lại những đồ dùng sinh hoạt đã cho mượn, giải quyết chu đáo mọi việc cần thiết khác.

II. CÁC CHẾ ĐỘ NỀN NẾP CHÍNH QUY VÀ BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ

A. CÁC CHẾ ĐỘ NỀN NẾP CHÍNH QUY

Chính quy là gì? Hiểu đơn giản nhất, đó là mọi việc được thực hiện một cách khoa học, chính xác và nền nếp.

Các nền nếp chính quy gồm các nội dung sau:

1. Mang mặc, lễ tiết tác phong

Nếp sống chính quy trước hết thể hiện ở đầu tóc luôn gọn gàng; mặc quân phục thống nhất, đúng lúc, đúng chỗ; lễ tiết chuẩn mực, tác phong chỉnh tề; đi lại, ra vào doanh trại theo chế độ quy định.

Trong giao tiếp luôn thể hiện là người có văn hóa, tinh tế, nhã nhặn, gặp đồng chí, đồng đội chào hỏi đúng điều lệnh, điều lệ; biết ứng xử theo đạo lý “trên kính dưới nhường”, giữ gìn đoàn kết nội bộ.

2. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác ngày, tuần

Trong sinh hoạt, học tập hằng ngày, thường xuyên duy trì nội vụ gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ, làm việc có khoa học, thực hiện giờ nào việc ấy.

Trong công tác, hiểu rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình, thấu suốt nhiệm vụ được phân công, quán triệt và thể hiện đúng phương châm “Làm việc theo chức trách, hành động theo điều lệnh”. Dù ở đâu, làm gì, trên cương vị nào, mỗi cán bộ, chiến sĩ đều thể hiện ý thức kỷ luật “Quân lệnh như sơn”, “Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh cấp trên; khi nhận bất cứ nhiệm vụ gì đều tận tâm, tận lực thi hành nhanh chóng và chính xác” như lời thề danh dự thứ hai của quân nhân, đã quy định.

- *Chế độ Trong ngày*

1. Treo Quốc kỳ
2. Thức dậy
3. Thể dục sáng
4. Kiểm tra sáng
5. Học tập
6. Ăn uống
7. Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị
8. Thể thao, tăng gia sản xuất
9. Đọc báo, nghe tin
10. Điểm danh, điểm quân số
11. Ngủ, nghỉ

- *Chế độ Trong tuần*

1. Chào cờ, duyệt đội ngũ
2. Thông báo chính trị
3. Tổng vệ sinh doanh trại

3. Chế độ kiểm tra

- Kiểm tra là trách nhiệm thường xuyên của người chỉ huy các cấp, nhằm nắm tình hình, giúp đỡ cấp dưới hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng thời xem xét lại kết quả chỉ huy, chỉ đạo của cấp mình.

- Kiểm tra được tiến hành theo định kỳ hoặc đột xuất; kế hoạch kiểm tra phải chu đáo, tỉ mỉ; tác phong phải sâu sát, nắm được thực chất, đánh giá chính xác, tìm đúng nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục:

- Nội dung kiểm tra thường căn cứ vào nhiệm vụ của đơn vị, yêu cầu của cấp trên và ý định người chỉ huy, có thể kiểm tra toàn diện hoặc một mặt.

4. Chế độ báo cáo, thông báo

4.1. Báo cáo là trách nhiệm của cấp dưới với cấp trên, nhằm làm cho cấp trên nắm được tình hình để lãnh đạo, chỉ huy kịp thời, chính xác.

- Chỉ huy cấp dưới phải báo cáo với chỉ huy cấp trên theo chế độ quy định. Từng cơ quan, từng ngành nghiệp vụ ngoài việc báo cáo cho người chỉ huy và chính ủy, chính trị viên còn phải báo cáo lên cơ quan, ngành nghiệp vụ cấp trên theo hệ thống chỉ đạo ngành dọc;

- Báo cáo phải trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời, ngắn gọn, rõ ràng.

4.2. Thông báo tình hình là trách nhiệm của cấp trên đối với cấp dưới để người chỉ huy, chính ủy hoặc chính trị viên cấp dưới nắm được ý định của cấp trên và tình hình chung, thực hiện các nhiệm vụ được thuận lợi. Thông báo phải kịp thời, rõ ràng và đầy đủ.

4.3. Báo cáo, thông báo theo định kỳ hoặc bất thường được thể hiện bằng văn bản hoặc sơ đồ, biểu đồ, thống kê; kết hợp giữa thuyết minh với sơ đồ, biểu đồ; bằng công điện hoặc báo cáo, thông báo trực tiếp. Người báo cáo, thông báo bằng văn bản phải ký vào văn bản.

Các báo cáo, thông báo về tác chiến, huấn luyện, tình hình chiến trường phải do người chỉ huy ký. Các báo cáo khác về từng mặt công tác do phó chỉ huy hoặc phụ trách ngành ký. Người ký báo cáo, thông báo hoặc người báo cáo trực tiếp phải chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo, thông báo.

4.4. Quy định báo cáo, thông báo:

- Trong tác chiến, báo cáo theo mệnh lệnh của người chỉ huy cấp trên;
- Trong xây dựng, huấn luyện, công tác, báo cáo hàng ngày, tuần, tháng, giai đoạn và cả năm;
- Ngành chuyên môn báo cáo tháng, quý, năm;
- Các công tác trọng tâm báo cáo hàng tuần;
- Trong mọi hoạt động của đơn vị, nếu có diễn biến phức tạp, đột xuất phải kịp thời báo cáo ngay lên cấp trên và có thể thông báo xuống cấp dưới.

5. Chế độ tự phê bình và phê bình

Tự phê bình và phê bình là trách nhiệm thường xuyên của mọi cán bộ, nhằm sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, tăng cường đoàn kết, nâng cao hiệu suất công tác, thực hiện tốt chế độ một người chỉ huy. Người chỉ huy phải tự phê bình và phê bình thành khẩn, thẳng thắn, trung thực, khách quan, đoàn kết; tiếp thu phê bình phải khiêm tốn; tuyệt đối không được thành kiến, không được lợi dụng phê bình để đả kích, vu cáo.

6. Chế độ hội họp

- Hội họp được tổ chức theo từng cấp ở đơn vị. Tùy theo tính chất nhiệm vụ của đơn vị để tổ chức họp đoàn thể quân nhân trong đơn vị hoặc chỉ họp riêng cán bộ.

- Hội họp giao ban thuộc lĩnh vực, công tác nào thì người chủ trì lĩnh vực công tác đó hoặc người được ủy quyền chủ trì điều khiển. Người làm công tác tổ chức hội họp, giao ban báo cáo người chủ trì, nếu có cấp trên đến dự thì báo cáo cấp trên.

- Nội dung họp phải chuẩn bị trước, ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ. Người điều

khiến họp phải lắng nghe ý kiến tham gia và kết luận rõ ràng. Người dự họp phải căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian để phát biểu, trong khi họp phải lắng nghe ý kiến của nhau và nắm chắc kết luận của người điều khiển họp.

7. Chế độ trực ban nội vụ, trực nhật

- Chế độ trực ban nội vụ:

+ Trực ban nội vụ được tổ chức trong từng cơ quan, đơn vị, để giúp người chỉ huy duy trì kỷ luật, trật tự nội vụ, vệ sinh và duy trì thời gian làm việc trong đơn vị.

+ Tổ chức trực ban nội vụ: Đơn vị từ cấp đại đội, tiểu đoàn tương đương, các cơ quan từ cấp trung đoàn, lữ đoàn, sư đoàn, quân đoàn binh chủng, quân chủng, Bộ đội Biên phòng tỉnh (thành phố), ban chỉ huy quân sự huyện (quận), cơ quan quân khu, học viện, trường, bệnh viện, xí nghiệp và tương đương phải tổ chức trực ban nội vụ.

+ Trách nhiệm của chỉ huy và thời gian trực ban nội vụ.

* Người chỉ huy từng cấp có trách nhiệm chỉ định quân nhân làm trực ban nội vụ và phải thông báo đến từng người thực hiện trước một tuần.

* Thời gian làm trực ban nội vụ là một ngày đêm. Trực ban vào ngày nghỉ được nghỉ bù.

+ Yêu cầu trực ban nội vụ:

* Quân nhân làm trực ban nội vụ phải nắm chắc chức trách và chuẩn bị đầy đủ để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được liên tục suốt phiên trực.

* Quân nhân làm nhiệm vụ trực ban trang phục phải chỉnh tề, đeo biển trực ban. Sau khi hết nhiệm vụ phải bàn giao cho trực ban mới trước người chỉ huy hoặc người được uỷ quyền.

+ Trực ban nội vụ đơn vị:

Trực ban nội vụ Tiểu đoàn do sỹ quan trong tiểu đoàn từ trung đội trưởng đến phó đại đội trưởng luân phiên đảm nhiệm.

Trực ban nội vụ đại đội do phó trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và QNCN trong đại đội luân phiên đảm nhiệm.

+ Chức trách của trực ban nội vụ đơn vị:

Nắm vững lịch công tác hàng ngày của các phân đội kịp thời chuyển đến các phân đội những mệnh lệnh và chỉ thị của người chỉ huy.

Phát hiệu lệnh về thời gian làm việc, đôn đốc các đơn vị hoạt động theo thời gian biểu đã quy định.

Duy trì trật tự nội vụ vệ sinh trong đơn vị, nhắc nhở mọi người chấp hành các quy định về trang phục, lễ tiết, tác phong, quy định về vệ sinh trong doanh trại, các quy định về phòng gian giữ bí mật, bảo đảm an toàn. Kiểm tra việc chấp hành nhiệm vụ của trực ban khu trang bị kỹ thuật (nếu có), trực ban nghiệp vụ, phân đội canh phòng.

Nắm tình hình quân số, vũ khí trang bị của các phân đội, báo cáo chỉ huy và trực ban nội vụ cấp trên. Tiếp đón, hướng dẫn khách đến đơn vị công tác.

Trường hợp xảy ra cháy nổ, thiên tai, thảm họa, tai nạn hoặc có việc bất trắc, phải nhanh chóng phát lệnh báo động, đồng thời báo cáo ngay với chỉ huy và trực ban nội vụ cấp trên để xử trí.

Kiểm tra việc bảo đảm ăn uống hàng ngày của đơn vị, đôn đốc quân y chăm sóc bữa ăn cho người ốm tại trại.

Ghi nhật ký trực ban về tình hình đơn vị theo mẫu quy định để bàn giao cho trực ban mới.

- Chế độ trực nhật:

+ Trực nhật tổ chức ở cấp trung đội hoặc tiểu đội và tương đương nhằm giúp người chỉ huy duy trì trật tự nội vụ, vệ sinh trong phạm vi trung đội, tiểu đội của mình. Trực nhật do các chiến sĩ trong trung đội, tiểu đội luân phiên đảm nhiệm theo sự phân công của chỉ huy trung đội, tiểu đội, dưới quyền của trực ban nội vụ đại đội. Thời gian làm nhiệm vụ trực nhật 1 ngày đêm. Trong thời gian làm trực nhật phải tham gia học tập, công tác.

+ Chức trách trực nhật:

* Hàng ngày vào giờ thể dục, thể thao, làm vệ sinh nơi công cộng, lấy nước uống, chăm sóc người ốm đau trong trung đội, tiểu đội.

* Nhắc nhở mọi người trong trung đội, tiểu đội, chấp hành các quy định về trật tự nội vụ, vệ sinh, trang phục, râu, tóc đúng quy định, giữ gìn vũ khí trang bị và các tài sản khác, chấp hành thời gian sinh hoạt, học tập, công tác theo thời gian biểu.

8. Chế độ báo động luyện tập

- Các đơn vị phải tổ chức báo động luyện tập, nhằm rèn luyện cho bộ đội tinh thần sẵn sàng chiến đấu, luôn ở tư thế chủ động, kịp thời giải quyết các tình huống xảy ra.

- Hình thức báo động:

Báo động luyện tập tiến hành ở từng cấp, từng bộ phận hoặc toàn cơ quan, đơn vị và được chia thành các loại như sau:

* Báo động luyện tập chiến đấu tại chỗ theo các phương án chuẩn bị chiến đấu của đơn vị.

* Báo động luyện tập di chuyển đến các vị trí để nhận nhiệm vụ chiến đấu được giao.

* Báo động luyện tập làm nhiệm vụ phòng chống cháy nổ, bão lụt, thảm họa môi trường, cứu hộ cứu nạn.

* Báo động luyện tập chuyển trạng thái theo Chỉ lệnh của Bộ Quốc phòng về sẵn sàng chiến đấu.

- Quyền hạn báo động:

* Quyền báo động luyện tập và kết thúc báo động do người chỉ huy từng cấp quyết định.

* Người chỉ huy cấp trên hoặc người được cấp trên uỷ quyền kiểm tra báo động luyện tập phải căn cứ vào mục đích, yêu cầu việc rèn luyện của đơn vị, căn cứ vào kế hoạch, nội dung báo động và cấp trên đã phê duyệt để tiến hành.

* Trường hợp báo động vượt cấp hoặc báo động đột xuất cần thông báo trước một thời gian nhất định để người chỉ huy đơn vị mà cấp trên có ý định đến kiểm tra.

- Báo động luyện tập tiến hành theo định kỳ tuần, tháng hoặc bất thường. Khi thực hiện mọi người phải chấp hành đúng các quy định theo từng loại báo động luyện động.

- Báo động luyện tập có liên quan đến nhân dân địa phương nơi đóng quân, người chỉ huy phải thông báo cho chính quyền địa phương biết.

9. Chế độ phòng gian, giữ bí mật

- Trách nhiệm của quân nhân:

Mọi quân nhân đều có trách nhiệm phòng gian, giữ bí mật, tuyệt đối không được làm lộ bí mật của cơ quan, đơn vị, quân đội và Nhà nước.

- Trách nhiệm của người chỉ huy và chính uỷ, chính trị viên:

Người chỉ huy và chính uỷ, chính trị viên các cấp phải gương mẫu chấp hành kỷ luật phòng gian, giữ bí mật, có trách nhiệm thường xuyên giáo dục, kiểm tra cấp dưới thuộc quyền triệt để chấp hành các quy định về phòng gian, giữ bí mật trong mọi lĩnh vực công tác, học tập, sinh hoạt, chiến đấu. Phải quy định cụ thể việc quản lý kiểm tra công văn, tài liệu trong phạm vi thuộc quyền.

- Trách nhiệm của quân nhân văn thư, lưu trữ

Quân nhân khi giữ gìn, sao lục, lưu trữ, giao nhận, đăng ký, thống kê công văn, tài liệu phải đúng quy tắc bảo mật, không được để lộ bí mật làm mất công văn, tài liệu, con dấu. Khi để thất lạc hay mất tài liệu, sổ công văn hoặc phát hiện các vấn đề lộ bí mật phải báo cáo ngay cho cấp trên trực tiếp và cơ quan bảo mật, bảo vệ để tiến hành điều tra xác minh kịp thời báo cáo lên cấp trên xử trí.

- Nghiêm cấm quân nhân:

+ Tìm hiểu những điều bí mật không thuộc phạm vi chức trách

+ Quan hệ với tổ chức và phần tử phản cách mạng, không để người khác lợi dụng làm việc có hại đến lợi ích của Nhà nước, của quân đội, của nhân dân.

+ Xem tài liệu, sách báo, truyền đơn của địch, truyền tin đồn nhảm.

B. BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ

1. Hệ thống biển, bảng, dây, giá trong doanh trại.

a) Hệ thống biển

Biển tên trong doanh trại, biển tên đặt trên bàn giao ban, bàn làm việc thực hiện đúng quy định số 1206/QĐ-TM, ngày 22/10/2006 của BTMM và theo thông báo số 1581/TB-QH, ngày 20/6/2016 của Cục Quân huấn, không bố trí các loại biển không có trong quy định.

b) Bảng treo trong từng phòng làm việc, phòng giao ban, phòng ngủ của bộ đội Thực hiện đúng quy định số 1206/QĐ-TM, ngày 22/10/2006 của BTMM. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng doanh trại để bố trí cho phù hợp và thống nhất; đối với các bảng treo ở phòng giao ban, mép dưới của bảng cách nền nhà 1,5m; đối với các bảng treo ở phòng ngủ của bộ đội, mép dưới hệ thống bảng cao hơn thành giường tầng hai (điểm cao nhất) 0,5 m, bảo đảm bộ đội khi nằm chống chân không ảnh hưởng tới bản treo. Đối với nhà ở bộ đội nằm giường một tầng treo như ở phòng giao ban.

c) Dây, giá phơi

- Dây mắc màn: Sử dụng loại dây thép bọc nhựa mềm không gỉ 03 ly. Giường một tầng mỗi hàng giường căng dây mắc màn cao 180 cm (tính từ nền nhà lên dây) hoặc từng giường có thể dùng cọc màn thống nhất (tháo ra hoặc gấp vào được) trong toàn đơn vị. Giường hai tầng căng dây mắc màn tầng trên (đối với giường tầng không có cọc màn gấp), chiều cao của dây tùy thuộc vào chiều cao của trần nhà để bố trí phù hợp do người chỉ huy thống nhất. Tùy theo loại nhà để xác định chiều dài phù hợp.

- Dây phơi khăn mặt: Sử dụng loại dây thép bọc nhựa mềm không gỉ 03 ly, căng ở hiên nhà của bộ đội, cách nền nhà 180 cm. Tùy theo loại nhà để xác định chiều dài phù hợp.

- Dây phơi quần áo ngoài trời (dây cứng): Sử dụng ống thép mạ kẽm đường kính phi 21 mm, có các móc chống trượt (Sử dụng 02 dây, dùng móc treo quần áo để phơi); cột và xà ngang sử dụng sắt hoặc thép. Bố trí phía sau hoặc đầu nhà ở, người chỉ huy quy định thống nhất bảo đảm mỹ quan. Kích thước cột cao 160 cm không tính phần chôn dưới đất; khoảng cách giữa các cột đủ phơi quần áo của một tiểu đội hoặc một đầu mối (người chỉ huy quy định thống nhất); xà ngang dài 70 cm (quy cách theo mẫu đã thống nhất tại hướng dẫn số 1083/HD-TM, ngày 12/7/2011 của BTMM);

- Giá đa năng (để mũ, giày, móc quần áo đã chiến sau huấn luyện): Trong điều kiện bộ đội huấn luyện ngoài thao trường nhiều, quần, áo, giày, mũ bị mưa ướt hoặc mồ hôi, nếu treo trong nhà ngủ của bộ đội ảnh hưởng đến môi trường vệ sinh. Thống nhất cấp tiểu đội làm 1 giá 3 tác dụng, theo mẫu đã thống nhất tại hướng dẫn số 1083/HD-TM, ngày 12/7/2011 của BTMM. Giá được đặt ở hiên sau nhà theo khu vực của từng tiểu đội, bảo đảm chính quy, thống nhất.

2. Xếp đặt trật tự nội vụ trong phòng ngủ của bộ đội

a) Gấp chăn

Chăn gấp 3 nếp bằng nhau, vuông thành. Trong có màn, màn gấp hai đầu vào giữa đầu màn thành một nếp phẳng bằng mép chăn, trên màn một nếp chăn, dưới

màn hai nếp chần kích thước mùa nóng 25 x 35 x 10cm. Mùa lạnh 35 x 45 x 25cm. Chần, gồi đặt chính giữa phía trên đầu giường. Mùa nóng xếp gồi bên dưới, chần bên trên, mùa lạnh xếp gồi bên trên, chần bên dưới.

- Mùa nóng: xếp gồi bên dưới, chần bên trên, đặt chính giữa phía trên đầu giường.

- Mùa lạnh: xếp gồi bên trên, chần bên dưới, đặt chính giữa phía trên đầu giường.

b) Xếp đặt giá ba lô

Ba lô đặt ngay ngắn chính giữa giá (nắp ba lô, túi cóc được cài, buộc đúng quy định), lưng quay về phía giường. Trên nóc ba lô úp mũ kêpi, quân hiệu hướng về phía giường; trong mũ kêpi để mũ mềm đã chiến. Sách, vở xếp gọn gàng trên giá ba lô phía bên ngoài (to bên dưới, bé bên trên, gáy quay ra ngoài).

c) Treo quần áo thường dùng

Thống nhất dùng móc phơi để treo, quần bên trong, áo bên ngoài (quần gấp đôi); mặt trước áo quay về cuối giường:

- Giường 1 tầng: Treo móc quần áo ở đầu giường phía ngoài, giáp lối ra vào; bảo đảm thuận tiện, thống nhất trong đơn vị;

- Giường 2 tầng: Treo 2 móc quần áo song song ở đầu giường tầng 1 (01 móc phía trước, 01 móc phía sau), giáp lối ra vào giường. Người tầng 1 treo phía trước, người tầng 2 treo phía sau, bảo đảm thuận tiện, thống nhất trong đơn vị.

d) Xếp đặt giá giày, dép

Xếp đặt theo nguyên tắc:

- Giường 1 tầng: Để chính giữa giá, giày bên trái, dép bên phải;

- Giường 2 tầng: Chia giá giày, dép làm 2 nửa (giày để trong chính giữa giá, dép để phía ngoài 2 bên); giường tầng 1 để nửa bên ngoài (phía đường đi), giường tầng 2 để nửa phía bên trong;

e) Xếp đặt trên giá đa năng

- Vị trí đặt giá: Hiên phía sau nhà theo vị trí của từng tiểu đội (người chỉ huy quy định thống nhất, bảo đảm mỹ quan);

- Xếp đặt trên giá: Mũ cứng úp, quân hiệu hướng lên trên; giày sau huấn luyện, mũi giày hướng lên trên; quần, áo (mọi quần, mặt trước áo quay sang trái).

MỞ ĐẦU

Đội ngũ đơn vị là nội dung quan trọng trong chương trình GDQP cho sinh viên thông qua nội dung này rèn luyện cho các em tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác chấp hành điều lệnh và các nội quy khác của nhà trường

Trang bị cho sinh viên biết và làm đúng thứ tự, động tác, vị trí của từng người khi tập hợp tiểu đội, trung đội hoặc khi đứng trong đội ngũ của cấp trên và trong luyện tập đối hướng, làm cơ sở vận dụng trong học tập và sinh hoạt.

1. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI

1.1. Đội hình tiểu đội hàng ngang

1.1.1. *Đội hình tiểu đội một hàng ngang*

* *Ý nghĩa*: Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang thường dùng trong học tập, sinh hoạt, kiểm tra, kiểm điểm, khám súng, giá súng.

* Động tác thực hiện theo 4 bước sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “Tiểu đội X thành 1 hàng ngang ... tập hợp”, có dự lệnh và động lệnh “Tiểu đội X thành 1 hàng ngang” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.

+ Động tác: Tiểu đội trưởng xác định vị trí và hướng tập hợp rồi quay về hướng các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh “Tiểu đội X”(Nếu có tiểu đội khác cùng học tập ở bên cạnh thì phải hô rõ phiên hiệu của tiểu đội mình). Ví dụ: “Tiểu đội 1”, nếu không có tiểu đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô “Tiểu đội”, khi nghe hô “*Tiểu đội*” toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh. Khi tiểu đội đã sẵn sàng chờ lệnh, tiểu đội trưởng hô tiếp: “Thành 1 hàng ngang ... tập hợp”, rồi quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp.

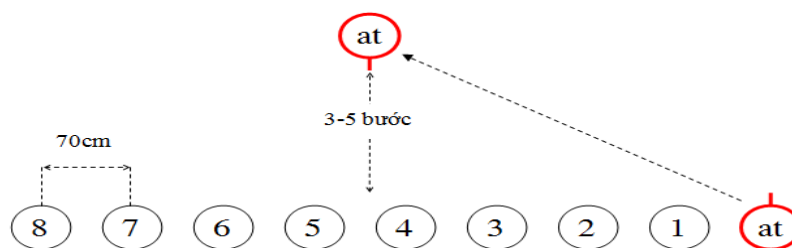
Nghe dứt động lệnh, toàn tiểu đội nhanh chóng im lặng chạy vào tập hợp (Nếu có súng phải xách súng hoặc mang súng theo quy định đối với từng loại súng) đứng về phía bên trái của tiểu đội trưởng thành 1 hàng ngang, giãn cách 70 cm (tính từ giữa 2 gót chân của 2 người đứng cạnh nhau) hoặc cách nhau khoảng 20 cm (tính từ khoảng cách 2 cánh tay của 2 người đứng cạnh nhau).

Theo thứ tự từ phải sang trái: chiến sĩ số 1 (*trung liên*) số 2 (*súng trường hoặc tiểu liên*), số 3, số 4 (*tiểu liên*), số 5 (*M79*), số 6 (*B40 hoặc B41*), số 7, số 8 (*tiểu liên*). (Hình 1.1)

Khi đã có từ 2, 3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều lên phía trước chính giữa đội hình cách 3 - 5 bước quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Từng người khi đã đứng vào vị trí phải nhanh chóng tự động đóng hàng đứng giãn cách, sau đó đứng nghỉ.

Chú ý: Muốn kiểm tra giãn cách, từng người tay phải nắm tay phải lại, chống vào thắt lưng (sườn bên phải) khi khuỷu tay của mình sát với cánh tay trái người đứng bên phải là được.



Hình 1.1. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang

- Điểm số:

+ Khẩu lệnh: “Điểm số” không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Điểm số”, các chiến sỹ theo thứ tự từ phải sang trái lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội. Khi điểm số của mình phải kết hợp quay mặt sang trái 45^0 , khi điểm số xong phải quay mặt trở lại. Người đứng cuối cùng không phải quay mặt, sau khi điểm số của mình xong thì hô “HẾT”. Từng người trước khi điểm số của mình phải chuyển về tư thế đứng nghiêm, điểm số xong về tư thế đứng nghỉ.

Điểm số phải hô to, rõ, gọn, dứt khoát, liên tục.

- Chính đồn hàng ngũ:

Trước khi chỉnh đồn hàng ngũ, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “Nhìn bên phải (trái) ... thẳng”, có dự lệnh và động lệnh “Nhìn bên phải (trái)” là dự lệnh, “thẳng” là động lệnh.

Khẩu lệnh kết hợp: “Nghiêm...Nhìn bên phải (trái) ... thẳng”.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh, trừ chiến sỹ làm chuẩn (người đứng đầu bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, còn các chiến sỹ khác phải quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên, xuống để dóng hàng và giữ giãn cách (nếu có súng khi xê dịch vị trí phải xách súng, sau khi xê dịch xong đặt súng xuống đúng vị trí).

Khi dóng hàng ngang từng người phải nhìn vào ve cổ áo của người đứng bên phải (trái) của mình.

Khi tiểu đội đã dóng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “Thôi”. Nghe dứt động lệnh “Thôi” tất cả tiểu đội đều quay mặt trở lại, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí.

Tiểu đội trưởng kiểm tra giãn cách giữa các chiến sỹ, sau đó quay nửa bên trái (phải) đi đều về phía người làm chuẩn cách 2 - 3 bước, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang.

Nếu thấy gót chân của các chiến sỹ nằm trên một đường thẳng là hàng ngang đã thẳng.

Nếu có chiến sỹ nào đứng chưa thẳng, Tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “Đồng chí A (hoặc số X)”... lên (xuống)”, chiến sỹ nghe gọi tên hoặc số của mình phải quay mặt nhìn về hướng Tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của Tiểu đội trưởng. Khi các chiến sỹ đã đứng thẳng hàng Tiểu đội trưởng hô “Được” các chiến sỹ quay mặt trở về hướng cũ.

Thứ tự sửa: từ người đứng gần tới người đứng xa, Tiểu đội trưởng có thể qua phải (trái) một bước để kiểm tra hàng.

Cũng có thể sửa 1 hoặc nhiều chiến sỹ cùng một lúc. Ví dụ: “Từ số 3 đến số 7... lên (xuống)”, các chiến sỹ trong số được gọi làm động tác như khi sửa từng người.

Chỉnh đốn xong Tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy.

Trường hợp lấy chiến sỹ đứng ở giữa hàng làm chuẩn để chỉnh đốn thì: Tiểu đội trưởng phải dùng khẩu lệnh để chỉ định người làm chuẩn: “Đồng chí A (hoặc số X làm chuẩn)”, chiến sỹ A nghe gọi, đứng nghiêm trả lời “Có” và giơ tay phải lên. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “Nhìn giữa ... thẳng”, các chiến sỹ đứng hai bên lấy người làm chuẩn để giống hàng. Chiến sỹ làm chuẩn sau khi nghe dứt động lệnh “thẳng” khoảng 5 giây thì bỏ tay xuống vẫn đứng nghiêm.

Khi chỉnh đốn hàng, Tiểu đội trưởng có thể về bên phải (trái) đội hình.

Động tác của Tiểu đội trưởng và các chiến sỹ làm như khi nhìn bên phải (trái) đội hình.

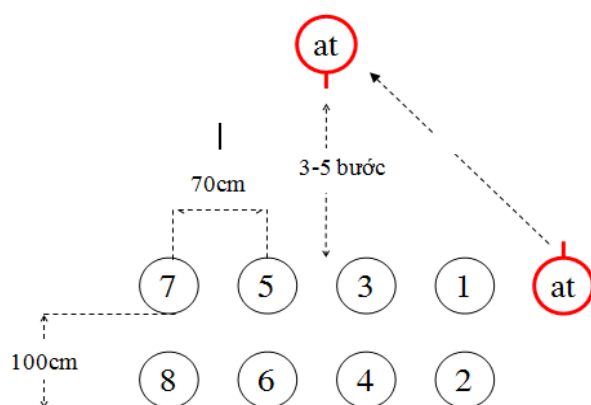
- Giải tán:

+ Khẩu lệnh “Giải tán”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Giải tán” mọi người trong tiểu đội nhanh chóng tản ra, nếu đang đứng nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi giải tán.

1.1.2. **Đội hình tiểu đội hai hàng ngang**

* *Ý nghĩa*: Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang thường dùng trong học tập, sinh hoạt, kiểm tra, kiểm điểm, giá súng.



Hình 1.2. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang

* Động tác thực hiện theo 3 bước sau:

- Tập hợp: Thực hiện tương tự như tập hợp 1 hàng ngang chỉ khác:

+ Khẩu lệnh: “Tiểu đội X thành hai hàng ngang ... tập hợp”.

+ Vị trí khi đứng trong đội hình: Các số lẻ đứng hàng trên (số 1,3,5,7) các số chẵn đứng hàng dưới (số 2,4,6,8). Cự ly giữa hàng trên và hàng dưới là 1m. (Hình 1.2)

- Chinh đồn hàng ngũ: Thực hiện tương tự như tập hợp 1 hàng ngang.

- Giải tán: Thực hiện tương tự như tập hợp 1 hàng ngang.

1.2. Đội hình tiểu đội hàng dọc

1.2.1. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

* *Ý nghĩa*: Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc thường dùng trong hành quân, khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí.

* Động tác thực hiện theo 4 bước sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc ... tập hợp”, có dự lệnh và động lệnh “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.

+ Động tác của Tiểu đội trưởng giống như ở đội hình một hàng ngang.

+ Nghe dứt động lệnh, toàn tiểu đội nhanh chóng im lặng chạy vào tập hợp (Nếu có súng phải xách súng hoặc mang súng theo quy định đối với từng loại súng) đứng sau tiểu đội trưởng thành 1 hàng dọc, cự ly giữa người đứng trước và người đứng sau là 1m (tính từ gót chân của 2 người) theo thứ tự từ trên xuống dưới: chiến sĩ số 1 (*trung liên*) số 2 (*súng trường hoặc tiểu liên*), số 3, số 4 (*tiểu liên*), số 5 (*M79*), số 6 (*B40 hoặc B41*), số 7, số 8 (*tiểu liên*).

Khi đã có từ 2,3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước đội hình, cách 3 - 5 bước quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Từng người khi đã đứng vào vị trí phải nhanh chóng tự động đóng hàng đúng giãn cách, sau đó đứng nghỉ.

- Điểm số:

+ Khẩu lệnh: “Điểm số” không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh, các chiến sĩ theo thứ tự từ trên xuống dưới lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội. Khi điểm số của mình phải đồng thời quay mặt hết cỡ sang bên trái, khi điểm số xong phải quay mặt trở lại. Người đứng cuối cùng không phải quay mặt, sau khi điểm số của mình xong thì hô “Hết”.

Điểm số phải hô to, rõ, gọn, dứt khoát, liên tục.

- Chinh đồn hàng ngũ

Trước khi chinh đồn hàng ngũ, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “Nhìn trước ... thẳng”, có dự lệnh và động lệnh “Nhìn trước” là dự lệnh, “thẳng” là động lệnh.

Khẩu lệnh kết hợp: “Nghiêm...Nhìn trước ... thẳng”.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh, trừ chiến sỹ số 1 còn các chiến sỹ khác dóng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không nhìn thấy gáy người thứ đứng thứ 2 trước mình), tự xê dịch sang phải, trái để thẳng hàng dọc và xê dịch lên, xuống để đúng cự ly (nếu có súng khi xê dịch vị trí phải xách súng, sau khi xê dịch xong đặt súng xuống đúng vị trí).

Khi tiểu đội đã dóng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “Thôi”. Nghe dứt động lệnh, toàn tiểu đội đứng nghiêm. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái đi đều về trước, chính giữa đội hình từ 2 - 3 bước, nhìn vào đội hình để kiểm tra hàng dọc.

Hàng dọc thẳng là cạnh mũ, cạnh vai của chiến sỹ nằm trên 1 đường thẳng.

Nếu chiến sỹ nào đứng chưa thẳng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh: “ Đồng chí A (hoặc số X)...Qua phải (hoặc qua trái)” để sửa, chiến sỹ nghe gọi tên hoặc số của mình làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi các chiến sỹ đã đứng thẳng hàng tiểu đội trưởng hô “Được”, lần lượt sửa từ trên xuống dưới, cũng có thể sửa từ 2-3 người chiến sỹ cùng một lúc. Sửa xong, tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy (ở bên trái phía trước đội hình)

- Giải tán: Khẩu lệnh, động tác giống như ở đội hình 1 hàng ngang.

1.2.2. *Đội hình tiểu đội hai hàng dọc*

* *Ý nghĩa*: Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc thường dùng trong hành quân, khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí.

* Động tác thực hiện theo 3 bước sau:

- Tập hợp: Thực hiện tương tự như 1 hàng dọc chỉ khác:

+ Khẩu lệnh: “ Tiểu đội X thành hai hàng dọc ... tập hợp”.

+ Vị trí khi đứng trong đội hình: Các số lẻ đứng hàng bên phải (số 1, 3, 5, 7) các số chẵn đứng hàng bên trái (số 2, 4, 6, 8); Giãn cách giữa hai hàng là 70cm.

- Chinh đồn hàng ngũ: Thực hiện tương tự như tập hợp 1 hàng dọc. Khi giống hàng, các chiến sỹ đứng ở hàng bên trái (hàng số chẵn) vừa giống hàng dọc, vừa dùng ánh mắt để giống hàng ngang.

- Giải tán: Thực hiện tương tự như tập hợp 1 hàng dọc.

*** *Những điểm chú ý*:**

+ Trước khi tập hợp, người chỉ huy phải căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung công việc, địa hình, thời tiết và phương hướng để xác định đội hình tập hợp và

hướng của tiểu đội. Khi tập hợp nên tránh hướng gió mùa, hướng mặt trời chiếu vào mắt chiến sỹ.

+ Phải xác định được đội hình, vị trí tập hợp, hướng đội hình rồi đứng tại vị trí tập hợp hô khẩu lệnh tập hợp, sau đó làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp. Nếu vị trí tập hợp xa nơi Tiểu đội trưởng đứng (quá 20 m) thì Tiểu đội trưởng phải dõng nhắc nhở tiểu đội về vị trí tập hợp. Tiểu đội trưởng không được hô dứt động lệnh “TẬP HỢP” rồi mới chạy đến vị trí tập hợp tiểu đội (dù chỉ 3 đến 4m).

+ Khẩu lệnh phải rõ ràng, dứt khoát, động tác phải khẩn trương, chuẩn xác mẫu mực. Khi sửa sai cho chiến sỹ phải dùng khẩu lệnh và động tác mẫu để chỉ huy.

+ Mỗi quân nhân khi đã vào tập hợp phải trật tự, động tác giống hàng đứng cự ly, giãn cách, tập trung nghe lệnh của Tiểu đội trưởng.

2. ĐỘI NGŨ TRUNG ĐỘI

2.1. Đội hình trung đội hàng ngang

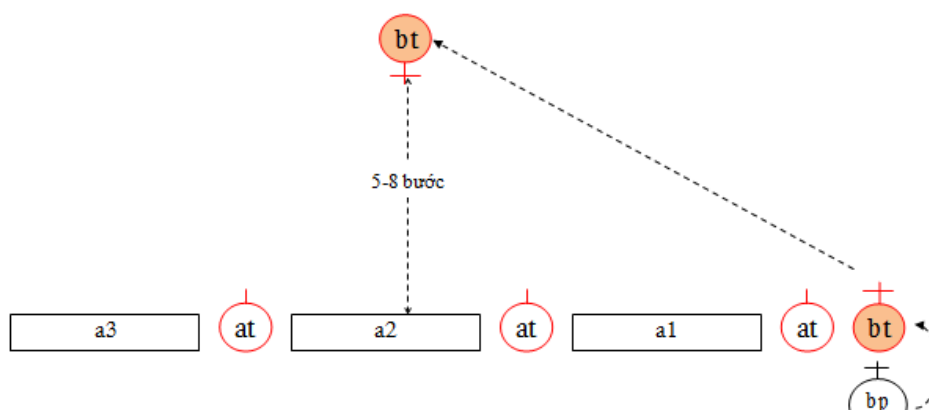
2.1.1. *Đội hình trung đội một hàng ngang*

* Ý nghĩa: Đội hình trung đội 1 hàng ngang thường dùng trong huấn luyện, kiểm tra, kiểm nghiệm, khám sủng, giá sủng.

* Động tác thực hiện theo 4 bước sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “Trung đội, thành một hàng ngang...tập hợp”, có dự lệnh và động lệnh. “Trung đội, thành một hàng ngang” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.



Hình 1.3. Đội hình trung đội 1 hàng ngang

Hô xong khẩu lệnh trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

+ Động tác:

Khi nghe dứt động lệnh “tập hợp”, toàn trung đội im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp. Phó trung đội trưởng đứng sau trung đội trưởng, đứng bên trái trung đội trưởng theo thứ tự là tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành một hàng ngang). Đứng cự ly quy định, tự động giống hàng xong thì đứng nghiêm. (Hình 1.3)

Khi tiểu đội 1 đã vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra phía trước chính giữa đội hình, cách 5 – 8 bước quay vào đội hình đơn đốc trung đội tập trung.

Từng người vào vị trí phải nhanh chóng tự động đóng hàng ngang, đứng giãn cách, sau đó đứng nghỉ.

- Điểm số:

+ Điểm số theo từng tiểu đội để đổi hình, đổi hướng:

Khẩu lệnh: “Từng tiểu đội điểm số”, không có dự lệnh.

Nghe dứt động lệnh, từng tiểu đội điểm số theo thứ tự tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Các tiểu đội trưởng không điểm số. Người đứng cuối cùng của tiểu đội điểm số xong thì hô “Hết”, không phải quay mặt.

+ Điểm số toàn trung đội để nắm quân số.

Khẩu lệnh: “Điểm số”, không có dự lệnh.

Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội điểm số, các tiểu đội trưởng cũng điểm số. Lần lượt điểm số theo thứ tự và nối tiếp nhau từ tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Người đứng cuối cùng của tiểu đội 3 điểm số xong thì hô “Hết”, không phải quay mặt.

Động tác điểm số của từng người giống như điểm số đội hình tiểu đội.

- Chính đồn hàng ngũ:

Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như chỉnh đồn hàng ngũ của đội hình tiểu đội hàng ngang, chỉ khác: vị trí chỉnh đồn đội hình, cách người làm chuẩn 3 - 5 bước.

- Giải tán:

Khẩu lệnh, động tác giống như đội hình tiểu đội hàng ngang

2.1.2. *Đội hình trung đội hai hàng ngang*

* *Ý nghĩa*: Đội hình trung đội 2 hàng ngang thường dùng trong học tập, sinh hoạt, kiểm tra, kiểm điểm, giá súng.

* Động tác thực hiện theo 3 bước sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh “Trung đội, thành hai hàng ngang...tập hợp”, có dự lệnh và động lệnh.

“Trung đội, thành hai hàng ngang” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.

Hô xong khẩu lệnh trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

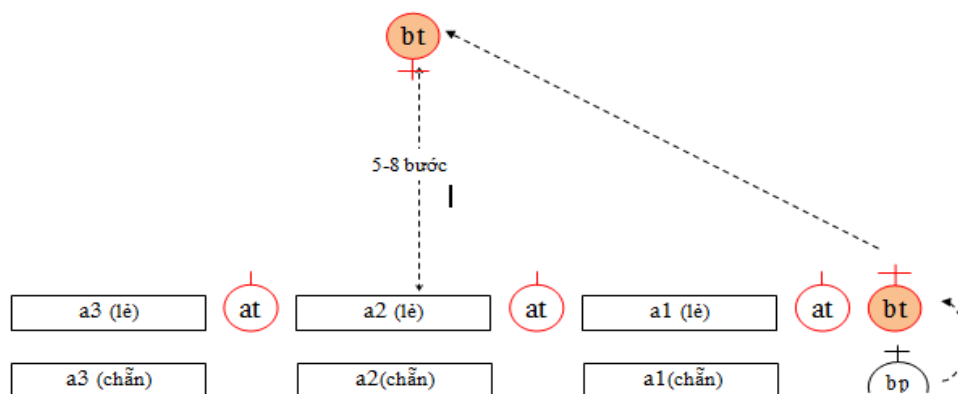
Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội nhanh chóng, im lặng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng là phó trung đội trưởng, bên trái trung đội

trưởng theo thứ tự là tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3, mỗi tiểu đội thành hai hàng ngang, các số lẻ đứng hàng trên, các số chẵn đứng hàng dưới.(Hình 1.6)

Khi thấy tiểu đội 1 đã vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra đứng ở phía trước chính giữa đội hình cách 5 – 8 bước quay vào đội hình, đơn đốc trung đội tập hợp. Trung đội phó bước lên vị trí của trung đội trưởng.

- Chính đồn hàng ngũ:

Khẩu lệnh, động tác của trung đội trưởng và các chiến sĩ trong trung đội giống như chỉnh đồn hàng ngũ đội hình trung đội một hàng ngang.



Hình 1.4. Đội hình trung đội 2 hàng ngang

Chỉ khác: Cả hai hàng đều phải quay mặt và dóng hàng, các chiến sĩ đứng ở hàng dưới vừa dóng hàng ngang vừa phải dóng hàng dọc. Người làm chuẩn đứng ở đầu (hoặc cuối) của từng hàng nhìn thẳng.

Trung đội trưởng kiểm tra hàng trên trước, hàng dưới sau.

- Giải tán: Thực hiện như đội hình tiểu đội hàng ngang.

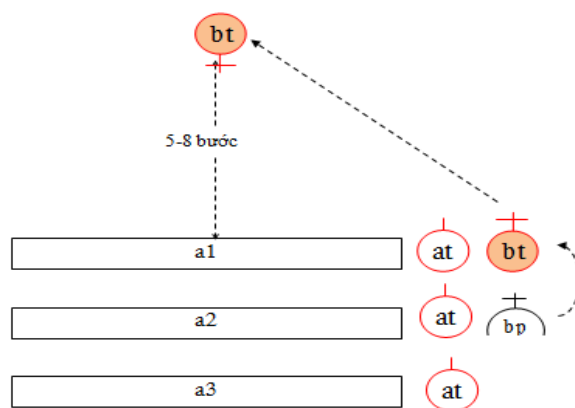
2.1.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

* *Ý nghĩa*: Đội hình trung đội 3 hàng ngang thường dùng trong học tập, sinh hoạt, kiểm tra, kiểm điểm, giá súng.

* Động tác thực hiện theo 4 bước sau:

- Tập hợp

Khẩu lệnh: “Trung đội, thành ba hàng ngang...tập hợp”, có dự lệnh và động lệnh, “Trung đội, thành ba hàng ngang” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.



Hình 1.5. Đội hình trung đội 2 hàng ngang

Hô xong khẩu lệnh trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng là phó trung đội trưởng, bên trái trung đội trưởng theo thứ tự từ trên xuống dưới là tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3, mỗi tiểu đội thành một hàng ngang. Khoảng cách giữa hàng trên và hàng dưới là 1m. (Hình 1.5)

- Điểm số: Khẩu lệnh: “Điểm số”, chỉ có động lệnh không có dự lệnh.

Nghe dứt động lệnh, chỉ có tiểu đội 1 điểm số (giống như đội hình tiểu đội một hàng ngang), tiểu đội trưởng không điểm số. Tiểu đội 2, tiểu đội 3 không điểm số mà lấy số của tiểu đội 1 tính số của mình. Người đứng cuối hàng của tiểu đội 2, tiểu đội 3 phải báo cáo cho trung đội trưởng biết quân số của tiểu đội mình (đủ, thừa, thiếu), khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong đứng nghỉ.

- Chính đồn hàng ngũ (tương tự như trên)
- Giải tán (tương tự như trên).

2.2. Đội hình trung đội hàng dọc

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng dọc

* Ý nghĩa: Đội hình trung đội hàng dọc thường dùng để hành quân, di chuyển.

* Động tác thực hiện theo 4 bước sau:

- Tập hợp:

Khẩu lệnh: “Trung đội, thành một hàng dọc...tập hợp”, có dự lệnh và động lệnh, “Trung đội, thành một hàng dọc” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.

Hô khẩu lệnh xong, trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng cách trung đội trưởng 1m thành một

hàng dọc, theo thứ tự từ trên xuống dưới là: phó trung đội trưởng, tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3.

Khi thấy tiểu đội 1 đã vào vị trí, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra phía trước chéo về bên trái đội hình, cách 5 – 8 bước, quay vào đội hình đơn đốc trung đội tập hợp.

Từng người đã vào vị trí phải đứng ở tư thế nghỉ, nhanh chóng tự động đóng hàng, đứng cự ly.

- Điểm số: Có 2 cách điểm số

+ Điểm số theo từng tiểu đội: Khẩu lệnh “Từng tiểu đội điểm số”, không có dự lệnh, chỉ có động lệnh. Nghe dứt động lệnh từng tiểu đội điểm số theo thứ tự tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Tiểu đội trưởng không điểm số. Người đứng cuối cùng của tiểu đội không phải quay mặt sau khi điểm số của mình xong thì hô “Hết”. Động tác điểm số của từng người như ở đội hình trung đội một hàng ngang

+ Điểm số toàn trung đội: Khẩu lệnh “Điểm số”, không có dự lệnh, chỉ có động lệnh. Nghe dứt động lệnh toàn trung đội điểm số theo thứ tự từ một tới hết, tiểu đội trưởng cũng điểm số. Người đứng cuối cùng của tiểu đội 3 không phải quay mặt, sau khi điểm số của mình xong thì hô “Hết”.

- Chinh đồn hàng ngũ:

Trước khi chinh đồn hàng ngũ trung đội trưởng phải hô cho trung đội đứng nghiêm.

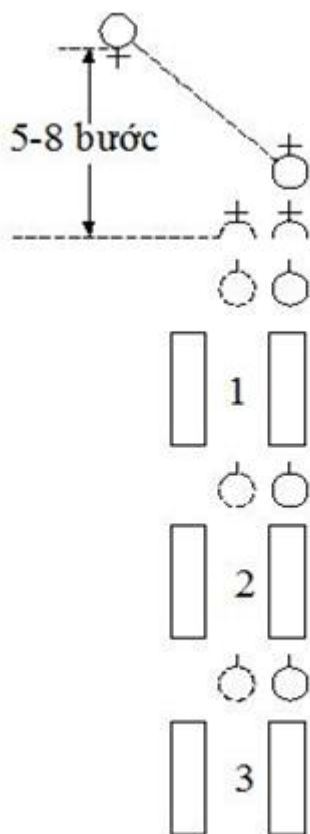
Khẩu lệnh: “Nhìn trước... thẳng”, có dự lệnh và động lệnh, “Nhìn trước” là dự lệnh, “thẳng” là động lệnh.

Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội đứng nghiêm đóng hàng, động tác giống như ở đội hình tiểu đội hàng dọc, chỉ khác trung đội trưởng đi về phía trước đội hình cách 3 – 5 bước để kiểm tra hàng dọc.

- Giải tán: Khẩu lệnh, động tác như ở đội hình trung đội hàng ngang.

2.2.2. *Đội hình trung đội hai hàng dọc*

Đội hình trung đội hai hàng dọc thực hiện thứ tự như sau:



Hình 1.6. Đội hình trung đội 2 hàng dọc

- Tập hợp

Khẩu lệnh: “Trung đội, thành hai hàng dọc...tập hợp”, có dự lệnh và động lệnh, “Trung đội, thành hai hàng dọc” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.

Hô xong khẩu lệnh, trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng theo thứ tự là phó trung đội trưởng, tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3, mỗi tiểu đội thành hai hàng dọc, các số lẻ đứng hàng dọc bên phải (sau tiểu đội trưởng), các số chẵn đứng hàng dọc bên trái.

- Chính đồn hàng ngũ:

Trước khi chính đồn hàng ngũ trung đội trưởng phải hô cho trung đội đứng nghiêm.

Khẩu lệnh: “Nhìn trước...thẳng”, có dự lệnh và động lệnh, “Nhìn trước” là dự lệnh, “thẳng” là động lệnh.

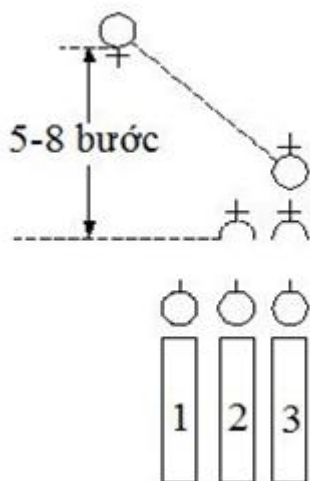
Nghe dứt động lệnh toàn trung đội đứng nghiêm dóng hàng dọc, động tác thực hiện như ở đội hình tiểu đội hai hàng dọc, chỉ khác: Khi nghe dứt động lệnh, các tiểu đội trưởng qua trái nửa bước để đứng chính giữa đội hình của tiểu đội mình. Tất cả nhìn thẳng để dóng hàng dọc đồng thời dùng ánh mắt dóng hàng ngang.

Khoảng cách của trung đội trưởng đến tiểu đội 1 khi kiểm tra hàng là 3 – 5 bước

- Giải tán: Khẩu lệnh và động tác thực hiện như ở đội hình trung đội hàng ngang.

2.2.3. *Đội hình trung đội ba hàng dọc*

Đội hình trung đội ba hàng dọc thực hiện thứ tự như sau:



Hình 1.7. Đội hình trung đội 3 hàng dọc

- Tập hợp:

Khẩu lệnh: “Trung đội, thành ba hàng dọc...tập hợp”, có dự lệnh và động lệnh, “Trung đội, thành ba hàng dọc” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.

Hô xong khẩu lệnh trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng theo thứ tự: Phó trung đội trưởng và tiểu đội 1, tiểu đội 2 đứng bên trái tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng bên trái tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành một hàng dọc.(Hình1.7)

- Điểm số:

Khẩu lệnh, động tác như ở đội hình trung đội ba hàng ngang, chỉ khác là điểm số theo hàng dọc.

- Chính đồn hàng ngũ:

Trước khi chỉnh đồn hàng ngũ trung đội trưởng phải hô cho trung đội đứng nghiêm. Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống ở đội hình trung đội một hàng dọc.

- Giải tán: Khẩu lệnh và động tác thực hiện như ở đội hình trung đội hàng ngang.

* Những điểm chú ý:

+ Trước khi tập hợp trung đội trưởng phải căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung công việc, địa hình, thời tiết và phương hướng để xác định đội hình tập hợp và hướng của đội hình. Khi tập hợp nên tránh hướng gió, hướng mặt trời.

+ Phải xác định vị trí, hướng tập hợp rồi đứng tại vị trí đã xác định hô khẩu lệnh, nếu vị trí tập hợp xa vị trí của trung đội thì trung đội trưởng phải đôn đốc, nhắc nhở trung đội về vị trí tập hợp. Không được hô xong khẩu lệnh rồi mới chạy đến vị trí tập hợp, dù chỉ cách 5 – 8 bước.

+ Khẩu lệnh phải rõ ràng, dứt khoát, động tác phải khẩn trương, mẫu mực.

3. ĐỔI HƯỚNG ĐỘI HÌNH

Ý nghĩa: Dùng để đổi hướng đội hình cho phù hợp với nhiệm vụ và địa hình cụ thể, đồng thời rèn luyện ý thức hiệp đồng động tác trong đội hình.

3.1. Tiểu đội một hàng ngang và hai hàng ngang đổi hướng

3.1.1. Đổi hướng về bên phải hoặc bên trái (90^0)

- Khẩu lệnh: Khi đang đứng tại chỗ: “Vòng bên phải (trái), đi đều - Bước”

Khi đang đi: “Vòng bên phải (trái) - Bước”

Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh, “Vòng bên phải (trái), đi đều” hoặc “Vòng bên phải (trái)” là dự lệnh, “Bước” là động lệnh.

Vòng bên nào thì hô dự lệnh và động lệnh rơi vào chân bên ấy và người đầu hàng bên đó làm trụ để giữ hướng, người cuối cùng làm chuẩn giữ hàng ngang.

- Động tác:

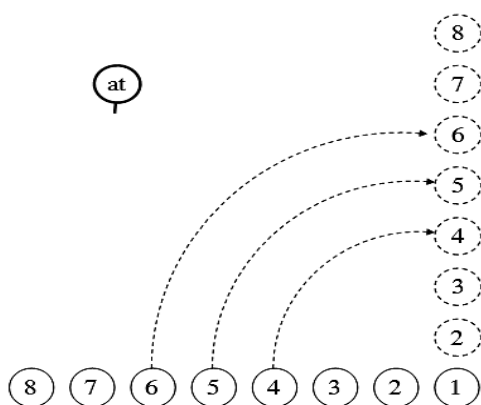
Khi nghe dứt động lệnh “Bước”, toàn tiểu đội làm động tác vòng:

Chiến sĩ làm trụ vừa giậm chân giữ hướng, vừa phối hợp từng bước với các chiến sĩ trong hàng xoay dần người sang hướng mới xoay 90^0 về bên phải hoặc bên trái. Các chiến sĩ khác vừa giống hàng vừa xoay người theo hướng mới, luôn luôn ngang với người làm trụ để toàn tiểu đội (hoặc từng hàng) luôn thẳng.

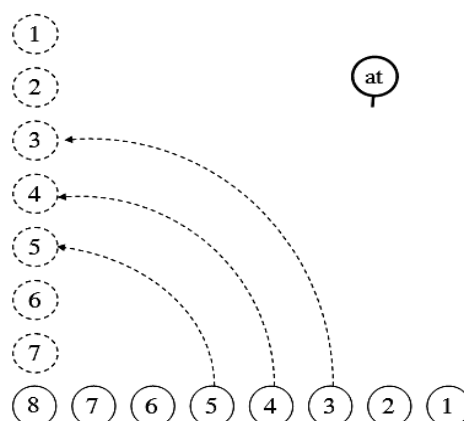
Các chiến sĩ càng gần người làm trụ thì độ dài của từng bước càng ngắn, càng xa người làm trụ thì độ dài của từng bước chân càng dài (nhưng không quá 75cm).

Toàn tiểu đội bước nhịp nhàng, bảo đảm trong khi đổi hướng tiểu đội vòng theo hình rẻ quạt, giữ đúng nhịp đi, giữ hàng luôn thẳng đúng cự ly giãn cách. Trong khi đi và khi vòng chiến sĩ số 4 là người làm chuẩn phụ để giữ hàng luôn thẳng.

Khi tiểu đội đã vòng sang hướng mới cùng phối hợp với người làm trụ để tiếp tục đi đều. Trường hợp đứng lại thực hiện theo khẩu lệnh “Đứng lại - Đứng” của tiểu đội trưởng



Hình 1.8. Tiểu đội một hàng ngang đổi hướng về bên phải.



Hình 1.9. Tiểu đội một hàng ngang đổi hướng về bên trái.

Độ dài của bước chân các số khi đi vòng khoảng như sau:

Số 8 = 75cm; số 7 = 64cm; số 6 = 55cm; số 5 = 45cm; số 4 = 32cm; số 3 = 21cm; số 2 = 10cm; số 1 = 0cm.

Trường hợp tiểu đội 2 hàng ngang đổi hướng thì khi vòng, hàng thứ nhất vừa vòng vừa tiến dần lên để nhường chỗ cho hàng thứ hai lên. Hàng thứ hai tiến đến vị trí ban đầu của hàng thứ nhất mới làm động tác vòng. Người làm trụ của hàng thứ hai khi vòng phải giữ đúng hướng và cự ly với người làm trụ của hàng thứ nhất.

3.1.2. Đổi hướng về phía sau (180°)

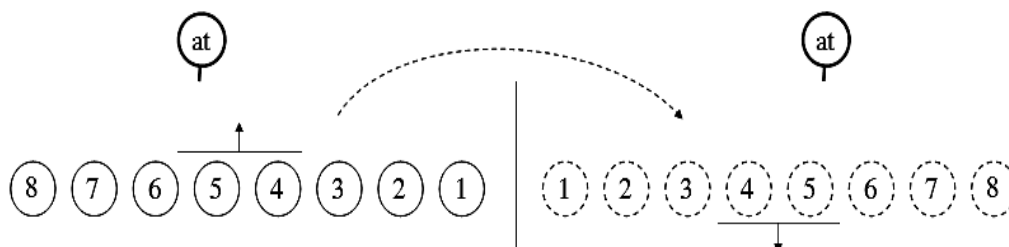
- Khẩu lệnh:

Khi đang đứng tại chỗ: “Bên phải (trái) vòng đằng sau, đi đều – Bước”

Khi đang đi: “Bên phải (trái) vòng đằng sau – Bước”

Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh, “Bên phải (trái) vòng đằng sau, đi đều” hoặc “Bên phải (trái) vòng đằng sau” là dự lệnh, “Bước” là động lệnh.

Vòng bên nào thì hô dự lệnh và động lệnh đều rơi vào chân đó.



Hình 1.10. Tiểu đội một hàng ngang đổi hướng về phía sau.

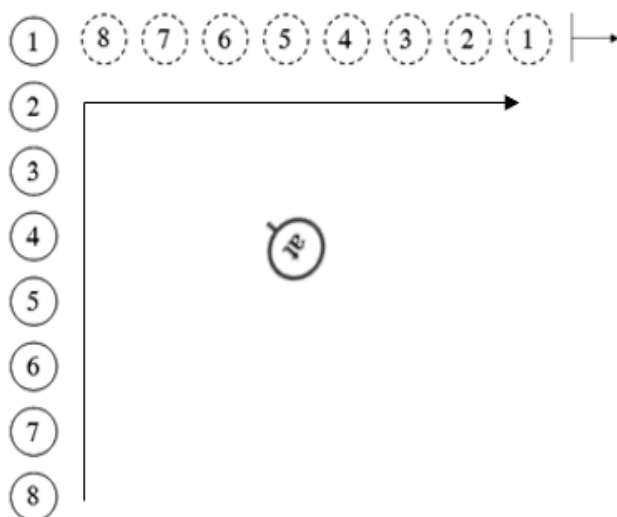
- Động tác: Động tác của tiểu đội

Khi nghe dứt động lệnh "BƯỚC", toàn tiểu đội làm động tác vòng giống như động tác vòng bên phải (trái), chỉ khác là chiến sĩ làm trụ vừa giậm chân vừa phối hợp từng bước với các chiến sĩ trong hàng xoay dần sang hướng mới, về phía sau 180^0 . Khi toàn tiểu đội đã vòng sang hướng mới thì tiếp tục đi đều. Trường hợp đứng lại thực hiện theo khẩu lệnh "Đứng lại – Đứng" của tiểu đội trưởng.

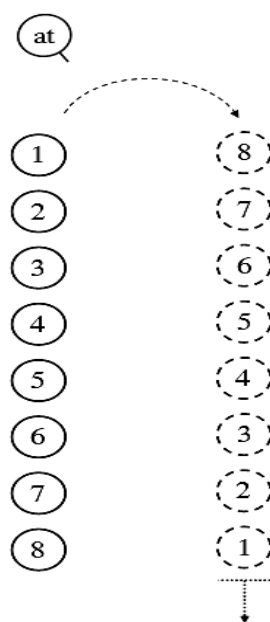
Cũng có thể đổi hướng đội hình theo khẩu lệnh "Đằng sau – Quay" (khi đứng tại chỗ), hoặc "Quay đằng sau - Bước" (khi đang đi). Hô dự lệnh và động lệnh đều rơi vào chân trái. Đổi hướng bằng cách này chỉ là vân dụng vì sau khi đổi hướng không giữ được chuẩn bên phải.

3.2. Tiểu đội một hàng dọc và hai hàng dọc đổi hướng

3.2.1. Đổi hướng về bên phải hoặc bên trái (90^0)



Hình 1.11. Tiểu đội một hàng dọc đổi hướng về bên phải.



Hình 1.12. Tiểu đội một hàng dọc đổi hướng đi vòng đằng sau.

- Khẩu lệnh:

Khi đang đứng tại chỗ: "Vòng bên phải (trái) đi đều - Bước".

Khi đang đi: "Vòng bên phải (trái) - Bước".

Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh, "Vòng bên phải (trái) đi đều" hoặc "Vòng bên phải (trái)" là dự lệnh, "Bước" là động lệnh.

Khi đang đi, vòng bên nào thì hô dự lệnh và động lệnh rơi vào chân bên ấy.

- Động tác: Động tác của tiểu đội.

Khi nghe dứt động lệnh "Bước", chiến sĩ số 1 giậm chân hai bước tại chỗ và từng bước xoay dần sang hướng mới (90^0) đến bước thứ 3 thì đi thẳng theo hướng mới các chiến sĩ còn lại lần lượt đi đến vị trí cũ của số 1.

Trường hợp tiểu đội 2 hàng dọc đổi hướng thì động tác giống như tiểu đội 2 hàng ngang đổi hướng.

3.2.2. Đổi hướng về phía sau (180^0)

- Khẩu lệnh:

Khi đang đứng tại chỗ: “Bên phải (trái) vòng đằng sau, đi đều - Bước”.

Khi đang đi: “Bên phải (trái) vòng đằng sau - Bước”.

Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh; “Bên phải (trái) vòng đằng sau đi đều” hoặc “Bên phải (trái) vòng đằng sau” là dự lệnh, “Bước” là động lệnh.

Khi đang đi, vòng bên nào thì hô dự lệnh và động lệnh rơi vào chân bên đó.

- Động tác:

Khi nghe dứt động lệnh “Bước” toàn tiểu đội làm động tác vòng giống như động tác vòng bên phải, bên trái chỉ khác là chiến sĩ làm trụ vừa giậm chân, vừa phối hợp từng bước với các chiến sĩ trong hàng xoay dần sang hướng mới về đằng sau 180^0 . Khi hàng ngang (hai người) đã thẳng thì tiếp tục đi đều. Trường hợp đứng lại thì thực hiện theo khẩu lệnh của tiểu đội trưởng.

- Cũng có thể đổi hướng đội hình theo động tác quay đằng sau khi tiểu đội đang đứng tại chỗ.

Khẩu lệnh: “Đằng sau - Quay”. Nghe dứt động lệnh “Quay”, toàn tiểu đội làm động tác quay đằng sau. Nếu muốn cho tiểu đội hành tiến thì hô tiếp khẩu lệnh: “Đi đều - Bước”.

- Cũng có thể đổi hướng đội hình theo động tác quay đằng sau khi tiểu đội đang đi.

MỞ ĐẦU

Bản đồ là vật dụng vô cùng quen thuộc và mang lại nhiều lợi ích, trong môn học Địa Lý có Atlat, lịch sử có các lược đồ. Trong lĩnh vực quân sự, bản đồ có một vị trí, vai trò quan trọng. Bản đồ địa hình giúp người chỉ huy nghiên cứu địa hình trên một diện rộng lớn cũng như một khu vực nhỏ hẹp được tương đối chính xác, tỉ mỉ, nhanh chóng mà cũng đỡ tốn công, mất sức nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Ở Việt Nam, sự phát triển của bản đồ gắn liền với cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. Ngày nay để phục vụ cho việc quản lý, xây dựng đất nước cũng như bảo vệ Tổ quốc, ngành đồ bản đã và đang ngày càng phát triển và hiện đại hoá việc đo vẽ bản đồ địa hình nói chung và bản đồ quân sự nói riêng.

1. KHÁI QUÁT CHUNG

1.1. Khái niệm, tác dụng

- Bản đồ là hình ảnh thu nhỏ, khái quát một phần bề mặt trái đất lên mặt giấy phẳng theo những qui luật toán học, trong đó các chi tiết ở thực địa đã được thu nhỏ, đơn giản hóa bằng các ký hiệu, màu sắc, chữ số và chữ viết.

- Bản đồ địa hình là bản đồ địa lý có tỉ lệ bằng hoặc lớn hơn 1:1.000.000, được chi tiết hóa và tiêu chuẩn hóa về nội dung và bố cục, thể hiện được các yếu tố cơ bản về tự nhiên, xã hội (đáng đất, thực vật, dân cư, đường sá, công trình kinh tế,...).

- Trong lĩnh vực quân sự sử dụng bản đồ địa hình làm tài liệu nghiên cứu.

- Tác dụng của bản đồ quân sự: Bản đồ quân sự là tài liệu giúp cho người chỉ huy nghiên cứu nắm bắt địa hình một cách nhanh chóng, chính xác mà không cần phải ra thực địa từ đó sử dụng các ký hiệu quân sự lập văn kiện chiến đấu thể hiện sự bố trí, điều động bộ đội, vũ khí trang bị kỹ thuật quân sự thực hành huấn luyện, diễn tập và chiến đấu đạt kết quả cao nhất.

1.2. Cơ sở toán học của bản đồ

1.2.1. Phép chiếu hình

- Khái niệm: Phép chiếu hình bản đồ là sự biểu diễn bề mặt Elipsoid (mặt cong) sang mặt phẳng để mỗi điểm trên mặt cong tương ứng với một điểm trên mặt phẳng.

- Yêu cầu phép chiếu hình:

+ Giữ góc hướng: Góc giao nhau trong bản đồ bằng góc giao nhau ngoài thực địa.

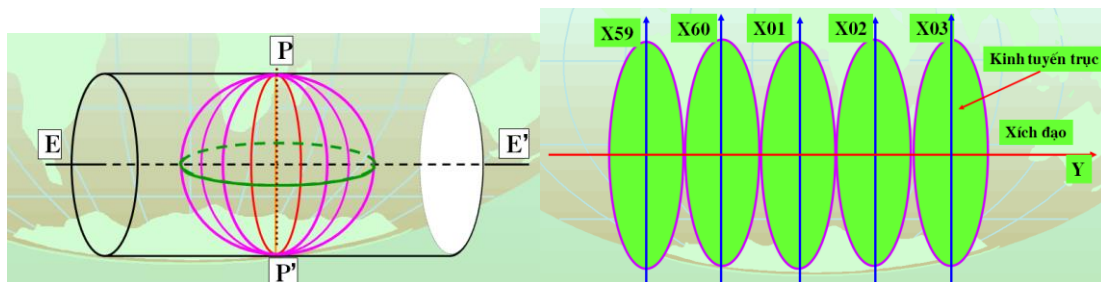
+ Giữ tỉ lệ: Tỉ lệ của đoạn thẳng khác nhau trong bản đồ là không đổi.

+ Giữ diện tích: Diện tích đo tính được trong bản đồ bằng diện tích tương đương đo tính được ngoài thực địa.

** Trong thực tế chỉ có thể thỏa mãn một trong ba yêu cầu của phép chiếu hình, bản đồ quân sự thường lấy yêu cầu giữ góc hướng làm chủ đạo.*

- *Phép chiếu hình GAUSS* ($a = 6.378.245m$)

+ Phép chiếu hình GAUSS là phép chiếu hình giữ góc hướng theo mặt hình trụ ngang, trục Trái đất vuông góc với trục hình trụ tưởng tượng. Vòng tiếp xúc giữa Trái đất với hình trụ tưởng tượng gọi là Kinh tuyến trục.



Hình 1 Phép chiếu hình GAUSS

+ Phép chiếu hình GAUSS chia Trái đất ra làm 60 múi, mỗi múi rộng 6° và được chiếu riêng biệt, liên tục lên bề mặt hình trụ tưởng tượng.

Bổ dọc hình trụ tưởng tượng và trải phẳng ra ta được 60 múi chiếu hình bề mặt trái đất trên mặt giấy phẳng, Việt Nam ở múi chiếu hình 48 và 49.

Mỗi múi chiếu thành lập một hệ trục tọa độ vuông góc phẳng, trục X có hướng (+) về phía bắc, song song kinh tuyến trục và cách kinh tuyến trục 500 km về phía tây, trục Y có hướng (+) về phía đông, là đường trùng với xích đạo.

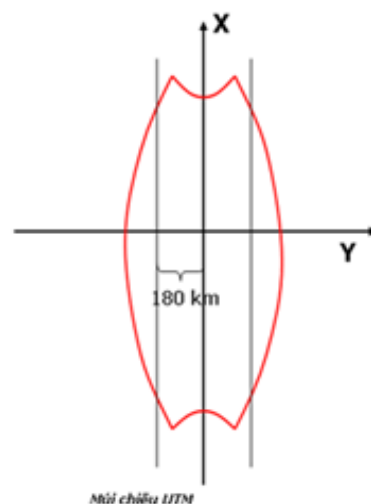
Ví dụ: Tọa độ điểm M ($x = 1220$ km; $y = 48.625$ km), có nghĩa là điểm M nằm trong múi chiếu 48, cách đường xích đạo về phía Bắc 1220 km, cách đường kinh tuyến trục về phía Đông 125 km.

- *Phép chiếu hình UTM (Universal Transversal Mercators)* $a = 6.377.304$ m

+ Phép chiếu hình UTM là phép chiếu hình giữ góc hướng, mặt chiếu hình là mặt hình trụ ngang không tiếp xúc với Kinh tuyến trục mà cắt trái đất theo 2 cắt tuyến cách Kinh tuyến trục 180 km về hai phía Đông và Tây.

+ Theo phép chiếu hình UTM trái đất cũng được chia thành 60 múi, đánh số múi từ 1 đến 60 kể từ kinh tuyến 180° về hướng Đông (ngược chiều kim đồng hồ).

+ Hệ tọa độ vuông góc của múi hình chiếu chỉ áp dụng cho khu vực từ 80° vĩ Nam đến 84° vĩ Bắc.



Hình 2 Múi chiếu hình theo UTM

Mỗi múi chiếu thành lập một hệ trục tọa độ vuông góc phẳng, trục X có hướng (+) về phía bắc, song song kinh tuyến trục và cách kinh tuyến trục 500 km về phía Tây, trục Y có hướng (+) về phía Đông, là đường trùng với xích đạo

(cho các quốc gia nằm ở bắc bán cầu), là đường song song và cách xích đạo 10.000 km về phía nam (cho các quốc gia ở nam bán cầu).

Ở Việt Nam (QĐNDVN) đang sử dụng 03 loại bản đồ.

Bản đồ GAUSS sử dụng elipxoid Krasopski

Bản đồ UTM sử dụng elipxoid Everest

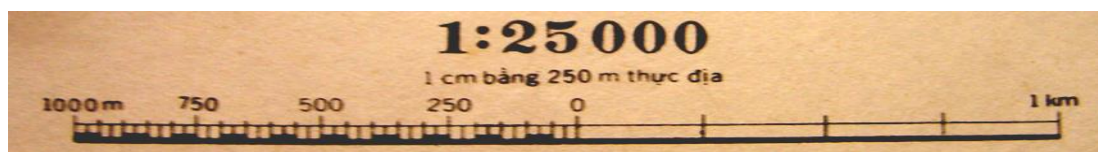
Bản đồ VN-2000 sử dụng elipxoid Everest

Bản đồ VN-2000 có các tham số chính sau đây:

- + Elipxoid quy chiếu quốc gia là elipxoid WGS-84 toàn cầu.
- + Điểm gốc tọa độ quốc gia: Điểm N00 đặt tại Viện Nghiên cứu Địa chính thuộc Tổng cục Địa chính, đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.
- + Hệ thống tọa độ phẳng: Hệ tọa độ phẳng UTM quốc tế, được thiết lập trên cơ sở lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc.

1.2.2. Tỷ lệ bản đồ

Định nghĩa: Tỷ lệ bản đồ là tỉ số giữa độ dài đoạn thẳng trên bản đồ với độ dài nằm ngang tương ứng của nó trên thực địa.



Hình 3 Tỷ lệ bản đồ

Tỷ lệ bản đồ được biểu diễn dưới ba dạng:

- Tỷ lệ số: Bản đồ thường được viết dưới dạng phân số: 1/M. Tử số chỉ độ dài trên bản đồ, mẫu số chỉ độ dài trên thực địa.
- Tỷ lệ chữ: Một đơn vị độ dài trên bản đồ (cm) ứng với một đơn vị độ dài ngoài thực địa (m). VD: Bản đồ 1:25.000 có ghi 1cm bằng 250m thực địa.
- Tỷ lệ thước: trên mỗi tờ bản đồ có thước tỷ lệ thẳng.

1.3. Phân loại bản đồ quân sự

1.3.1. Cấp chiến thuật

- Tỷ lệ: tỷ lệ 1/25.000, 1/50.000 dùng cho tác chiến ở vùng đồng bằng, trung du; tỷ lệ 1/100.000 dùng cho tác chiến ở vùng núi.
- Đặc điểm: Bản đồ tỷ lệ 1/25.000 thể hiện chi tiết, cụ thể, tỉ mỉ các yếu tố trên thực địa, dùng để nghiên cứu những vấn đề tác chiến như: Các tuyến phòng ngự, những vị trí khu vực nhảy dù, đổ bộ, chuẩn bị phân tử bắn cho pháo binh, thiết kế các công trình quân sự,...

Bản đồ tỷ lệ 1/50.000, 1/100.000 thể hiện các yếu tố trên thực địa không chi tiết, cụ thể, tỉ mỉ như tỷ lệ 1/25.000 nhưng được xác định là loại bản đồ

chiến thuật cơ bản của quân đội ta; dùng để nghiên cứu địa hình ở phạm vi rộng hơn, lập kế hoạch tác chiến, chỉ huy chiến đấu trong tất cả các hình thức chiến thuật.

- Cấp sử dụng: Đại đội đến sư đoàn.

1.3.2. Cấp chiến dịch

- Tỷ lệ: tỷ lệ 1/100.000 dùng cho tác chiến ở vùng đồng bằng, trung du; tỷ lệ 1/250.000 dùng cho tác chiến ở vùng núi.

- Đặc điểm: Bản đồ thể hiện các yếu tố trên thực địa có chọn lọc, tính tỉ mỉ kém nhưng tính khái quát cao, tiện nghiên cứu địa hình khái quát, tổng thể, giúp cho lập kế hoạch tác chiến, chỉ huy chiến đấu ở cấp chiến dịch.

- Cấp sử dụng: Quân đoàn, quân khu...

1.3.3. Cấp chiến lược

- Tỷ lệ: tỷ lệ 1/500.000, 1/1.000.000 .

- Đặc điểm: Bản đồ thể hiện các yếu tố trên thực địa có tính khái quát cao dùng để chuẩn bị và triển khai các chiến dịch và chỉ huy các hoạt động quân sự phối hợp trên một hướng hay một khu vực chiến lược hoặc củng cố, xây dựng kế hoạch chiến lược quốc phòng an ninh của đất nước.

- Cấp sử dụng: Bộ Tổng Tham mưu và các cơ quan cấp chiến lược.

2. CÁCH CHIA MẢNH, GHI SỐ HIỆU BẢN ĐỒ

2.1. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ GAUSS

2.1.1. Bản đồ tỷ lệ 1:1.000.000

- Cách chia mảnh, đánh số:

- + Bản đồ Gauss lấy kinh, vĩ tuyến làm biên khung và lấy mảnh bản đồ tỷ lệ 1:1.000.000 làm cơ sở để chia mảnh và ghi số hiệu các mảnh bản đồ có tỷ lệ lớn hơn

- + Đánh số thứ tự múi chiếu hình từ 1 đến 60. Múi số 1 bắt đầu từ Kinh tuyến 180° đến Kinh tuyến 174° ngược chiều kim đồng hồ từ Đông sang Tây;

- + Từ xích đạo ngược về hai cực Trái đất cứ 4 vĩ tuyến chia thành một Đại vĩ tuyến, kí hiệu bằng chữ cái in hoa từ A, B, C, D, E, F, G, H, J, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y (bỏ I, O, W).

- Ghi số hiệu: tên khu vực, kí hiệu đại-kí hiệu múi.

Ví dụ: Hà Nội F-48.

- Khuôn khổ: 4° vĩ độ và 6° kinh độ

2.1.2. Bản đồ tỷ lệ 1:500.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỷ lệ 1:1.000.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu bằng các chữ A, B, C, D từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000.

Ví dụ mảnh A: Hà Nội F- 48-A

- Khuôn khổ: 2° vĩ độ và 3° kinh độ

24°		
	A	B
20°	C	D
	102°	108°

Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 500.000.

2.1.3. Bản đồ tỉ lệ 1:200.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000 thành 36 phần bằng nhau, kí hiệu bằng các chữ số La mã (I,II,...XXXVI) theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000.

Ví dụ mảnh II: Hà Nội F- 48-II

- Khuôn khổ: 0°40' vĩ độ và 1° kinh độ

24°	I	II	III	IV	V	VI
	VII	VIII			XI	XII
						XXX
20°	XXXI					XXXVI
	102°					108°

Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 200.000.

2.1.4. Bản đồ tỉ lệ 1:100.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000 thành 144 phần bằng nhau, đánh số từ 1 đến 144 từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000. Ví dụ mảnh 104: Hà Nội F- 48-104

- Khuôn khổ: 0°20' vĩ độ và 0°30' kinh độ

24°	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72
	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84
	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96
	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108
	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120
	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132
20°	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144
	102°											108°

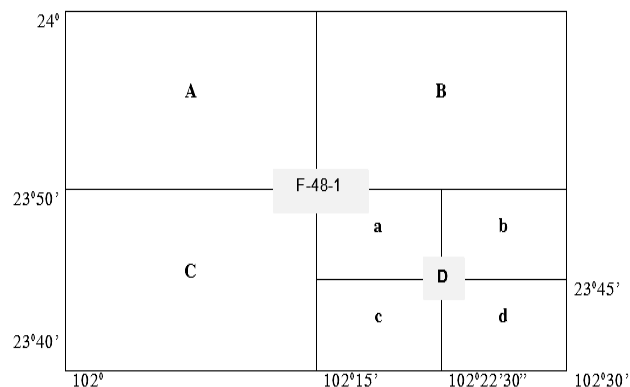
Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 100.000.

2.1.5. Bản đồ tỉ lệ 1:50.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:100.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu A, B, C, D từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1:100.000. Ví dụ mảnh C: Sơn Tây F- 48-104-C

- Khuôn khổ: 0°10' vĩ độ và 0°15' kinh độ



Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 50.000 và 1:25.000.

2.1.6. Bản đồ tỉ lệ 1:25.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:50.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu a, b, c, d từ trái qua phải, từ trên xuống dưới

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1:50.000. Ví dụ mảnh: Thạch Thất F- 48-104-C- c

- Khuôn khổ: 0°5' vĩ độ và 0°7'30" kinh độ

2.2. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ UTM

2.2.1. Bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000

Bản đồ UTM tỷ lệ 1:1000.000 cũng có kích thước và cách chia như bản đồ Gauss cùng tỷ lệ. Trong cách đánh số có một số điểm khác sau đây:

+ Đại 4° chỉ đánh số từ A đến U

+ Mảnh bản đồ thuộc Bắc bán cầu thì thêm chữ N vào trước ký hiệu đại, thuộc Nam bán cầu thì thêm chữ S.

Ví dụ mảnh bản đồ UTM Hà Nội tỷ lệ 1:1000.000 có số hiệu NF - 48.

2.2.2. Bản đồ tỉ lệ 1:500.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu bằng các chữ A, B, C, D theo chiều kim đồng hồ từ trái qua phải.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000.

Ví dụ mảnh A: Hà Nội NF- 48-A

- Khuôn khổ: 2° vĩ độ và 3° kinh độ

24°	A	B
20°	D	C
	102°	108°

Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 500.000.

2.2.3. Bản đồ tỉ lệ 1:250.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000 thành 16 phần bằng nhau, kí hiệu bằng các chữ số 1,2,...,16 theo chiều từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000.

Ví dụ mảnh 2: Hà Nội NF- 48-2

- Khuôn khổ: 1° vĩ độ và 1° 30' kinh độ

24°	1	2	3	4
	5	6	7	8
	9	10	11	12
20°	13	14	15	16
	102°			108°

Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 250.000.

2.2.4. Bản đồ tỉ lệ 1:100.000

Bản đồ địa hình UTM tỉ lệ 1:100.000 có kích thước 30' x 30', được đánh số riêng không liên quan đến bản đồ tỷ lệ 1:1.000.000.

Số hiệu bản đồ UTM 1:100.000 gồm hai phần gộp lại là ký hiệu cột và ký hiệu hàng.

Số thứ tự của các cột bắt đầu từ 00 đến 99 và được đánh từ mũi xuất phát từ 75° Đông tăng dần về phía Đông; số thứ tự của các hàng bắt đầu từ 01 đến 99 và được đánh từ đai xuất phát từ 4° Nam tăng dần về phía Bắc.

Dựa vào kinh – vĩ độ của mảnh bản đồ có thể tìm được số hiệu bản đồ theo công thức sau đây:

$$\text{Ký hiệu cột} = 2(L - L_0) - 1$$

$$\text{Ký hiệu hàng} = 2(B + B_0)$$

Trong đó: L - Kinh độ của đường biên khung phía đông của mảnh bản đồ 1:100.000.

B - Vĩ độ của đường biên khung phía Bắc của mảnh bản đồ 1:100.000.

L_0 và B_0 là toạ độ địa lý của điểm gốc.

					X
	0006	0106	0206	0306	0406
	0005	0105	0205	0305	0405
	0004	0104	0204	0304	0404
	0003	0103	0203	0303	0403
	0002	0102	0202	0302	0402
B ₀	0001	0101	0201	0301	0401
Lo					Y

Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 100.000.

Ví dụ: Tìm số hiệu mảnh bản đồ UTM Hà Nội tỷ lệ 1:100.000. Dựa vào kinh vĩ độ của mảnh bản đồ 1:100.000 Hà Nội ta biết $L = 106^0$, $B = 21,5^0$,

Tọa độ điểm góc: $L_0 = 75^0$ Đông, $B_0 = 4^0$ Nam.

Tính ra ta được:

Ký hiệu cột: $2(106 - 75) - 1 = 61$

Ký hiệu hàng: $2(21,5 + 4) = 51$

Tên mảnh đồ là: Hà Nội 6151

2.2.5. Bản đồ tỉ lệ 1:50.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:100.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu I, II, III, IV theo chiều kim đồng hồ theo các góc $\frac{1}{4}$.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1:100.000.

Ví dụ mảnh I: Sơn Tây 6151- I

- Khuôn khổ: $0^015'$ vĩ độ và $0^015'$ kinh độ

IV	I
III	II

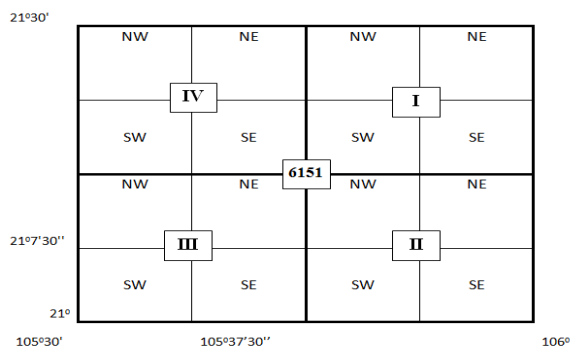
2.2.6. Bản đồ tỉ lệ 1:25.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:50.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu NE, SE, NW, SW

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1:50.000.

Ví dụ mảnh Đông Bắc: Sơn Tây 6151-I- NE

- Khuôn khổ: $0^07' 30''$ vĩ độ và $0^07' 30''$ kinh độ



Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 50.000 và 1:25.000.

2.3. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ VN-2000

2.3.1. Bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000

Giống như bản đồ tỉ lệ 1:1000.000 GAUSS. Ví dụ: Hà Nội F-48.

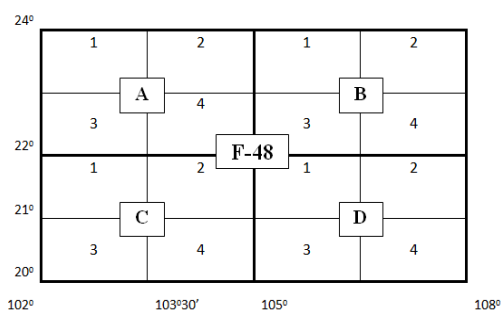
2.3.2. Bản đồ tỉ lệ 1:500.000

Giống như bản đồ tỉ lệ 1:500.000 GAUSS.

Ví dụ: Hà Nội F-48-A

A	B
C	D

2.3.3. Bản đồ tỉ lệ 1:250.000



- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:500.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu bằng các chữ số 1, 2, 3, 4 theo chiều kim đồng hồ từ trái qua phải.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000.

Ví dụ mảnh 1: Hà Nội F- 48-A-1

- Khuôn khổ: 1° vĩ độ và 1°30' kinh độ

Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 500.000 và 1: 250.000.

2.3.4. Bản đồ tỉ lệ 1:100.000

24°	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72
	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84
20°	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96
	102°											108°

Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 100.000.

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000 thành 96 phần bằng nhau, đánh số từ 1 đến 96 từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000.
Ví dụ mảnh 10: Hà Nội F- 48-10

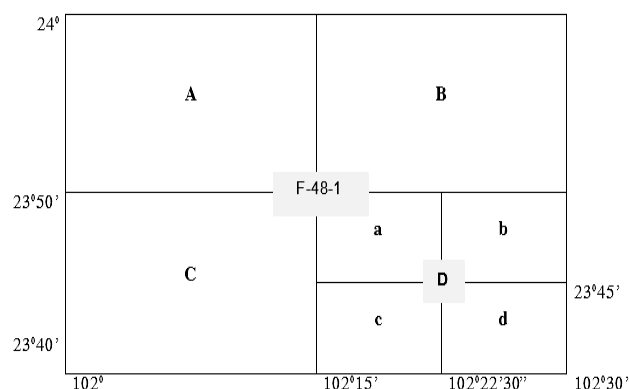
- Khuôn khổ: 0°30' vĩ độ và 0°30' kinh độ

2.3.5. Bản đồ tỉ lệ 1:50.000

- Cách chia mảnh, đánh số:
Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:100.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu A, B, C, D từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1:100.000. Ví dụ mảnh C: Sơn Tây F- 48-10-C

- Khuôn khổ: 0°15' vĩ độ và 0°15' kinh độ **Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 50.000 và 1:25.000.**



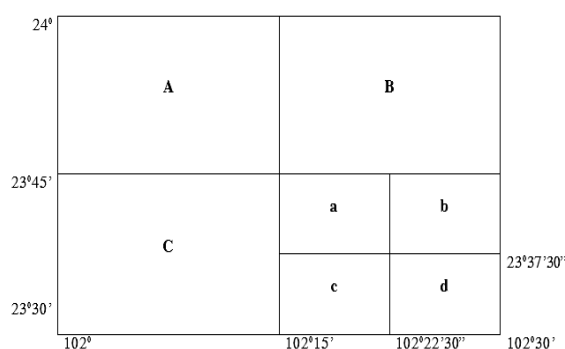
2.3.6. Bản đồ tỉ lệ 1:25.000

- Cách chia mảnh, đánh số: Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:50.000 thành 4 phần bằng nhau, kí hiệu a, b, c, d từ trái qua phải, từ trên xuống dưới

- Ghi số hiệu: Thêm kí hiệu riêng vào sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1:50.000.

Ví dụ mảnh : Chúc Sơn F-48-80-A-b

- Khuôn khổ: 0°7'30" vĩ độ và 0°7'30" kinh độ



Mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 50.000 và 1: 25.000.

3. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

3.1. Nội dung bản đồ

3.1.1. Phần ngoài khung

- Tên bản đồ: địa danh và số hiệu bản đồ.

Ví dụ: Phúc yên F48-104-A-d, Hòa Bình F48-79-B, Chúc Sơn F-48-80-A-b

Tên địa danh thường là cấp cao nhất theo địa giới hành chính mà bản đồ thể hiện hoặc địa danh nổi tiếng trong vùng.

- Tọa độ: Gồm tọa độ địa lý và tọa độ ô vuông; được ghi ở các viền khung bản đồ.
- Tỉ lệ bản đồ: Gồm tỉ lệ số và tỉ lệ chữ được ghi ở khung nam của bản đồ.
- Thước đo tỉ lệ thẳng: Dùng để đo khoảng cách của các đoạn thẳng trên bản đồ.
- Giảm đồ góc lệch: Dùng để chuẩn hướng cho bản đồ.
- Thước đo độ dốc: Dùng đo độ dốc của địa hình.
- Giải thích các kí hiệu trong bản đồ: Phần giải thích các ký hiệu trên bản đồ được ghi ở khung nam.
- Nhà xuất bản, năm xuất bản: được ghi ở khung đông nam của bản đồ.

3.1.2. Phần trong khung

- Chữ viết thường dùng ghi địa danh trên bản đồ.
- Chữ số dùng để ghi độ cao đường bình độ, kí hiệu đường bộ,...
- Màu sắc dùng thể hiện yếu tố tự nhiên, xã hội.
- + Bản đồ tỉ lệ 1:200.000 có 4 màu: lục; đen; lam và nâu;
- + Bản đồ tỉ lệ 1:500.000 có 5 màu: lục, lam, đen, nâu và đỏ;
- + Bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000 có 7 màu: lục, lam, đen, nâu, đỏ, tím và tro.
- Kí hiệu dùng để thể hiện các địa vật như: đường bộ, đường biên giới, cây độc lập, nhà cao tầng,... Có các dạng ký hiệu sau:
 - + Loại vẽ theo tỷ lệ bản đồ
 - + Loại vẽ nửa theo tỷ lệ, nửa không theo tỷ lệ bản đồ
 - + Loại vẽ không theo tỷ lệ bản đồ
- Đường bình độ: *là những đường cong khép kín nối liền tất cả những điểm có cùng độ cao trên mặt đất, được chiếu lên mặt phẳng ngang (mặt phẳng bản đồ).*
 - + Đặc điểm:
 - Mọi điểm trên đường bình độ có độ cao bằng nhau
 - Đường bình độ lồng vào nhau, nhưng không xoáy ốc không cắt nhau
 - Các đường bình độ đối nhau có độ cao bằng nhau
 - Các đường bình độ càng sát nhau thì độ dốc càng lớn và ngược lại
 - + Khoảng cao đều đường bình độ: Là độ chênh cao giữa 2 đường bình độ: đối với bản đồ đồng bằng trung du tỷ lệ 1/25.000; 1/50.000 và 1/100.000 tương ứng khoảng cao đều là 5m; 10m và 20m.
 - + Đường bình độ cái: Trên bản đồ cứ 5 đường bình độ lại tô đậm 1 đường kèm với ghi chú độ cao ở những vị trí có độ cao là 25m, 50m, 100m... tương

ứng với bản đồ tỉ lệ: 1/25.000; 1/50.000 và 1/100.000.

3.3. Ký hiệu quân sự

- Bản đồ QS là một trong những sơ đồ văn kiện mang tính mật và tuyệt mật. Trong bản đồ QS người ta dùng các ký hiệu quân sự, các hình vẽ quy ước, chữ viết tắt để thể hiện ý đồ tác chiến của ta với địch. Bao gồm:

- + Ký hiệu thể hiện sở chỉ huy các cấp
- + Ký hiệu thể hiện vũ khí kỹ thuật
- + Ký hiệu thể hiện hành quân
- + Ký hiệu thể hiện hành động chiến đấu
- + Ký hiệu thể hiện đội hình triển khai
- + Ký hiệu thể hiện chiến hào, giao thông hào

- *Màu sắc của ký hiệu QS*

+ Màu đỏ: Bộ binh, Tăng, thiết giáp, Hải quân, Không quân, Đặc công, Trinh sát, Hậu cần kỹ thuật...

+ Màu đen: Pháo binh, Công binh, Thông tin, Hóa học, Rada, Tên lửa, Pháo PK;

+ Màu vàng chỉ tình huống có sử dụng vũ khí hóa học (Ta đường viền đỏ; Địch xanh)

3.2. Xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu

3.2.1. Xác định tọa độ địa lý

- Để xác định tọa độ địa lý của một điểm có thể dựa vào thang chia độ trên khung mỗi tờ bản đồ địa hình.

- Để xác định vĩ độ của điểm M chẳng hạn, từ M ta đặt mép thước song song với đường nối các vạch chia của thang chia vĩ độ rồi đọc trị số. Thao tác tương tự như đối với kinh độ.

3.2.2. Xác định tọa độ vuông góc (ô vuông)

- Khi xác định tọa độ vuông góc phẳng cần sử dụng triệt để lưới ki-lô-mét và các ô vuông do lưới ki-lô-mét tạo ra trên bản đồ.

- Để chỉ vị trí gần đúng của một điểm nào đó trên bản đồ, ta cần gọi tên ô vuông có chứa điểm ấy. Tên của ô vuông được đặc trưng bằng 2 số cuối của hai đường hoành độ (viết trước) và hai số cuối của đường tung độ (viết sau).

- Để biết rõ hơn điểm M nằm ở phần nào ta có thể dùng tọa độ ô 4 hoặc tọa độ ô 9.

- Trường hợp cần biết chính xác tọa độ của một điểm nào đó thì trình tự thực hiện được tiến hành theo các bước:

3.2.3. Xác định toạ độ chính xác

- Ghi toạ độ góc Tây Nam của ô vuông có chứa điểm cần xác định toạ độ M.
- Từ M kẻ hai đường vuông góc (về phía Tây và về phía Nam) tới đường tung độ và hoành độ của ô vuông.
- Đo khoảng cách từ điểm M đến chân đường vuông góc với đường tung độ và hoành độ.
- Nhân các khoảng cách đó với mẫu số tỷ lệ bản đồ.
- Cộng khoảng cách tới đường tung độ vào tung độ và khoảng cách tới đường hoành độ vào hoành độ của góc Tây Nam ô vuông nói trên.
- Đó chính là toạ độ chính xác điểm M.

3.3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa

3.3.1. Định hướng bản đồ

- Bằng địa bàn: Đặt địa bàn lên bản đồ, xoay bản đồ để trục X trùng với hướng chỉ Bắc–Nam của kim địa bàn.
- Lợi dụng địa vật dài thẳng: Xoay bản đồ để địa vật trên bản đồ trùng hướng địa vật trên thực địa.
- Bằng hai địa vật: Dùng thước kẻ nối hai địa vật trên bản đồ, xoay bản đồ để thước kẻ chỉ theo hướng nối hai địa vật trên thực địa.

3.3.2. Xác định điểm đứng

- Bằng phương pháp giao hội 1 điểm với địa vật dài thẳng: Xoay bản đồ để địa vật dài thẳng trên bản đồ trùng hướng địa vật trên thực địa, dùng thước kẻ đặt trên bản đồ qua địa vật điểm chỉ về hướng địa vật đó trên thực địa, giao của thước kẻ với địa vật dài thẳng chính là điểm đứng.
- Bằng phương pháp giao hội 2 điểm: dùng 2 thước kẻ đặt trên bản đồ qua 2 địa vật điểm chỉ về hướng 2 địa vật đó trên thực địa, giao của 2 thước kẻ chính là điểm đứng.

Để tăng độ chính xác, cần kết hợp với ước lượng cụ li.

- Bằng phương pháp giao hội 3 điểm: tương tự cách trên.

3.3.3. Bổ sung địa vật lên bản đồ

- Bằng phương pháp ngắm hướng đo cụ li: từ một địa vật trên thực địa, đặt thước trên bản đồ qua địa vật đó, hướng thước về địa vật cần bổ xung, ước lượng cụ li, qui đổi theo tỉ lệ bản đồ rồi đánh dấu lên bản đồ.
- Bằng phương pháp giao hội kết hợp ngắm hướng đo cụ li: Thực hiện được khi có từ 2 địa vật biết trước, cách làm tương tự như trên.

3.4. Chắp ghép, dán gập, bảo quản bản đồ

3.4.1. Chắp ghép bản đồ

Chắp ghép bản đồ là việc ghép các mảnh bản đồ cùng tỷ lệ lại với nhau tạo ra mảng bản đồ lớn hơn biểu diễn khu vực trong ý đồ tác chiến của người chỉ huy.

- Chọn các mảnh bản đồ phù hợp: bản đồ cùng tỉ lệ, cùng phép chiếu, cùng khu vực địa hình, cùng năm, cùng nơi sản xuất.

- Chắp bản đồ phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- + Mảnh trái đè mảnh phải, mảnh trên đè mảnh dưới

- + Các ký hiệu và lưới ô vuông nơi tiếp giáp giữa các mảnh bản đồ phải tiếp hợp với nhau chính xác.

- Cắt khung bản đồ:

- + Cắt theo đường trong cùng sát với nội dung bản đồ

- + Các mảnh hàng ngang cắt khung Đông

- + Các mảnh hàng dọc cắt khung Nam

- + Các mảnh ngoài cùng không cắt khung.

3.4.2. Dán gấp bản đồ

- Dán bản đồ:

- + Dán chiều ít mảnh trước

- + Đặt hai tờ bản đồ úp nội dung vào nhau rồi quét hồ dán.

- + Dán khít hai tờ bản đồ.

- Gấp bản đồ:

- + Gấp theo hình ziczac vừa với vật chứa

- + Để phần cần sử dụng lộ phía ngoài

3.4.3. Giữ gìn bảo quản bản đồ

- Tuân thủ qui định bảo mật.

- Không để thất lạc, nhàu nát.

- Không viết vẽ tùy tiện lên bản đồ

4. GIỚI THIỆU BẢN ĐỒ SỐ

4.1. Những vấn đề chung

4.1.1. Khái niệm

Bản đồ số là bản đồ thành lập dưới dạng cơ sở dữ liệu máy tính, trong đó toàn bộ thông tin về các đối tượng được mã hóa thành dữ liệu số và lưu giữ trên các băng, đĩa từ, đĩa quang.

4.1.2. Tính chất

- Thể hiện không gian ba chiều, ở dạng lập thể X, Y, Z;
- Nghiên cứu đánh giá địa hình vừa có tính khái quát cao vừa có tính tỷ mỷ, chính xác;
- Khai thác thuận tiện, nhanh chóng , chính xác
- Có tính cơ động, cấp phát thuận tiện, bảo quản bí mật, có thể truyền tải thông tin nhanh chóng, chính xác, bí mật .
- Chính lý, tái bản dễ dàng, nhanh chóng, có tính tiết kiệm cao. Khi cần thiết có thể in ra giấy (với nhiều loại tỉ lệ khác nhau) sử dụng như bản đồ thông thường.

4.2. Cơ sở dữ liệu

- Các loại bản đồ giấy, phim ảnh .. có sẵn
- Số liệu đo đạc mặt đất (bằng máy toàn đạc, máy toàn đạc điện tử, GPS ... được lưu giữ trong bộ nhớ)
- Ảnh hàng không và ảnh vệ tinh.

Thành lập bản đồ số:

Số hóa bản đồ, số liệu đo đạc, phim ảnh.. : dùng bản số hóa digitizer, số hóa bằng phần mềm chuyên dụng (Mapping Office, FAMIS, CADmap, MicroStation. ..)

4.3. Ứng dụng bản đồ số trong lĩnh vực quân sự

- Tổng quan về địa hình (mô phỏng bay).
- Nghiên cứu chi tiết về đối tượng (hiển thị đối tượng)
- Nghiên cứu, đánh giá địa hình ở nhiều hướng khác nhau.
- Nghiên cứu vùng không chế lan toả (tầm quan sát Radar, truyền sóng vô tuyến, phạm vi sát thương của bom đạn..)
- Nghiên cứu tương quan lực lượng cùng tính chất (chọn đối tượng).
- Tính toán khả năng cơ động theo thời gian.
- Tính toán lực lượng, phương tiện cần thiết (tổng bình quân lớn nhất, nhỏ nhất).
- Tìm giải pháp tình thế tối ưu (mô phỏng đối tượng chạy theo quỹ đạo).
- Truy nhập vị trí đối tượng.
- Quyết tâm chiến đấu, chỉ huy chiến đấu...

MỞ ĐẦU

Quân đội nhân dân Việt Nam là quân đội cách mạng “của dân, do dân, vì dân”, mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc; chiến đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân và lợi ích của quốc gia - dân tộc, một quân đội do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và giáo dục. Quân đội nhân dân Việt Nam luôn được nhân dân tin yêu và khen tặng danh hiệu cao quý Bộ đội Cụ Hồ. Quân đội nhân dân Việt Nam đã trở thành một hiện tượng lịch sử Việt Nam hiện đại, đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học quân sự, lịch sử quân sự, của khoa học xã hội và nhân văn.

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Quân đội ta đã cùng toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng đất nước, đưa đất nước bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, giới thiệu chung về quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam là một trong những nội dung quan trọng giúp sinh viên học tập nâng cao hiểu biết về quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

I. HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

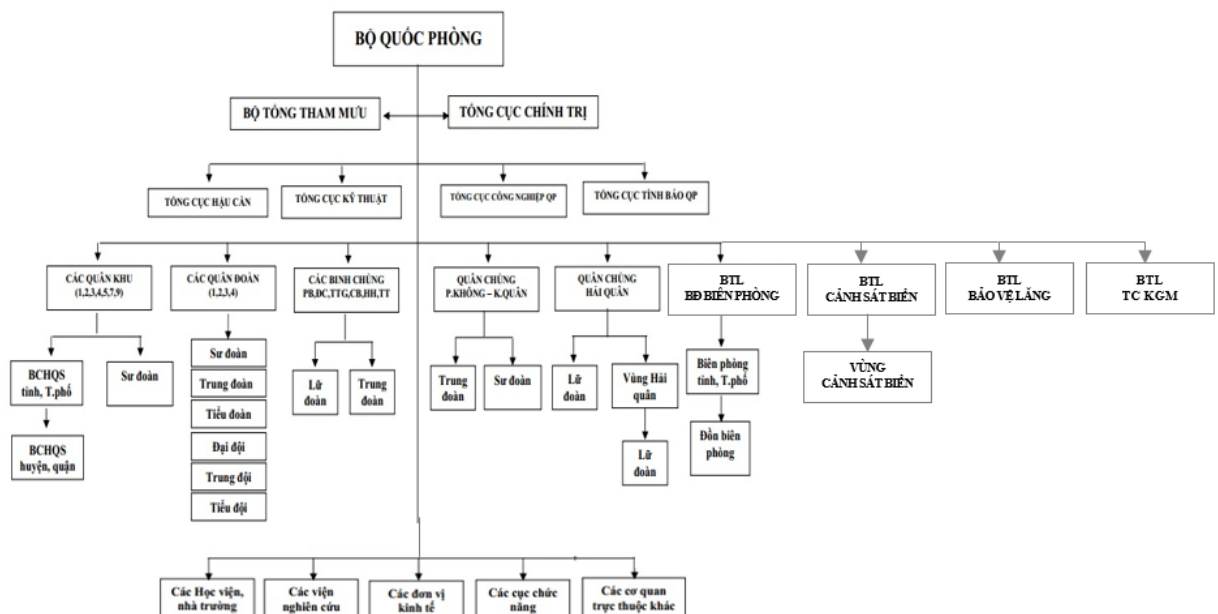
1. Hệ thống tổ chức trong quân đội nhân dân Việt Nam

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chính trị của quân đội. Phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Truyền thống tổ chức quân đội của dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử (mỗi giai đoạn lịch sử có quy mô, tổ chức quân đội khác nhau).

- Hiện nay tổ chức QĐND Việt Nam gồm:

Bộ quốc phòng và các cơ quan bộ quốc phòng, các đơn vị trực thuộc bộ quốc phòng. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các bộ chỉ huy quân sự, ban chỉ huy (tỉnh đội, huyện đội...).

2. Hệ thống tổ chức Bộ Quốc Phòng



II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Bộ quốc phòng

Cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, quản lý cao nhất của toàn quân.

Bộ Quốc phòng là cơ quan tham mưu cho Đảng và Nhà nước về đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng bảo vệ Tổ quốc; quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và chỉ huy Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ; quản lý các dịch vụ công theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng vừa là người chỉ đạo thực hiện các chức năng

quản lý nhà nước về quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật, vừa chịu trách nhiệm tổ chức, xây dựng, quản lý và là người chỉ huy cao nhất của Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ. Bộ Quốc phòng có Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, các tổng cục và các đơn vị trực thuộc khác. Bộ Quốc phòng quyết định phong hàm cấp tá, cấp úy cho sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quốc phòng trong phạm vi cả nước; giúp Chính phủ xây dựng dự án luật, pháp lệnh, nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh về quốc phòng.

2. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng quy hoạch, kế hoạch nhà nước về quốc phòng trình Chính phủ quyết định; xây dựng, quản lý, chỉ huy Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

3. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác quốc phòng ở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương theo

2. Bộ tổng tham mưu và cơ quan tham mưu các cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam

“TRUNG THÀNH - MƯU LƯỢC; TÂN TUY - SÁNG TẠO; ĐOÀN KẾT - HIỆP ĐỒNG; QUYẾT CHIẾN - QUYẾT THẮNG”

Bộ Tổng tham mưu là cơ quan chỉ huy, điều hành Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ và thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng. Bộ Tổng tham mưu tổ chức, chỉ đạo sự phát triển của quân đội và dân quân tự vệ đồng thời chỉ huy các hoạt động quân sự.

Cơ quan chỉ huy các lực lượng vũ trang, có chức năng bảo đảm trình độ SSCĐ của LLVT và điều hành mọi hoạt động quân sự Quốc phòng trong thời bình và thời chiến.

3. Tổng cục chính trị và cơ quan chính trị các cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam

“TRUNG THÀNH, KIÊN ĐỊNH; GƯƠNG MẪU, TIÊU BIỂU; NGUYÊN TẮC, DÂN CHỦ; CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO; NHẠY BÉN, SẮC SẢO; ĐOÀN KẾT, THỐNG NHẤT; QUYẾT CHIẾN, QUYẾT THẮNG”.

Cơ quan chỉ đạo và tiến hành CTĐ-CTCT trong QĐND, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp thường xuyên của bộ chính trị, Quân ủy trung ương, các cấp ủy đảng cùng cấp.

Nhiệm vụ: CTCT và cơ quan chính trị các cấp căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị của Đảng, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, đề xuất những chủ trương, giải pháp, kế hoạch CTĐ-CTCT của toàn dân, của từng đơn vị, các tổ chức. Tiến hành và thực hiện tốt CTĐ-CTCT bảo đảm cho quân đội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

4. Tổng cục Hậu cần: 11/7/1950

Cơ quan đầu ngành Hậu cần trong QĐND Việt Nam, có chức năng tham mưu, chỉ đạo, tổ chức bảo đảm vật chất, điều kiện ăn mặc ở khám chữa bệnh, bảo đảm sức khỏe và cơ động,... cho bộ đội trong sinh hoạt và công tác. Thông qua các ngành bảo đảm cơ sở vật chất: Quân nhu, quân y, doanh trại, xăng dầu và vận tải,... góp phần cho Quân đội hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

5. Tổng cục Kỹ thuật: 10/9/1974

Cơ quan quản lý kỹ thuật đầu ngành của Bộ Quốc phòng có chức năng tổ chức, quản lý, nghiên cứu đảm bảo vũ khí và phương tiện, trang bị kỹ thuật chiến đấu cho các quân, binh chủng của QĐND Việt Nam.

6. Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng: 15/9/1945

Chức năng tổ chức, quản lý các cơ sở CNQP nòng cốt, bao gồm các viện nghiên cứu thiết kế, công nghệ vũ khí, các nhà máy, các liên hiệp xí nghiệp sản xuất, chế tạo vũ khí, trang bị và các phương tiện kỹ thuật quân sự, đảm bảo cho QĐND Việt Nam chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

7. Tổng cục Tình báo Quốc phòng (Tổng cục 2): 05/10/1945

Cơ quan tình báo chuyên trách chiến lược của Đảng, Nhà nước Việt Nam; cơ quan tình báo chuyên trách quân sự của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng. Tổng cục Tình báo Quốc phòng là lực lượng trực tiếp thực hiện công tác tình báo cấp chiến lược; là cơ quan tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng QĐND Việt Nam về tổ chức lực lượng và hoạt động tình báo, đồng thời là cơ quan đầu ngành trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ tình báo đối với hệ thống quân báo - trinh sát toàn quân.

8. Cục Đối ngoại: 28/5/1964

“TRUNG THÀNH - MƯU LƯỢC - ĐOÀN KẾT - CHỦ ĐỘNG - SÁNG TẠO”

Cục Đối ngoại trực thuộc Bộ Quốc phòng là cơ quan quản lý nhà nước về đối ngoại quốc phòng của quân đội, thực hiện chức năng tham mưu cho Thường vụ Quân ủy Trung ương và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về chủ trương, phương hướng và biện pháp công tác đối ngoại quân sự; hướng dẫn và quản lý các hoạt động đối ngoại quốc phòng; lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động đối ngoại quân sự trong các lĩnh vực được phân công; là đại diện của Bộ Quốc phòng trong quan hệ với Tuỳ viên quốc phòng các nước, các đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế và khu vực tại Việt Nam.

III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC QUÂN KHU, QUÂN CHỨNG, BINH CHỨNG

A. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC QUÂN KHU

Hiện nay Quân đội nhân dân Việt Nam có 7 quân khu , BTL Thủ đô Hà Nội

1. Quân khu 1 (16/10/1945)

“TRUNG HIẾU, TIỀN PHONG, ĐOÀN KẾT, CHIẾN THẮNG”

- Trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm ở vị trí địa chính trị chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh và đối ngoại trong thế bố trí chung của cả nước, bảo vệ vùng Đông Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang 3 thứ quân; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc; tích cực tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Quân khu 1 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính ủy và Phó Chính ủy; cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn.

2. Quân khu 2 (19/10/1946)

“TRUNG THÀNH, TỰ LỰC, ĐOÀN KẾT, ANH DŨNG, CHIẾN ĐẤU”

Quân khu 2 trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Tây Bắc gồm 9 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn.

3. Quân khu 3 (31/10/1945)

“ĐOÀN KẾT, CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO, HY SINH, CHIẾN THẮNG”

Quân khu 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Đồng bằng sông Hồng gồm 9 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn.

4. Quân khu 4 (15/10/1945)

Quân khu 4 trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế có nhiệm vụ chỉ huy, quản lý và tổ chức lực lượng vũ trang quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 15/10/1945 Chiến khu 4 được thành lập gồm 6 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng

Tri, Thừa Thiên - Huế và ngày này trở thành Ngày truyền thống của lực lượng vũ trang Quân khu 4. Ngày 03/6/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 17/SL về việc thành lập Quân khu 4 trên cơ sở Liên khu 4.

5. Quân khu 5 (16/10/1945)

“TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, CHỊU ĐỤNG GIAN KHỔ, MUỖ TRÍ SÁNG TẠO, CHIẾN ĐẤU KIÊN CƯỜNG, CHIẾN THẮNG VẺ VANG”.

Quân khu 5 trực thuộc Bộ Quốc phòng, hiện nay có chức năng nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc Quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Nam Trung Bộ, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân ở địa phương trên địa bàn. Địa bàn Quân khu 5 bắt đầu từ đèo Hải Vân đến cực nam tỉnh Ninh Thuận, bảo vệ vùng Nam Trung Bộ gồm: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông.

6. Quân khu 7 (10/12/1945)

“TRUNG THÀNH VÔ HẠN, CHỦ ĐỘNG SÁNG TẠO, TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, ĐOÀN KẾT QUYẾT THẮNG”

Quân khu 7 là tổ chức quân sự theo vùng lãnh thổ, được thành lập ngày 10/12/1945, nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đông Nam Bộ gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Long An và Tây Ninh.

7. Quân khu 9 (10/12/1945)

Quân khu 9 trực thuộc Bộ Quốc phòng nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu long gồm 12 tỉnh: Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

8. Bộ Tư lệnh Thủ đô (19/10/1946)

“QUYẾT TỬ CHO TỔ QUỐC QUYẾT SINH”

- Ra đời từ phong trào cách mạng của quần chúng, lực lượng vũ trang (LLVT) Thủ đô Hà Nội là một bộ phận quan trọng của LLVT nhân dân Việt Nam đã kế thừa, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất chống ngoại xâm của Thủ đô Hà Nội, truyền thống “Ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội” cùng nhân dân Thủ đô viết nên trang sử hào hùng, góp phần làm rạng danh non sông đất nước.

- Trước và trong cách mạng tháng Tám, các đội tiền thân của LLVT Thủ đô xung kích đi đầu, làm nòng cốt cho các tầng lớp nhân dân Hà Nội đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tích cực chuẩn bị mọi điều kiện khi thời cơ đến vùng dậy khởi

nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, góp phần quyết định thắng lợi cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị hơn 80 năm của chủ nghĩa thực dân, lật đổ chế độ phong kiến mấy nghìn năm, giành độc lập tự do cho dân tộc, mang lại quyền làm chủ cho nhân dân Việt Nam. LLVT Thủ đô Hà Nội đã cùng các tầng lớp nhân dân kiên quyết đấu tranh đập tan hoạt động chống phá của kẻ thù, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam thoát ra khỏi tình thế ngàn cân treo sợi tóc.

- Sau khi được thành lập, ngày 19/12/1946 hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chấp hành quyết định của Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân Chiến khu XI với tinh thần “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” đã nổ súng mở đầu cho toàn quốc kháng chiến. Lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung, quân và dân Thủ đô nói riêng mãi mãi lưu truyền cuộc chiến đấu 60 ngày đêm, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, vượt chỉ tiêu Trung ương giao, bảo vệ tuyệt đối an toàn cơ quan của Đảng, Nhà nước, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian thực hiện công việc kháng chiến lâu dài. Suốt chặng đường kháng chiến chống thực dân Pháp, LLVT Thủ đô Hà Nội đã kiên trì trụ vững bám dân, bám đất, xây dựng cơ sở, dựa vào dân chiến đấu và lập được nhiều chiến công vẻ vang. Nhiều trận đánh tiêu biểu, hiệu quả để lại kinh nghiệm quý cho chiến tranh nhân dân, góp phần tạo ra bước ngoặt quan trọng trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Các địa phương thuộc tỉnh Hà Đông và Sơn Tây là địa bàn hoạt động của các đơn vị LLVT Mặt trận Hà Nội, nhiều địa phương được xây dựng thành căn cứ kháng chiến và căn cứ của Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội, hai tỉnh cung cấp nhiều nhất cho Hà Nội lương thực, thực phẩm...

- Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lực lượng vũ trang Thủ đô vừa sản xuất, vừa tăng cường chi viện cho chiến trường, dũng cảm, kiên cường, mưu trí, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ với lực lượng phòng không, không quân quốc gia đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc, đỉnh cao là cuộc chiến đấu 12 ngày đêm năm 1972, lập nên kỳ tích của thế kỷ XX Hà Nội “Điện Biên Phủ trên không” để trở thành “Thủ đô lương tri và phẩm giá con người”.

- Thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, LLVT Thủ đô luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, vượt mọi khó khăn, vừa tăng cường chi viện cho các mặt trận bảo vệ biên giới, làm nhiệm vụ quốc tế, vừa là lực lượng nòng cốt góp phần cùng các tầng lớp nhân dân Thủ đô làm thất bại âm mưu thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, bảo vệ, kiến thiết Thủ đô ngày càng văn minh, hiện đại.

- Quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành, thế hệ cán bộ, chiến sĩ LLVT Thủ đô Hà Nội lập nên những chiến công oanh liệt, viết nên những trang sử hào hùng, góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Sự hy

sinh, cống hiến cùng những chiến công của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ đã hun đúc nên giá trị tiêu biểu, đặc sắc như lời Bác Hồ: “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

B. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC QUÂN CHỦNG

Từ năm 1999 đến nay Quân đội nhân dân Việt Nam biên chế 2 quân chủng: Hải quân và Phòng không – Không quân.

1. Quân chủng Hải quân (07-05-1955)

- Quân chủng Hải quân là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; bảo vệ các hoạt động bình thường của Việt Nam trên các vùng biển đảo, theo quy định của luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng hải và tham gia tìm kiếm cứu nạn theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, sẵn sàng hiệp đồng chiến đấu với các lực lượng khác nhằm đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển.

- Bộ tư lệnh Hải quân chỉ huy toàn bộ lực lượng Hải quân. Bộ Tư lệnh có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính ủy và Phó Chính ủy, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần.

- Hải quân có 5 vùng Hải quân (1, 2, 3, 4, 5) và các đơn vị trực thuộc. Lực lượng chủ yếu của Hải quân là các đơn vị tàu mặt nước, pháo - tên lửa bờ biển; hải quân đánh bộ; đặc công hải quân và các đơn vị phòng thủ đảo. Hải quân đã được tăng cường lực lượng và phương tiện để làm tốt nhiệm vụ tìm kiếm và cứu nạn.

- Trong tương lai, Hải quân được tăng cường trang bị vũ khí hiện đại, nâng cao sức mạnh chiến đấu để có đủ khả năng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

- Hải quân có truyền thống rất vẻ vang, lập công lớn trong chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của không quân và hải quân Mỹ nhất là thành tích chống phong tỏa đường biển và các nhiệm vụ được giao trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

a) Chức năng nhiệm vụ

Quân chủng Hải quân của QĐND Việt Nam còn gọi là Hải quân Nhân dân Việt Nam, là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng. Lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ

quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; bảo vệ các hoạt động bình thường của Việt Nam trên các vùng biển đảo, theo quy định của luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng hải và tham gia tìm kiếm cứu nạn theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, sẵn sàng hiệp đồng chiến đấu với các lực lượng khác nhằm đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển.

Hải quân có các binh chủng tàu mặt nước, Hải quân đánh bộ, Tên lửa - Pháo bờ biển, Không quân Hải quân, tàu ngầm... nhưng không tổ chức bộ tư lệnh riêng. Bao gồm các cấp đơn vị: Hải đoàn, hải đội, binh đoàn Hải quân đánh bộ, các binh đoàn bộ đội chuyên môn, các đơn vị bảo đảm phục vụ ra đa, thông tin, kỹ thuật, hậu cần...

b) Các binh chủng của quân chủng Hải Quân

- Hải quân đánh bộ - quả đấm thép

+ Hải quân đánh bộ còn được gọi là đặc công Hải quân – lực lượng tác chiến đặc biệt tinh nhuệ. Bơi rất giỏi, trang bị trên người có thể lên đến 40kg hoặc ít hơn tùy nhiệm vụ, chiến đấu như bộ binh nhưng lại phải thành thạo kỹ thuật đánh gần cũng như cách đánh các loại mục tiêu kiên cố, độc lập tác chiến trong điều kiện chỉ huy thông tin hạn chế. Khi có chiến tranh xảy ra mà chiến trường là đảo do ta quản lý bị nước ngoài đánh chiếm thì hải quân đánh bộ phải lấy lại được đảo, không lực lượng nào có thể thay thế.

+ Các lữ đoàn Hải quân đánh bộ được trang vũ khí, khí tài hiện đại.

+ Do đặc thù nhiệm vụ, trang bị vũ khí của Hải quân đánh bộ chủ yếu là các loại súng cá nhân. Một trong những vũ khí đó là súng trường tiến công Tavor TAR-21, có khả năng khai hỏa sau quá trình dài ngâm trong nước khi hành quân.

+ Hải quân đánh bộ Việt Nam cũng được trang bị "sát thủ diệt tăng" Matador, có khả năng xuyên giáp xe tăng và phá các bức tường gạch hoặc bê tông cốt thép.

- Tàu ngầm Kilo 636 “hổ đen đại dương”

+ Các tàu ngầm Kilo của Nga đây là loại tiên tiến, được gọi là "hổ đen đại dương" bởi khả năng ẩn mình gần như hoàn hảo của nó.

+ Đội hình 6 tàu ngầm Kilo có số hiệu 182 ÷ 187 lần lượt mang tên Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Bà Rịa-Vũng Tàu đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình hiện đại hóa vũ khí, khí tài quân sự, nâng cao sức chiến đấu của Hải quân nhân dân Việt Nam.

- Không quân Hải quân

+ Ngày 3/7/2013, Bộ Quốc phòng bàn giao Lữ đoàn KQ 954 từ Quân chủng PK - KQ về Quân chủng Hải quân. Lữ đoàn được giao nhiệm vụ tác chiến sẵn

ngầm, vận tải quân sự, trinh sát, quan sát trên không, trên mặt đất, mặt nước, tìm kiếm cứu nạn trên biển, trên đất liền và cứu hộ, cứu nạn, phòng chống bão lụt.

+ Hiện nay, Lữ đoàn KQ 954 đang thực thi nhiệm vụ với các loại máy bay hiện đại hàng đầu khu vực Đông Nam Á gồm trực thăng săn ngầm Ka-28, trực thăng đa năng EC-225, thủy phi cơ DHC-6 và Su30MK2.

+ Ka-28 được xem là một trong những loại trực thăng săn ngầm hiện đại nhất ở khu vực Đông Nam Á. Trên máy bay được trang bị radar, sonar, phao âm để trinh sát phát hiện tàu ngầm với nhiều loại vũ khí: ngư lôi 400mm, bom chìm chống ngầm.

+ Việt Nam đã mua chiếc 6 chiếc thủy phi cơ DHC-6 để trang bị cho hải quân, trong đó 3 chiếc được cấu hình vận chuyển khách, hàng hóa còn ba chiếc trang bị hệ thống radar hiện đại để giám sát biển.

+ DHC-6 ngoài khả năng cất hạ cánh trên mặt nước còn có thể cất hạ cánh đường băng ngắn chỉ vài trăm mét. Vì vậy, DHC-6 được sử dụng nhiều cho các chuyến bay ra đảo Trường Sa Lớn.

+ Không quân Hải quân được trang bị trực thăng vận tải đa năng EC-225 Super Puma MkII hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay. EC-225 đáp ứng tốt nhiệm vụ vận tải hàng hóa, binh sĩ, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn. Đặc biệt, nó được tối ưu để chuyên bay biển-nhiệm vụ số một của Không quân Hải quân.

- Tên lửa chống hạm-lá chắn thép không thể xuyên thủng

+ Hiện nay, Hải quân được trang bị Tổ hợp tên lửa bờ Bastion-P và Tổ hợp rada bờ Monolit-B, trong đó Bastion-P là một trong những hệ thống tên lửa phòng thủ bờ biển cơ động hiện đại nhất trên thế giới hiện nay.

+ Đây là tổ hợp vũ khí rất mạnh, một trong những tổ hợp tên lửa bảo vệ bờ biển tốt nhất, có khả năng cơ động cao, sử dụng tên lửa chống tàu có tốc độ siêu âm 3M55 "Yakhont" ("Onyx").

+ Tổ hợp tên lửa Bastion có khả năng tấn công mục tiêu xa đến 300 km và bảo vệ một tuyến bờ biển chống tác chiến đổ bộ của đối phương lên đến 600 km.

+ Một trong những đặc trưng của tên lửa chống tàu Yakhont là chương trình phần mềm nhân tạo chạy trên máy tính đầu đạn. Nó cho hiệu quả chiến đấu rất cao khi bắn loạt tên lửa. Trường hợp bị tấn công ồ ạt với số lượng lớn các tàu, chương trình trên đầu đạn tự chọn và đánh giá độ quan trọng của mục tiêu, lựa chọn tọa độ và phương thức tấn công. Đồng thời, chương trình cũng lựa chọn khả năng chống lại tác chiến điện tử và lựa chọn phương án tránh góc bắn của hỏa lực phòng không đối phương để tấn công tàu.

+ Khi tiêu diệt mục tiêu trong đội hình, các tên lửa còn lại chuyển hướng sang các mục tiêu khác, loại trừ khả năng 2 tên lửa cùng tiêu diệt một mục tiêu.

+ Trong điều kiện phát triển sức mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Hải quân, các tổ hợp tên lửa này cho phép bảo vệ vững chắc vùng biển, bờ biển của quốc gia.

- Tàu mặt nước hộ vệ tên lửa tàng hình đa nhiệm

+ Hiện nay Hải quân đang sở hữu nhiều loại tàu mặt nước gồm tàu hộ vệ tên lửa, tàu pháo, tàu săn ngầm... trong đó hai tàu hộ vệ tên lửa Gepard 3.9 mang tên HQ011- Đinh Tiên Hoàng và HQ012 - Lý Thái Tổ là những tàu chiến mặt nước do Nga sản xuất đã được đưa vào trực chiến. Chiếc thứ 3 đã về nước, chiếc thứ 4 đang trên đường về.

+ Tàu Gepard 3.9 của Việt Nam được thiết kế thực hiện các nhiệm vụ chống tàu ngầm, tàu nổi và các mục tiêu trên không của địch khi thực hiện các nhiệm vụ hộ tống tàu chiến, tàu vận tải, các đoàn tàu cơ động, tiến hành các nhiệm vụ cảnh giới biên, bảo vệ hải giới và thềm lục địa, bảo vệ các khu vực kinh tế biển và bảo vệ các khu vực biển gần.

+ Để tăng cường khả năng cơ động và tác chiến độc lập của tàu trên biển, các nhà thiết kế đã tăng cường khả năng hải trình của tàu từ 9 ngày không phải bổ sung nhiên liệu và cơ sở vật chất lên đến 20 ngày và tầm hoạt động (với tốc độ hải trình 18 hải lý/giờ) từ 2.500 hải lý lên 3.500 hải lý.

+ Tàu được trang bị hệ thống tên lửa chống tàu thế hệ mới nhất X35 3M24 Uran, tăng cường khả năng tác chiến so với các loại tàu tuần biển khác. Hệ thống sonar MGK-335EM-03 có góc quét 260 độ, phát hiện được tàu ngầm ở bán kính 10-12 km, thủy lôi ở cự ly 2 km và 2 thiết bị phóng ngư lôi cỡ nòng 533 mm.

+ Cùng với tàu ngầm Kilo 636, máy bay chiến đấu đa năng Su30 MK2 và tên lửa chống hạm siêu âm Yakhont của hệ thống Bastion-P (có tầm bắn 300 km, đặt trên bờ), Gepard 3.9 sẽ giúp quân đội Việt Nam chính thức có được năng lực tiến công đa năng 3 trong 1 (trên không, dưới nước và trên mặt nước) ở khu vực biển gần, đặc biệt là việc nâng cao đáng kể khả năng chống ngầm.

- Tàu tên lửa tấn công nhanh

+ Từ 2014 đến 2016, sáu chiếc tàu tên lửa Molnya do Tổng công ty Ba Son (Tổng cục CNQP) đóng mới đã được bàn giao cho Hải quân, biên chế cho Lữ đoàn tàu pháo, tên lửa 167 (Vùng 2 Hải Quân - Nhơn Trạch, Đồng Nai). Đây là tàu tên lửa tấn công nhanh lớp Molnya (lớp Tia chớp) - một trong những tàu chiến uy lực hoàn thiện về công nghệ và có tính ổn định cao.

+ Tàu tên lửa Molnya được trang bị bốn dàn phóng tên lửa Uran - E với tổng số 16 tên lửa, cự ly bắn 130 km, một pháo hạm tự động AK-176M, cự ly bắn khoảng 15 km, cao 11 km và tốc độ khoảng 120-130 viên/phút. Tàu cũng trang bị hai pháo 6 nòng tự động AK630, có tầm bắn 4-5 km, tốc độ bắn 4.000-5.000 viên/phút. Hệ thống pháo nhiều phục vụ bắn tên lửa khi có mục tiêu.

+ Với sức chiến đấu cao, trang bị vũ khí hiện đại, đồng bộ, cơ động nhanh, tàu Molnya có thể độc lập hoặc hiệp đồng tác chiến với các lực lượng khác trong chiến dịch của Quân chủng để bảo vệ chủ quyền biển đảo, thềm lục địa Tổ quốc.

+ Trong 6 chiếc tàu tên lửa do Tổng công ty Ba Son đóng thì cặp tàu M5 và M6 là hiện đại nhất. Với lượng choán nước toàn tải 490 tấn và độ sâu mớn nước 2,56 m, tàu có tính năng đi biển cao, đảm bảo hiệu quả sử dụng vũ khí trên tàu khi sóng biển ở cấp 5-8. Để tự bảo vệ trước các đòn tấn công trên không và ngư lôi, tàu được trang bị hai ống phóng mỗi bầy kiểu PK-10, một giá phóng tên lửa đối không tầm thấp Igla (12 quả). Thời gian hoạt động trên biển là 10 ngày, cự ly hoạt động khi chạy ở tốc độ tuần tiễu là từ 3.000 đến 4.400 km.

c) Các Bộ Tư Lệnh thuộc quân chủng Hải Quân

- Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân

Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh và các đảo trong Vịnh Bắc Bộ, gồm các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân

Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Nam Bình Thuận đến Bạc Liêu và thềm lục địa phía Nam, trong đó khu vực trọng điểm là vùng biển có các cụm kinh tế - khoa học - dịch vụ (DK1) thuộc thềm lục địa phía Nam, gồm các tỉnh: Phía Nam của Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, và vùng biển phía Đông Nam của tỉnh Cà Mau (bao gồm cả nhà giàn DK1/10 ở bãi ngầm Cà Mau).

- Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân

Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển giữa miền Trung, từ Quảng Bình đến Bình Định gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định gồm các đảo Cồn Cỏ, Lý Sơn, Quần đảo Hoàng Sa...

- Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân

Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ Quần đảo Trường Sa, đảo Phú Quý, biển Đông và vùng biển từ Phú Yên đến Bắc Bình Thuận gồm: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và phía Bắc của Bình Thuận.

- Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân

Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển Nam biển Đông và vịnh Thái Lan thuộc vùng biển hai tỉnh Cà Mau (biển phía Tây Nam của Cà Mau) và Kiên Giang.

2. Quân chủng Phòng không - Không quân

a) Lịch sử truyền thống

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại đoàn Công pháo 351 được giải thể. Bộ Tổng tư lệnh ra Nghị định số 34/NĐA nâng cấp Trung đoàn Phòng không 367 lên thành Đại đoàn pháo cao xạ hỗn hợp 367 trực thuộc Bộ chỉ huy Pháo binh vào ngày 21 tháng 9 năm 1954. Hoàng Kiện làm Đại đoàn trưởng, Đoàn Phụng làm Chính ủy, Lê Văn Tri làm Phó tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng. Đại đoàn được biên chế các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp và ba trung đoàn 681, 685, 689, trang bị pháo 88mm và 40mm. Theo quyết định của Bộ Tổng tham mưu, để giữ bí mật lực lượng, các trung đoàn 681, 685, 689 được gọi là các tiểu đoàn 12, 13, 14. Sau khi được tổ chức và huấn luyện ở Vai Cày, Thái Nguyên, đêm ngày 16/12/1955, Đại đoàn 367 hành quân về tiếp quản Hà Nội.

Bên cạnh đó, ngày 3 tháng 3 năm 1955, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 15/QĐA thành lập Ban nghiên cứu Sân bay trực thuộc Tổng Tham mưu trưởng. Ngày này về sau được lấy làm ngày thành lập Không quân Nhân dân Việt Nam. Một năm sau đó, liên tục các đoàn cán bộ, chiến sĩ thuộc Ban nghiên cứu sân bay được cử đi nước ngoài học tập. Ngày 26/1/1956, Việt Nam tiếp nhận 5 máy bay đầu tiên do Trung Quốc viện trợ gồm 2 Li-2 và 3 Aero 45. Ngày 24/2/1956, 2 đoàn học viên lái máy bay gồm Đoàn học máy bay tiêm kích MiG-17, gồm 50 học viên, do Phạm Dung làm Đoàn trưởng và Đoàn học máy bay ném bom Tu-2, gồm 30 học viên, do Đào Đình Luyện làm Đoàn trưởng, học tại Trường Không quân số 2 ở Trường Xuân, Trung Quốc. Trong Đoàn học Tu-2 có sáu học viên dẫn đường trên không (chuyên dẫn đường trên các loại máy bay và trực thăng) đầu tiên là: Đinh Huy Cận, Lê Thế Hưng, Nguyễn Văn Kính, Lê Liên, Lương Nhật Nguyễn và Nguyễn Cảnh Phiên.

Ngày 21/3/1958, Trung đoàn ra đa cảnh giới đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam được thành lập với tên gọi Trung đoàn đối không cần vụ 260. Cùng ngày hôm đó, Bộ Quốc phòng cũng ra Nghị định 047/NĐ thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không trên cơ sở của Sư đoàn Phòng không 367 và Trung đoàn đối không cần vụ. Trong những năm sau đó, các trung đoàn pháo phòng không được thành lập, trang bị các loại pháo 57 mm và 100 mm. Bên cạnh đó, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ được đi học sử dụng vũ khí tên lửa phòng không tại các trung tâm huấn luyện quân sự của Liên Xô ở Leningrad, Kiev, Odessa, Minsk... để chuẩn bị cho việc hình thành các đơn vị tên lửa phòng không sau này.

Ngày 24/1/1959, Bộ Quốc phòng ra nghị định thành lập Cục Không quân trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu trên cơ sở hợp nhất các tổ chức và lực lượng của Ban Nghiên cứu sân bay và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

Tách - nhập quân chủng

Trong thời gian từ 16/5/1977 đến 3/3/1999, QC PK-KQ tách ra thành hai Quân chủng Phòng không và Không quân riêng biệt. Việc chia tách này phần nào áp đặt theo mô hình tổ chức của Liên Xô, vốn có lãnh thổ rộng lớn và tiềm lực

quân sự mạnh, không phù hợp với đặc thù Việt Nam, có lãnh thổ nhỏ hẹp và tiềm lực quân sự yếu. Chính vì vậy, sau khi Liên Xô tan rã, mô hình 2 quân chủng cũng không còn phù hợp, cần tinh giản và gọn nhẹ trong bộ máy quản lý. Từ tháng 3/1999, lại sáp nhập lại thành Quân chủng PK-KQ như hiện nay.

b) Các lực lượng của Quân chủng

- Không quân nhân dân Việt Nam

Bộ đội Không quân 65 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành (03/3/1955 - 03/3/2020).

Hơn 45 năm chiến tranh đã trôi qua, nhưng những trận không chiến trên bầu trời Việt Nam luôn là trang sử chói lọi và đầy tự hào của bộ đội không quân nhân dân Việt Nam. Cách đây 65 năm, ngày 3/3/1955, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (BQP), đã ký QĐ số 15 thành lập “Ban Nghiên cứu sân bay” với nhiệm vụ: Tiếp quản, chỉ huy và quản lý các sân bay hiện có, đồng thời giúp BQP nghiên cứu về tổ chức, xây dựng lực lượng Không quân. Ngày 3/3/1955 đã trở thành ngày truyền thống của Không quân nhân dân Việt Nam anh hùng.

Ngày 3/4/1965 khắc sâu lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đến thăm Trung đoàn 921: *“Tổ tiên ta từ xưa đã có chiến công trên sông, trên biển như Bạch Đằng, Hàm Tử, trên bộ như Chi Lăng, Vạn Kiếp, Đống Đa..., ngày nay chúng ta phải mở mặt trận trên không thắng lợi. Trách nhiệm ấy trước hết là ở các chú, nghệ thuật đánh giặc của Việt Nam rất độc đáo, vũ khí trong tay người Việt Nam dù thô sơ cũng giành hiệu suất cao, phát huy cách đánh của ta, không sợ Không quân địch hiện đại, hãy bắt chước đồng bào miền Nam, nắm chắc thất lưng địch mà đánh”*. Thấm nhuần, tiếp thu lời dạy của Bác 9 giờ 47 phút ngày 3/4/1965, Biên đội MiG-17 (gồm: Phạm Ngọc Lan, Hồ Văn Quý, Phan Văn Túc, Trần Minh Phương) đã xuất kích và bắn rơi 2 máy bay F-8U của Hải quân Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng (Thanh Hóa). Ngày 4/4/1965, Biên đội MiG-17 (Trần Hanh, Phạm Giấy, Lê Minh Huân, Trần Nguyên Năm) lại xuất kích bắn rơi 2 máy bay F-105 (Thần Sấm) của Không quân Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng.

Hai trận không chiến ngày 3-4/4/1965 có ý nghĩa hết sức quan trọng, đối với không quân Việt Nam đây là những chiến thắng đầu tiên, “mở ra mặt trận trên không thắng lợi”. Ngày 5/4/1965 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen ngợi bộ đội Không quân “... Các chú đã chiến đấu dũng cảm, đã tiêu diệt máy bay Mỹ, các chú đã thực hiện được khẩu hiệu: “Đã đánh là thắng” xứng đáng truyền thống anh hùng của quân và dân ta...”. Cùng trong ngày 5/4/1965 Đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (BQP), đã tới thăm và biểu dương tinh thần chiến đấu Trung đoàn 921. Hai trận chiến thắng đầu tiên của bộ đội không quân Việt Nam đã gây tiếng vang lớn trên thế giới. Ngày 4/4/1965 trong buổi họp báo ở Sài Gòn, Tướng William W. Mommyer – Tư lệnh tập đoàn không quân Mỹ số 7 đã phải thừa nhận rằng, các máy bay MiG của không lực Bắc Việt Nam đã dùng súng Cannon bắn hạ các máy bay phản lực siêu âm của Mỹ, trong khi chúng

tôi không bắn rơi chiếc nào. Hãng tin Mỹ - UPI thì đưa tin, “Việc máy bay MiG bắn hạ những máy bay phản lực bay nhanh gấp 2 lần tiếng động, khiến Nhà Trắng phẫn lòng, còn Lầu Năm Góc thì đang loay hoay tìm cách thay đổi chiến thuật ném bom ở Bắc Việt Nam...”.

Bị thua trên khắp các chiến trường, ngày 31/10/1968, Tổng Thống Mỹ Johnson tuyên bố chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, chiến dịch dài nhất và tốn kém nhất trong lịch sử chiến tranh trên không hiện đại, chấp nhận ngồi vào đàm phán 4 bên ở Paris. Nhưng trong những năm từ 1968 đến năm 1972 đế quốc Mỹ không chấp nhận thất bại, điên cuồng mở rộng chiến tranh phá hoại bằng Không quân và Hải quân ra miền Bắc. Với ý chí: “Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, Bộ đội Không quân “Đã xuất kích là mang chiến thắng trở về”, Bộ đội Không quân đã không ngừng trưởng thành, luôn sáng tạo nhiều cách đánh độc đáo, vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng. Càng chiến đấu gian khổ ác liệt, chủ nghĩa anh hùng cách mạng càng được Bộ đội Không quân phát huy cao độ, làm ngời sáng lên phẩm chất cao quý “Bộ đội Cụ Hồ”, “Người chiến sĩ PKKQ ưu tú” trên mặt trận bảo vệ bầu trời Tổ quốc. Đặc biệt là Chiến dịch Phòng không bảo vệ Hà Nội cuối tháng 12/1972 đập tan cuộc tập kích đường không bằng pháo đài bay B-52 chiến lược trong 12 ngày đêm lập nên kỳ tích “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” và cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, phi đội quyết thắng chỉ trong 6 ngày học tập chuyển loại máy bay thu được của địch, mở mũi thọc sâu từ trên không vào sào huyệt của địch, cùng với các lực lượng và toàn dân giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại, Không quân nhân dân Việt Nam có 6.960 lần xuất kích, với khoảng 300 trận không chiến đã bắn rơi 320 máy bay (trong đó có 2 máy bay B-52) trong tổng số 2.635 máy bay do Quân chủng PK-KQ và 4.181 chiếc bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc, gồm tất cả các kiểu loại hiện đại nhất của không quân Mỹ. Với những thành tích và chiến công đặc biệt xuất sắc, Quân chủng Không quân (trước đây) và hàng chục đơn vị và cán bộ, chiến sĩ đã vinh dự được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” cùng nhiều phần thưởng cao quý khác. Trải qua 65 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ bộ đội không quân đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, mất mát, hy sinh, nhưng bộ đội Không quân vẫn hiên ngang ngẩng cao đầu, lập nhiều chiến công hiển hách.

- Tên lửa phòng không

Cách đây 55 năm, để đáp ứng yêu cầu phát triển của lực lượng vũ trang, ngày 7/1/1965, trên cơ sở lực lượng Trung đoàn 228B, Bộ Quốc phòng đã ra quyết định thành lập Trung đoàn 236 - Trung đoàn Tên lửa đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Chỉ sau vài tháng vừa củng cố tổ chức, vừa huấn luyện cấp tốc, ngày 24/7/1965, Trung đoàn 236 đã ra quân đánh thắng trận đầu, diệt gọn một tốp

F-4 của đế quốc Mỹ. Đây là sự kiện lịch sử, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội ta và Quân chủng PK-KQ. Ngày 24/7/1965 được lấy là ngày truyền thống của lực lượng Tên lửa phòng không. Phát huy truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, Bộ đội Tên lửa Phòng không đã chiến đấu ngoan cường, mưu trí, sáng tạo, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng. Đặc biệt, trong Chiến dịch Phòng không bảo vệ Hà Nội tháng 12/1972, Bộ đội Tên lửa Phòng không là lực lượng nòng cốt đánh bại cuộc tập kích chiến lược chủ yếu bằng máy bay B-52 của đế quốc Mỹ, góp phần làm nên Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Bộ đội Tên lửa Phòng không đã tham gia chiến đấu trong đội hình binh chủng hợp thành, góp phần cùng quân và dân cả nước hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Trong Chiến dịch Biên giới Tây Nam, Bộ đội Tên lửa đã có những đóng góp quan trọng trong bảo vệ chủ quyền biên giới và chi viện trực tiếp cho cách mạng Campuchia, góp phần đưa nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng tàn bạo.

Những năm hòa bình, Bộ đội Tên lửa đã nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo trong quản lý cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật và xây dựng lực lượng, nâng cao chất lượng huấn luyện chiến đấu, rèn luyện kỷ luật, xây dựng chính quy, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Bộ đội Tên lửa luôn xứng đáng là lực lượng đột kích mạnh trên không, lực lượng nòng cốt trong thế trận phòng không nhân dân bảo vệ Tổ quốc, góp phần cùng toàn quân, toàn dân thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Pháo phòng không

Ngày 1/4/1953, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh QĐND Việt Nam đã ký Quyết định số 06 thành lập Trung đoàn Pháo cao xạ 367- Trung đoàn pháo phòng không đầu tiên của QĐND Việt Nam. Từ đó, ngày 1/4 hằng năm trở thành ngày truyền thống vẻ vang của Bộ đội Pháo cao xạ. Tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bộ đội Pháo cao xạ đã bắn rơi 52 máy bay trong tổng số 62 máy bay của thực dân Pháp bị quân và dân ta tiêu diệt, góp phần quan trọng vào chiến thắng của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Từ một trung đoàn pháo cao xạ đầu tiên, lực lượng Pháo cao xạ không ngừng trưởng thành, đến đầu những năm 1960 đã phát triển thành một binh chủng hiện đại với hàng chục trung đoàn cao xạ gồm cả tầm trung và tầm thấp, giữ vai trò quan trọng trong cuộc chiến tranh nhân dân đất trời không, chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, các lực lượng súng, pháo cao xạ 3 thứ quân đã bắn rơi gần 3.100 máy bay, gồm đủ các kiểu loại, trong đó có những loại hiện đại nhất của không quân Mỹ. Trong đó, Bộ đội Pháo cao xạ của Quân chủng PK-KQ đã bắn rơi 1.502 chiếc, bằng 57% tổng số máy bay Mỹ bị Quân chủng PK-KQ bắn rơi. Với những thành tích và

chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và xây dựng, Bộ đội Pháo cao xạ đã được Đảng, Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Binh chủng Cao xạ và nhiều tập thể, cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân cùng nhiều huân, huy chương và phần thưởng cao quý khác.

- Ra đa

Ngày 21/3/1958, Trung đoàn ra đa cảnh giới đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập với tên gọi Trung đoàn đối không căn vụ 260.

Cũng trong năm 1958, nhiều cán bộ của binh chủng phòng không-không quân của Việt Nam được đưa sang Liên Xô nhằm đào tạo về cách sử dụng ra đa cảnh giới, ra đa trinh sát và ra đa dẫn đường cho tên lửa SAM. Họ được huấn luyện tại các thành phố Leningrad, Kiev, Odessa, Minsk...

Sau một năm huấn luyện, Trung đoàn đối không căn vụ 260 trở về nước năm 1959 và bắt đầu phát sóng ngày vào ngày 1/3. Ngày 1/3/1959 được chọn là ngày truyền thống của binh chủng.

3. Bộ đội Biên phòng

Chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Bộ đội Biên phòng

Quản lý, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, vùng biển- đảo là nhiệm vụ thường xuyên lâu dài có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; là sự nghiệp của toàn dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, chủ trì phối hợp với các lực lượng vũ trang, các địa phương, các ngành liên quan và dựa vào nhân dân để quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới; duy trì công tác đối ngoại biên phòng. Bộ đội Biên phòng hoạt động theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các điều ước quốc tế có liên quan đến chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và các cửa khẩu mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Quản lý, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, vùng biển- đảo là nhiệm vụ thường xuyên lâu dài có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; là sự nghiệp của toàn dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, chủ trì phối hợp với các lực lượng vũ trang, các địa phương, các ngành liên quan và dựa vào nhân dân để quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới; duy trì công tác đối ngoại biên phòng. Bộ đội Biên phòng hoạt động theo pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các điều ước quốc tế có liên quan đến chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên đất liền, hải đảo, vùng biển và các cửa khẩu mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

a) Chức năng

Bộ đội Biên phòng là lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng, của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, làm nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và tại các cửa khẩu theo phạm vi nhiệm vụ do pháp luật quy định và là lực lượng thành viên trong các khu vực phòng thủ tỉnh, huyện biên giới.

b) Nhiệm vụ

Căn cứ vào chức năng của Bộ Quốc phòng trong công tác biên phòng, Bộ đội Biên phòng có các nhiệm vụ chủ yếu:

- Tổ chức quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ở khu vực biên giới trên bộ và trên biển, bảo vệ an ninh biên giới quốc gia, bảo vệ lợi ích và tài nguyên quốc gia trên khu vực này, ngăn chặn mọi hành động xâm phạm và làm thay đổi đường biên giới quốc gia.

- Tổ chức kiểm tra thực hiện pháp luật về biên giới quốc gia trên bộ và trên biển thuộc chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, kiểm soát việc xuất, nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới và các đường qua lại biên giới. Trên vùng biển, Bộ đội biên phòng làm nhiệm vụ biên phòng trong phạm vi ranh giới được Nhà nước phân công.

- Tổ chức thực hiện quan hệ phối hợp với các lực lượng biên phòng nước láng giềng để thi hành các điều ước quốc tế, các hiệp ước, hiệp định với từng nước láng giềng trong quan hệ biên giới; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, góp phần xây dựng quan hệ các nước láng giềng thân thiện và giữa nhân dân hai bên biên giới; đấu tranh ngăn chặn mọi hành động làm phương hại đến quan hệ biên giới giữa hai nước và xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

- Đấu tranh chống âm mưu và hành động của các thế lực thù địch, các bọn phản cách mạng phá hoại biên giới quốc gia, giữ gìn vững chắc an ninh ở khu vực biên giới của Tổ quốc. Chiến đấu chống các bọn tội phạm có vũ trang, bọn thổ phỉ, hải phỉ, biệt kích phá rối an ninh, gây bạo loạn ở vùng biên giới.

- Trực tiếp và phối hợp với các lực lượng, các ngành có chức năng của Nhà nước đấu tranh chống bọn buôn lậu qua biên giới và các bọn tội phạm khác, bảo vệ lợi ích quốc gia và lợi ích của nhân dân, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên khu vực biên giới.

- Liên hệ chặt chẽ với quần chúng, dựa vào quần chúng để thực hiện nhiệm vụ, đồng thời tuyên truyền vận động nhân dân vùng biên giới, tăng cường đoàn kết dân tộc, thực hiện các hủ trương và chương trình kinh tế, xã hội của Đảng và

Nhà nước, tích cực xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng nền biên phòng toàn dân và các thế trận an ninh nhân dân trên vùng biên giới.

- Phối hợp với các đơn vị vũ trang khác và nhân dân chiến đấu chống quân xâm lược gây xung đột vũ trang và tiến hành chiến tranh.

c) Tổ chức của Bộ đội Biên phòng

Bộ đội biên phòng được tổ chức, chỉ huy thống nhất từ Trung ương đến đơn vị cơ sở, trực thuộc sự chỉ huy và quản lý toàn diện của Bộ Quốc phòng; gồm:

- Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng trực thuộc Bộ Quốc phòng; có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh, cơ quan giúp việc, các trường, các đơn vị trực thuộc:

+ Cơ quan Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng: Bộ Tham mưu, Cục Chính trị, Cục Trinh sát, Cục Cửa khẩu, Cục Phòng chống ma túy và tội phạm, Cục Hậu cần, Cục Kỹ thuật.

+ Cơ quan trực thuộc Bộ Tư lệnh: Văn phòng Bộ Tư lệnh, Thanh tra Bộ đội biên phòng, Phòng Cán bộ, Phòng Điều tra hình sự, Ủy ban kiểm tra, Phòng Tài chính, Phòng Khoa học quân sự, Phòng Quản lý kinh tế, Phòng Pháp chế, Viện kiểm sát quân sự Bộ đội biên phòng (Viện cấp 2, cấp 3).

+ Các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng: Các trường biên phòng (Học viện Biên phòng, Trung học Biên phòng I, Trung học Biên phòng II, Trường Trung cấp huấn luyện chó nghiệp vụ), các Hải đoàn biên phòng, Trung đoàn thông tin 21, Trung tâm huấn luyện.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới, bờ biển; hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng; có chỉ huy trưởng, các phó chỉ huy trưởng, cơ quan giúp việc và các đơn vị trực thuộc:

+ Cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố: Phòng Tham mưu, Phòng Chính trị, Phòng Trinh sát, Phòng phòng chống tội phạm ma túy, Phòng Hậu cần- Kỹ thuật, Ban Tài chính, Văn phòng.

+ Đơn vị trực thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố: Hải đội biên phòng, Đơn vị cơ động (đại đội, tiểu đoàn), Đội đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy, Tiểu khu biên phòng, Tiểu đoàn (đại đội) huấn luyện chiến sỹ mới.

- Đồn biên phòng, hải đội biên phòng, các đơn vị cơ động trực thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; có chỉ huy cấp trưởng, các phó chỉ huy trưởng và các đội: Trinh sát, Vũ trang, Vận động quần chúng, Kiểm soát hành chính, Phòng chống tội phạm ma túy, Tổng hợp - đảm bảo và Trạm kiểm soát biên phòng (nếu có).

4. Bộ tư lệnh Cục Cảnh sát biển: 28/8/1998

Cục Cảnh sát biển trực thuộc Bộ Quốc phòng là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn, bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Nhà nước Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia trên các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam.

Việt Nam có 4 vùng Cảnh sát biển. Cảnh sát biển được trang bị các loại tàu, thuyền đáp ứng các yêu cầu quản lý việc chấp hành pháp luật liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán ở các khu vực biển Việt Nam. Mọi hoạt động của lực lượng cảnh sát biển Việt Nam do Bộ Quốc phòng trực tiếp tổ chức, quản lý và điều hành.

5. Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (Đoàn 969) trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, là tổ chức chuyên trách phối thuộc của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh của Chính phủ Việt Nam.

Nhiệm vụ:

- Bảo đảm tốt việc giữ gìn nguyên vẹn và lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh;
- Quản lý, vận hành các thiết bị máy móc ở Lăng và các công trình kỹ thuật có liên quan;
- Tổ chức gác danh dự ở Lăng và bảo vệ an toàn khu vực Lăng;
- Tổ chức đón tiếp, tuyên truyền cho nhân dân và khách quốc tế đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

5. Bộ Tư lệnh tác chiến không gian mạng: 15/8/2017

Trong chiến tranh hiện đại, không gian mạng được coi là môi trường tác chiến thứ năm gắn kết chặt chẽ với tác chiến trên không, trên bộ, trên biển và trong không gian vũ trụ. Trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đề cao trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, nhận định nguy cơ xảy ra chiến tranh mạng, mất an ninh thông tin ngày càng tăng và đặt ra mục tiêu phải chủ động phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả chiến tranh mạng.

Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng đóng vai trò nòng cốt trong việc bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; là lực lượng quan trọng tham gia bảo đảm an ninh, an toàn không gian mạng quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm công nghệ cao và "diễn biến hòa bình" trên không gian mạng, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ tác chiến trên không gian mạng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc cả trên đất liền, trên không, trên biển và trên không gian mạng.

C. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC BINH CHỦNG

- Quân đội nhân dân Việt Nam không tổ chức Lục quân Việt Nam thành bộ tư lệnh riêng mà đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị; sự chỉ đạo chuyên ngành của các tổng cục và cơ quan chức năng khác. Khi mới thành lập, Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ có lục quân với bộ binh là chính. Quá trình xây dựng, Lục quân đã từng bước phát triển cả về quy mô tổ chức và lực lượng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

- Lục quân có 07 quân khu (1, 2, 3, 4, 5, 7, 9) và Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội; 06 binh chủng; 04 quân đoàn.

Các quân khu được tổ chức trên các hướng chiến lược và theo địa bàn. Quân khu có các sư đoàn và trung đoàn chủ lực trực thuộc. Quân khu chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Quân đoàn là đơn vị cơ động lớn nhất của Lục quân, được bố trí để bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia, Quân đoàn có các sư đoàn và đơn vị trực thuộc.

Các binh chủng tham gia tác chiến hợp đồng quân binh chủng theo phân công đồng thời thực hiện chức năng bảo đảm kỹ thuật và huấn luyện, đào tạo sĩ quan, nhân viên kỹ thuật theo các chuyên ngành cho toàn quân. Các binh chủng có các đơn vị chiến đấu trực thuộc, các trường sĩ quan và trường kỹ thuật theo chuyên ngành.

- Lục quân là một quân chủng trong quân đội hoạt động chủ yếu trên mặt đất, thường có số quân đông nhất, có trang bị và phương thức tác chiến đa dạng, phong phú. Là lực lượng chính quyết định kết cục của chiến tranh.

- Bộ binh:

Lực lượng chủ yếu của lục quân, được trang bị nhẹ để tác chiến trên bộ; đảm nhiệm chức năng chủ yếu là tiêu diệt đối phương, đánh chiếm trận địa của chúng và giữ vững trận địa của mình. Là binh chủng cổ nhất trong lịch sử và thường là binh chủng đầu tiên được xây dựng trong các quân đội. Từ giữa thế kỉ 20, phần lớn các nước công nghiệp có xu hướng phát triển BB thành BB cơ giới

- Bộ binh cơ giới:

Bộ binh được trang bị xe chiến đấu bọc thép để cơ động và chiến đấu, có thể thực hành chiến đấu ngay trên xe hoặc với đội hình đi bộ. So với bộ binh, BBCG được trang bị hỏa lực mạnh hơn và có sức cơ động cao hơn.

1. Binh chủng Pháo binh (Ngày truyền thống 29/6/1946)

“Chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng”

Binh chủng pháo binh của Quân đội nhân dân Việt Nam là binh chủng chiến đấu, là hỏa lực chủ yếu của lực quân; có thể tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng hoặc độc lập tác chiến.

- Chi viện hỏa lực trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng. Chi viện hỏa lực cho các lực lượng đánh nhỏ lẻ, phân tán, rộng khắp trong địa bàn tác chiến.

- Kiểm chế, chế áp trận địa pháo binh, súng cối, tên lửa, sở chỉ huy của địch.

- Chế áp, phá hoại, khống chế các mục tiêu quan trọng sâu trong đội hình địch như sở chỉ huy (vị trí chỉ huy), trung tâm thông tin, sân bay, kho, bến cảng... và hậu phương của địch.

- Dùng hỏa lực pháo binh bắn tiêu diệt, gây tổn thất làm địch mất sức chiến đấu. Bắn phá các mục tiêu công sự, công trình phòng ngự của địch... gây mất tác dụng.

- Bắn chế áp gây tổn thất cho các mục tiêu của địch, tạm thời mất sức chiến đấu, cơ động hạn chế, chỉ huy rối loạn.

- Bắn kiểm chế gây tổn thất và tác động về tinh thần, tâm lý để hạn chế và ngăn chặn hoạt động của địch một cách tạm thời.

2. Binh chủng Hóa học (Ngày truyền thống 19/4/1958)

“Phòng chống tốt, chiến đấu giỏi”.

Binh chủng chuyên môn kỹ thuật của QĐND Việt Nam, có chức năng bảo đảm hóa học cho tác chiến, làm nòng cốt trong việc phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, nguy trang bảo vệ các mục tiêu quan trọng của Quân đội, nghi binh đánh lừa địch bằng màn khói. Bộ đội Hóa học còn có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí bộ binh và súng phun lửa và thực hiện các nhiệm vụ xác định đánh giá các khu vực bị nhiễm chất độc, tiến hành các biện pháp tiêu, tẩy độc, phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Binh chủng Công binh (25/3/1946)

“Mở đường thắng lợi”

Binh chủng chuyên môn kỹ thuật của Quân đội nhân dân Việt Nam, có chức năng bảo đảm các công trình trong tác chiến, xây dựng các công trình quốc phòng và đảm bảo cầu đường cho bộ đội vận động tác chiến.

4. Binh chủng Tăng - Thiết giáp (05/10/1959)

“Đã ra quân là đánh thắng”

Binh chủng trong tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam, chịu trách nhiệm tác chiến đột kích trên bộ và đồ bộ (hải quân), được trang bị các loại xe tăng, xe bọc thép, với hỏa lực mạnh, sức cơ động cao.

5. Binh chủng Thông tin liên lạc (09/9/1945)

“Kịp thời - Chính xác - Bí mật - An toàn”

Binh chủng chuyên môn của Quân đội nhân dân Việt Nam, có chức năng tham mưu, đề xuất với Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác thông tin quân sự, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quản lý Nhà nước đối với hệ thống thông tin quân sự; huấn luyện, đào tạo, xây dựng lực lượng, bảo đảm trang bị kỹ thuật nhằm bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong thể bố trí chiến lược, phòng thủ và tác chiến của quân đội.

6. Binh chủng Đặc công

Ngày truyền thống: 19/3/1948

Ngày thành lập: 19/3/1967

“Đặc biệt tinh nhuệ, anh dũng tuyệt vời, mưu trí táo bạo, đánh hiểm thắng lớn”

Binh chủng chiến đấu đặc biệt tinh nhuệ của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam trực tiếp quản lý và chỉ đạo. Binh chủng Đặc công có nhiệm vụ tập trung nghiên cứu, tham mưu cho Bộ Quốc phòng Việt Nam xây dựng và phát triển các lực lượng Đặc công theo hướng tinh - gọn - chất lượng cao. Đây là một lực lượng đặc biệt tinh nhuệ, quân nhân được tổ chức, trang bị và huấn luyện đặc biệt, có phương pháp tác chiến linh hoạt, táo bạo, bất ngờ, thường dùng để tập kích bất ngờ vào các mục tiêu hiểm yếu nằm sâu trong đội hình chiến đấu, bố trí chiến dịch và hậu phương của địch.

Đặc công bộ.

Trong Chiến tranh Đông Dương, từ sau cuộc tiến công lên Việt Bắc bị thất bại, Đế Tư Cộng hòa Pháp xây dựng hàng loạt đồn bót bao vây chiến khu. Trước tình hình mới, bộ đội Việt Nam không thể dừng lại ở những trận tập kích, phục kích tiêu hao, quấy rối, mà phải tiến lên tiêu diệt các cứ điểm nhỏ này. Nhưng để đánh được cứ điểm thì phải dùng cách đánh bất ngờ (kỳ tập). Nếu quân Pháp phòng thủ mạnh thì phải có pháo hạng nặng (cường tập), mà bộ đội thì pháo quá ít, đạn pháo khan hiếm. Cuối cùng một cách đánh mới được đề xuất: Bí mật đột nhập đánh bất ngờ, nếu bị lộ thì chuyển sang đánh bằng hỏa lực mạnh. Với cách đánh kỳ tập kết hợp với cường tập, từ thu - đông 1948 đến đầu 1950, trên chiến trường Bắc Bộ, quân Việt Nam đã tiêu diệt hàng loạt đồn bót, cứ điểm quân Pháp.

Ở chiến trường Nam Bộ, Pháp tăng quân, xây dựng hệ thống bót Delatour là sản phẩm của tướng Delatour Desmer, Tư lệnh Quân viễn chinh Pháp ở Nam Bộ. Hàng loạt đồn bót dựng lên xung quanh thị xã, thành phố và trên các đường giao thông quan trọng, nhằm bao vây, chia cắt, ngăn chặn lực lượng vũ trang Việt Minh.

Phong trào du kích phát triển khắp nông thôn, thành thị, nhưng Việt Minh gặp khó khăn do chưa có chiến thuật hữu hiệu và loại vũ khí có đủ sức công phá tường dày của tháp canh. Qua nhiều lần thử nghiệm thắng lợi, đặc biệt là trận đánh đêm 18 rạng 19/3/1948 tiêu diệt đồn cầu Bà Kiên, đã mở ra một khả năng mới

đánh địch trong vị trí cố thủ vững chắc. Từ thực tế đánh tháp canh, Việt Minh đúc kết được kinh nghiệm thực tiễn, làm tiền đề cho chiến thuật đặc công ra đời.

Đặc công nước

Là lực lượng đặc biệt tinh nhuệ, được huấn luyện để tiến công các mục tiêu thủy của đối phương: Bến cảng, tàu thủy,... và các mục tiêu chỉ có thể xâm nhập qua đường thủy: Căn cứ biệt lập, căn cứ thủy quân... Nếu đặc công bộ có lối đánh đặc biệt thì đặc công nước càng đặc biệt, vì đánh dưới nước khó khăn hơn nhiều so với trên bộ, trang bị vũ khí cũng khác biệt hơn. Đặc công nước (còn gọi là đặc công thủy) ra đời do yêu cầu đánh vào đối tượng hải quân của Pháp và những mục tiêu vùng sông nước, do đó xuất hiện gần như song song với đặc công bộ.

Trong cuộc Chiến tranh Đông Dương, các hoạt động trên sông nước của quân Pháp chiếm một phần quan trọng trên chiến trường. Lợi dụng lãnh thổ Việt Nam có bờ biển dài, nhiều sông ngòi, có vùng sông ngòi chằng chịt như miền Tây Nam Bộ, quân Pháp đã bố trí một lực lượng hải quân khá mạnh. Hải quân Pháp tập trung vào 3 hoạt động:

Dùng tàu thuyền chiến đấu hỗ trợ cho bộ binh đi càn quét.

Đánh phá căn cứ, ngăn chặn tiếp tế, vận chuyển của Việt Minh.

Dùng đường thủy để tiếp hậu cần cho quân Pháp trên đất liền.

Đặc công nước biệt động

Do tính chất của cuộc kháng chiến lâu dài và để phù hợp với phương châm, phương thức hoạt động tác chiến ở thành phố, bên cạnh các lực lượng vũ trang đô thị như Tự vệ thành, Thanh niên xung phong, Quốc gia tự vệ cuộc, Công đoàn xung phong... các tổ chức quân sự chuyên trách lần lượt ra đời. Lực lượng này hơi khác với đặc công bộ thông thường mặc dù trong tổ chức có rất nhiều điểm tương đồng. Biệt động hầu như chỉ hoạt động vào ban ngày và rút lui về đêm.

Đặc công biệt động trong các đô thị tại miền nam trước 1975 là lực lượng gần giống với "bộ đội địa phương" tại thành phố, nhưng có trình độ tác chiến đô thị tốt hơn. Họ phải tác chiến độc lập vì thiếu phối hợp từ các đơn vị bạn, đồng thời phải luôn nương nhờ vào sự hỗ trợ của người dân trong thành phố, nếu không có người dân hỗ trợ thì mạng lưới sẽ bị phá.

Chiến công nổi bật của đặc công biệt động là việc đánh chìm tàu USNS Card (vốn là tàu sân bay hộ tống giãn nước 15.000 tấn) ngày 2/5/1964. Chiến sĩ đặc công Lâm Sơn Náo thuộc lực lượng đặc công Sài Gòn - Gia Định đã bí mật lặn tới tàu, đặt 2 khối chất nổ, mỗi khối gồm 40 kg TNT và 2 kg C4. Hai khối thuốc nổ được đặt cách nhau 10m, áp chặt lườn tàu làm nổ tung hông tàu. USS Card bị đắm ở độ sâu 15 m nước (độ sâu sông Sài Gòn tại cầu cảng).

MỞ ĐẦU

Súng tiểu liên AK cỡ 7,62mm do kỹ sư người Nga Ka-lát-nhi-cốp (Kalashnikov) chế tạo vào năm 1947. Với tính năng ưu việt, khả năng hoạt động bền bỉ ít hỏng hóc trong mọi điều kiện, súng tiểu liên AK đang được trang bị phổ biến trong lực lượng vũ trang của ta hiện nay. Để phát huy cao nhất hiệu suất chiến đấu của súng, người sử dụng không những cần nắm chắc tác dụng, tính năng kỹ chiến thuật mà còn phải thành thạo kỹ thuật bắn của súng tiểu liên AK.

1. BINH KHÍ SÚNG TIỂU LIÊN AK

1.1. TÁC DỤNG, TÍNH NĂNG

1.1.1 Tác dụng

Súng tiểu liên AK, AKM và AKMS là loại vũ khí tự động, trang bị cho từng người dùng để tiêu diệt sinh lực địch bằng uy lực của đạn, báng súng và lưỡi lê khi đánh giáp lá cà.

1.1.2. Tính năng

- Súng tiểu liên AK, AKM và AKMS là súng có cấu tạo gọn nhẹ, tiện sử dụng, bắn được liên thanh và phát một. Bắn liên thanh là hình thức bắn chủ yếu của súng.

- Súng dùng đạn cỡ 7,62mm, kiểu 1943 của LX cũ và 1956 của TQ, dùng chung với súng trường SKS, K63, trung liên RPK, RPD với các loại đầu đạn khác nhau, đầu đạn thường có lõi thép, vạch đường, xuyên cháy và đầu đạn cháy. Hộp tiếp đạn chứa 30 viên. Ngoài ra súng còn sử dụng báng súng và lưỡi lê để đánh gần;

- Tầm bắn ghi trên thước ngắm

AK, AKMS: từ 1-8 ứng với thực tế từ: 100-800m;

AKM: từ 1-10 ứng với thực tế từ: 100-1000m.

- Tầm bắn thẳng: Là tầm bắn trong cự ly bắn nhất định, với góc bắn tương ứng, khi bắn đỉnh cao nhất của đường đạn không cao vượt quá chiều cao của mục tiêu

Với mục tiêu người nằm cao 0,4m là: 350m;

Với mục tiêu người chạy cao 1,5m là: 525m.

- Tầm bắn hiệu quả

Khi bắn phát một là: 400m;

Bắn liên thanh: 300m;

Đối với người bắn giỏi: 600m;

Hoả lực tập trung mặt đất, mặt nước: 800m;

Bắn máy bay quân dù: 500m;

Đầu đạn có sức sát thương ở cự ly: 1500m.

- Tốc độ bắn

Tốc độ bắn lý thuyết: 600 phát/ phút;

Tốc độ bắn chiến đấu khi bắn phát một: 40 phát/ phút, khi bắn liên thanh: 90-100 phát/ phút;

Bắn liên thanh có loạt ngắn và loạt dài. Loạt ngắn: 2-5 viên, loạt dài: 6-10 viên.

- Tốc độ của đầu đạn

AK thường: 710m/s;

AK cải tiến: 715m/s.

- Trọng lượng toàn bộ của súng

AK thường chưa lắp đạn: 3,8 kg, lắp đủ đạn: 4,3 kg;

AKM: 3,1 kg - 3,6kg;

AKMS: 3,3 - 3,8 kg.

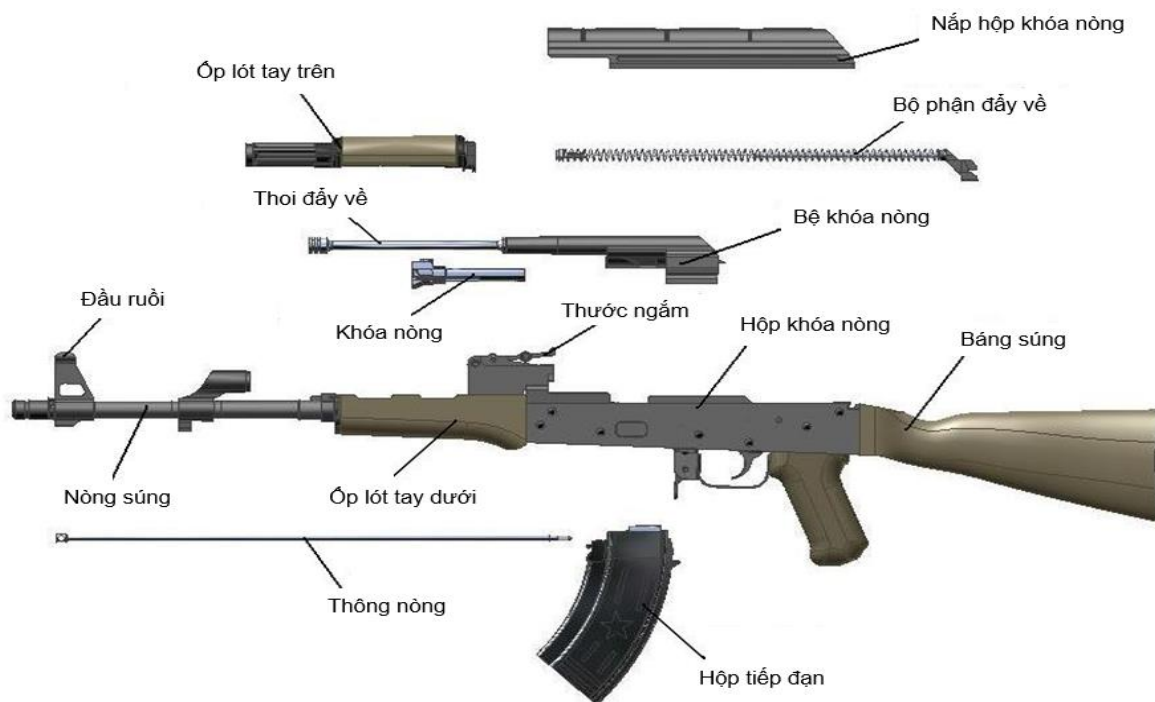
1.2. CẤU TẠO, NGUYÊN LÝ CHUYỂN ĐỘNG

1.2.1. Cấu tạo

Súng tiểu liên AK được cấu tạo làm 11 bộ phận chính:

1. Nòng súng
2. Hộp khóa nòng và nắp hộp khóa nòng
3. Bộ khóa nòng và thoi đẩy
4. Khóa nòng
5. Bộ phận ngắm
6. Bộ phận đẩy về
7. Bộ phận cò
8. Ống dẫn thoi và ốp lót tay
9. Báng súng và tay cầm
10. Hộp tiếp đạn
11. Lê, phụ tùng

+ Đồng bộ và phụ tùng: Hộp tiếp đạn, Dây súng, Túi đựng hộp tiếp đạn, Khâu để bắn đạn hơi, Phụ tùng, Thông nòng.



Cấu tạo súng tiểu liên AK cỡ 7,62mm

1.2.2. Nguyên lý chuyển động

1.2.2.1. Vị trí các bộ phận trước khi lên đạn

Đầu thoi đẩy nằm trong khâu truyền khí thuốc, cần định cách bắn và khoá an toàn ở vị trí trên cùng mẫu đề tỳ lên cò không chuyển động được

Lò xo HTĐ đẩy bàn nâng đạn lên sát gờ giữ đạn (nếu có đạn thì viên đạn nằm sát dưới khoá nòng)

Khoá nòng nằm sát mặt cắt phía sau nòng, hai tai khoá nằm trong ổ chứa tai khoá thành thể đóng khoá, mẫu gạt cần lấy bảo hiểm ở BKN đè đuôi lấy bảo hiểm xuống đầu lấy bảo hiểm rời khỏi khắc đuôi búa, mặt búa tỳ sát vào mặt sau khoá nòng

1.2.2.2. Chuyển động các bộ phận khi lên đạn

Đặt cần định cách bắn và KAT ở vị trí bắn liên thanh (nấc giữa), mẫu đề cần an toàn nằm trên khuyết lấy phát một, giữ cho lấy phát một không quay cùng với cò

Kéo BKN về sau một đoạn ngắn, KN lúc này chưa lùi theo nhưng cạnh vát của tai khoá trái miết vào cạnh vát của ổ chứa tai khoá làm khoá nòng bắt đầu xoay sang trái

Tiếp tục kéo khoá nòng về sau mẫu đóng mở trượt trong rãnh lượn của BKN làm cho KN tiếp tục xoay sang trái, hai tai KN rời khỏi hai ổ cửa tai khoá hoàn thành thể mở khoá

BKN tiếp tục lùi, kéo KN cùng lùi, mấu gạt đuôi lấy bảo hiểm làm đuôi lấy nhô lên, mấu gương búa làm búa ngả về sau, bàn nâng đạn đẩy viên đạn thứ nhất nằm trước đường tiến của mấu đẩy đạn, lò xo đẩy về bị ép lại

Khi thả BKN ra lò xo đẩy về bị bung ra đẩy BKN về trước, mấu đẩy đạn đẩy viên đạn thứ nhất vào buồng đạn

KN nằm sát mặt cắt phía sau nòng rồi dừng lại, cạnh vát tai khoá trái miết vào mặt vát trái ở thành trái HKN làm KN tiếp tục xoay sang phải

BKN tiếp tục tiến mấu đóng mở của KN chuyển động trong rãnh lượn của BKN làm KN tiếp tục chuyển động sang phải, hai tai khoá lọt vào ổ chứa tai khoá, hoàn thành thể đóng khoá, ngòam móc đạn móc vào gờ dít đạn, kim hoả tụt về sau cùng lúc ấy mấu gạt đuôi lấy bảo hiểm gạt đuôi lấy về trước và xuống dưới làm cho đầu lấy bảo hiểm rời khỏi khác đuôi búa, búa được nâng lên, nhưng lại bị ngòam giữ búa mắc vào tai búa, giữ búa thành thể gương

1.2.2.3. Chuyển động các bộ phận khi bắn

- Khi bắn liên thanh

Đặt cần định cách bắn và KAT về vị trí bắn liên thanh, mấu đề lên lấy phát một giữ lấy phát một không quay cùng với cò

Bóp cò, ngòam giữ búa rời khỏi tai búa, nhờ tác dụng của lò xo búa, búa đập vào kim hoả, kim hoả đập vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc phóng, thuốc phóng cháy tạo áp suất lớn đẩy đầu đạn đi

Khi đầu đạn vừa qua lỗ trích khí thuốc một phần khí thuốc phụt qua lỗ truyền khí thuốc đập vào mặt thoi đẩy, đẩy BKN lùi

Hoạt động các bộ phận từ lúc BKN lùi cho đến khi viên đạn tiếp tục được nạp vào buồng đạn và khoá nòng đóng khoá như chuyển động các bộ phận khi lên đạn chỉ khác, KN lùi kéo theo vỏ đạn gập mấu hất vỏ đạn bị hất ra ngoài

Tay vẫn bóp cò, ngòam giữ búa ở phía trước nên búa không bị giữ lại, khi đầu lấy bảo hiểm rời khỏi khác búa thì búa đập vào kim hoả làm đạn nổ

Nếu vẫn bóp cò mọi chuyển động của súng lặp lại như trên cho đến khi hết đạn

Súng AK cải tiến có lẫy giảm tốc nên khi đầu lấy bảo hiểm rời khỏi khác búa thì búa trượt qua mấu hãm của giảm tốc rồi mới đập vào đuôi kim hoả làm đạn nổ vì vậy tốc độ của búa chậm lại

Ngừng bóp cò (thả tay cò ra) ngòam giữ búa mắc vào tai búa giữ búa ở thể gương trong buồng đạn đã có đạn, súng ở tư thế sẵn sàng bắn.

Khi hết đạn KN nằm sát mặt cắt phía sau nòng, búa nằm sát đuôi khoá nòng

- Khi bắn phát một

Đặt cần định cách bắn và KAT về vị trí bắn phát một, mấu đề không đề lấy phát một làm cho lấy phát một có thể xoay cùng với cò

Bóp cò các hoạt động như khi bắn liên thanh chỉ khác: Khi búa ngả về sau do vẫn bóp cò nên khác mắc lấy phát một của búa mắc vào khác đầu lấy phát một của búa, búa đập lên nhưng nửa chừng dừng lại mắc vào ngoàm giữ búa ở thế giương.

2. LÝ THUYẾT BẮN SÚNG TIÊU LIÊN AK

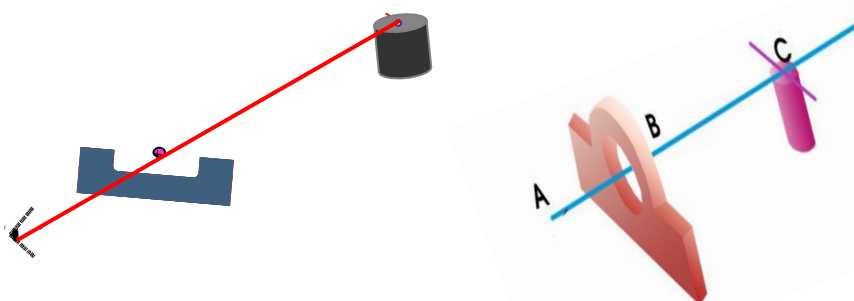
2.1. NGẮM BẮN

2.1.1. Định nghĩa các yếu tố về ngắm

2.1.1.1 Đường ngắm cơ bản

- Đối với bộ phận ngắm cơ khí:

Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt người ngắm qua điểm chính giữa mép trên khe ngắm (hoặc tâm lỗ ngắm) đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm.



- Đối với kính ngắm quang học:

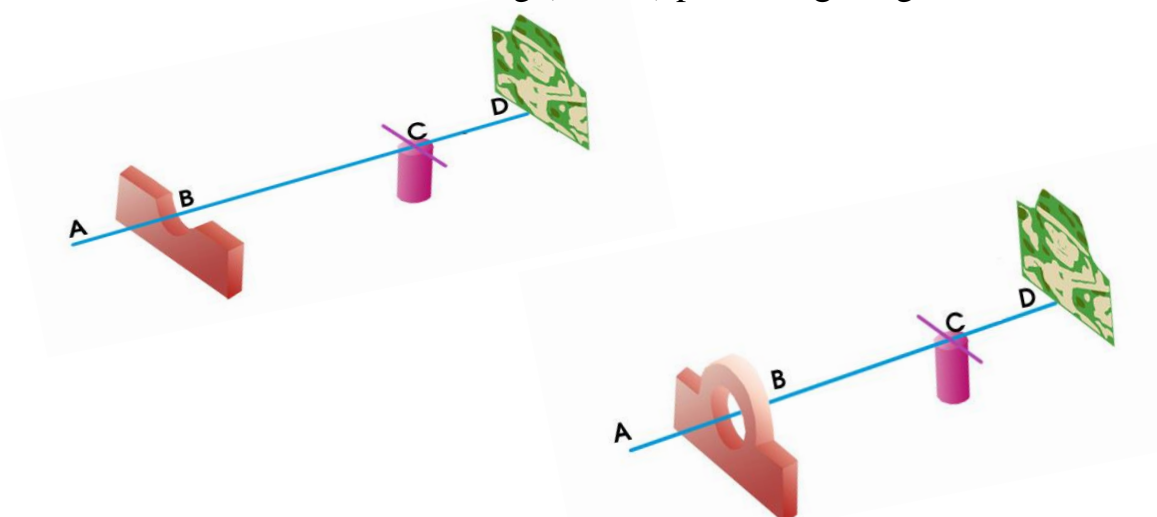
Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt người ngắm qua tâm kính nhìn đến điểm giao nhau của vạch khắc tâm và vạch khắc hướng đã xác định với điều kiện kính phải sáng rõ, tròn đều.

2.1.1.2. Điểm ngắm đúng

Là điểm được xác định sao cho khi ngắm vào đó để bắn thì quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu.

2.1.1.3. Đường ngắm đúng

Đường ngắm đúng là đường ngắm cơ bản được dóng vào điểm ngắm đúng đã xác định với điều kiện mặt súng (mặt xe) phải thẳng bằng.



2.2. ẢNH HƯỞNG CỦA NGẮM SAI VÀ GIÓ TỐI KẾT QUẢ BẮN

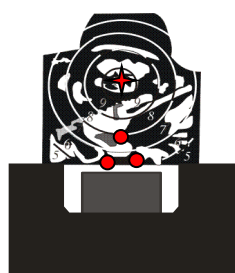
2.2.1. Ảnh hưởng của ngắm sai tới kết quả bắn

Muốn bắn trúng mục tiêu phải thực hiện tốt ba yếu tố sau: Có thước ngắm đúng, có điểm ngắm đúng, có đường ngắm đúng. Nếu thiếu một trong ba yếu tố trên thì khả năng bắn trúng mục tiêu sẽ thấp, thậm chí không trúng mục tiêu.

2.2.1.1 Ngắm sai đường ngắm cơ bản

Đường ngắm cơ bản sai thực chất là sai lệch về góc bắn, sự sai lệch này ảnh hưởng rất lớn đến trúng đích của phát bắn, cụ thể như sau:

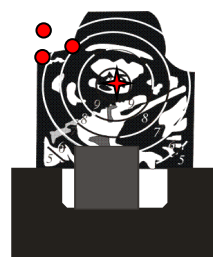
- Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm thấp (hoặc cao) hơn điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ thấp (hoặc cao) hơn điểm định bắn trúng.



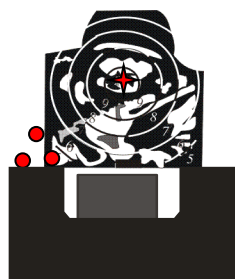
- Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm lệch trái (hoặc phải) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ lệch trái (hoặc phải) điểm định bắn trúng.



- Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm vừa cao vừa lệch phải (hoặc trái) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ vừa cao vừa lệch phải (hoặc trái) điểm định bắn trúng.



- Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm vừa thấp vừa lệch trái (hoặc phải) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ vừa thấp vừa lệch trái (hoặc phải) điểm định bắn trúng.



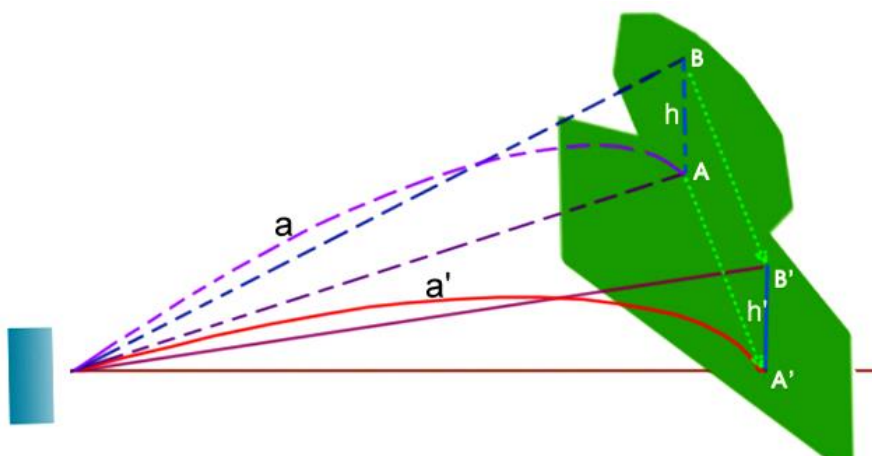
2.2.1.2. Ngắm sai điểm ngắm.

Khi đường ngắm cơ bản đã chính xác, mặt súng thẳng bằng, nếu điểm ngắm sai lệch so với điểm ngắm đúng bao nhiêu, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ sai lệch so với điểm định bắn trúng bấy nhiêu.



2.2.1.3. Mặt súng không thẳng bằng.

Nếu có đường ngắm cơ bản đúng, có điểm ngắm đúng nhưng mặt súng nghiêng làm cho trục nòng súng lệch khỏi mặt phẳng bắn và làm cho góc bắn nhỏ lại, dẫn tới tầm bắn giảm. Như vậy mặt súng nghiêng về bên nào thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ lệch và thấp về bên ấy.



a: đường đạn khi mặt súng thẳng bằng

a': đường đạn khi mặt súng nghiêng 90°

2.2.2. Ảnh hưởng gió tới kết quả bắn

- Trường hợp gió xuôi theo hướng bắn sẽ làm cho đường đạn cao và xa hơn và ngược lại, khi gió ngược sẽ làm cho đường đạn đi thấp và gần hơn so với điểm định bắn trúng.

- Trường hợp gió thổi ngang sẽ làm cho đường đạn dịch ngang: nếu gió thổi từ phải sang trái sẽ làm đầu đạn dịch sang trái và ngược lại.

Nếu bắn mục tiêu trong trường hợp gió thổi ngang có tốc độ 4 m/s (với hướng $70^0 - 90^0$) thì lượng sửa sai lệch tương ứng như bảng.

Bảng: Lượng sửa sai lệch khi bắn có gió thổi ngang tốc độ 4 m/s

<i>Cự li bắn (m)</i>	<i>Lượng sửa (tính tròn số)</i>	
	<i>Tính bằng thân người</i>	<i>Tính bằng mét</i>
100		
200	0,5	0,2
300	1	0,4
400	1,5	0,8
500	3	1,4

Chú ý: Nếu gió nhẹ hoặc lớn hơn thì lượng sửa giảm (tăng tương ứng). Khi gió thổi chéo thì lượng sửa bằng $\frac{1}{2}$ gió thổi ngang.

3. THỰC HÀNH BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK

3.1. ĐỘNG TÁC BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK

3.1.1. Động tác nằm bắn

3.1.1.1. Trường hợp vận dụng

- Vận dụng trong chiến đấu trong điều kiện địa hình không cho phép ở tư thế đứng bắn, quỳ bắn, người bắn phải thực hiện động tác nằm bắn để tiêu diệt mục tiêu.



Nằm chuẩn bị bắn

3.1.1.2. Khẩu lệnh

“Mục tiêu....nằm chuẩn bị bắn!”.

3.1.1.3. Động tác

Khi nghe khẩu lệnh “mục tiêu....nằm chuẩn bị bắn!”. Người bắn làm động tác: Tay phải xách súng lên ngang thắt lưng (nòng súng chếch lên về phía trước hợp với thân người một góc 45^0), thực hiện ba cử động sau:

+ Cử động 1: Chân phải bước lên một bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo bàn chân phải;

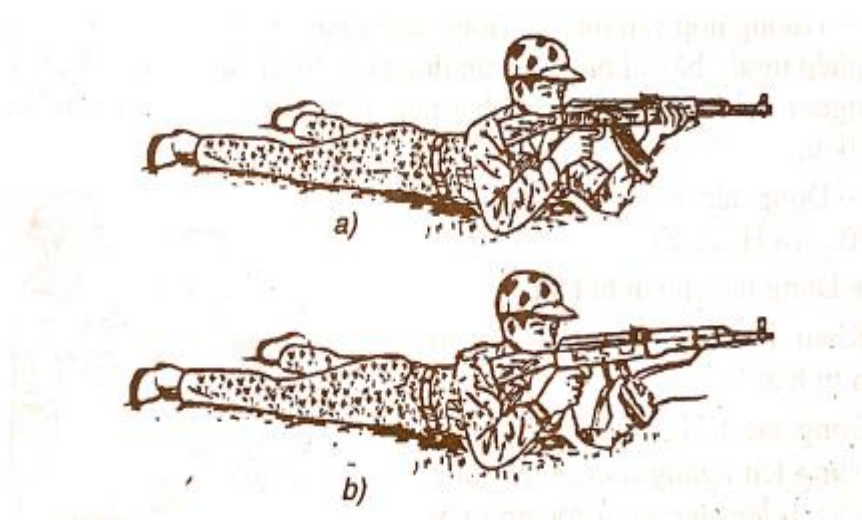
+ Cử động 2: Chống bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20cm, mũi bàn tay hướng chếch về bên phải phía sau, thứ tự đặt cánh tay, khuỷu tay, đùi trái xuống đất;

+ Cử động 3: Tay phải lao súng về phía trước, đồng thời bàn tay trái ngửa đỡ thân súng khoảng dưới thước ngắm duỗi chân phải về sau, người nằm úp xuống đất hai bàn chân mở rộng bằng vai, hai mũi bàn chân hướng sang hai bên, người nằm chếch một góc so với hướng bắn một góc 30 độ.

+ Động tác lắp đạn: Tay phải rời ốp lót tay, tháo hộp tiếp đạn không có đạn ở súng trao sang tay trái, ngón giữa và ngón đeo nhẫn giữ hộp tiếp đạn vào mép phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người. Tay phải lấy hộp tiếp đạn có đạn trong túi lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn không có đạn vào túi đựng hộp tiếp đạn.

+ Động tác lên đạn: Dùng ngón cái tay phải gạt khóa an toàn vào vị trí bắn phát một hoặc liên thanh, sau đó làm động tác lên đạn. Lên đạn xong gạt cần khóa an toàn về vị trí an toàn. Tay phải nắm tay cầm của súng, ngón tay trở thẳng để trên vành cò, mặt súng hướng lên trên, mắt luôn theo dõi phía trước chờ lệnh.

3.1.2. Động tác bắn (Yếu lĩnh bắn)



Nằm bắn không tì

a) Tay trái nắm ốp lót tay

b) Tay trái nắm hộp tiếp đạn

- Yếu lĩnh 1: Giương súng

Trước khi giương súng phải lấy thước ngắm động tác như sau: tay trái nắm ốp tay dưới, giữ súng để mặt súng hướng lên trên. Tay phải dùng ngón tay cái và ngón trỏ bóp then hãm cữ thước ngắm xê dịch cho mép trước cữ thước ngắm khớp vào vạch cữ thước ngắm định lấy, sau đó tay phải gạt cần khóa an toàn về vị trí đã định.

Tay trái nắm ốp lót tay bụng súng nằm giữa lòng bàn tay, nắm súng cho chắc chắn, cánh tay cong tự nhiên, cánh tay hợp với mặt đất một góc $40^0 - 60^0$ tay phải mở khóa an toàn sau đó ngón trỏ đặt ngoài vòng cò, hộ khẩu tay nằm thẳng phía sau bên phải nắp hộp khóa nòng, hai khuỷu tay mở bằng vai kết hợp giữ súng cho chắc chắn. Phần trên của đế báng súng tỳ vào hõm vai, lực tỳ đều trên vai, tỳ chắc vào vai để tạo cho người và súng thành một khối vững chắc, áp má vào báng súng sao cho dễ ngắm nhất. Không gồng má, tỳ má lên báng súng làm cho mặt súng bị nghiêng không ổn định hướng bắn, không vươn cổ, rụt cổ làm cho các cơ thịt dễ mỗi mệt ảnh hưởng đến kết quả bắn. Khi bắn có bộ tỳ chú ý bộ tỳ nằm ở ốp lót tay dưới, tay phải kéo súng vào vai, tay trái kéo súng xuống bộ để tạo cho người và súng chắc chắn, trước khi bắn, người bắn phải sửa bộ tỳ sao cho phù hợp với mình.

Muốn bắn được trúng, chụm, trúng liên thanh, giương súng phải đạt được các yếu tố: bằng, chắc, đều, bền.

Bằng : Mặt súng phải thẳng bằng.

Chắc : Hai tay giữ súng chắc, tì chắc vào vai.

Đều : Lực nắm súng và ghì súng phải đều nhau.

Bền: Lực nắm và ghì súng phải bền trong suốt quá trình loạt bắn.

- Yếu lĩnh 2: Ngắm bắn

Ngắm là yếu lĩnh rất cơ bản trong quá trình thực hành bắn. Nheo một mắt sao cho ánh sáng tập trung nhất, lấy đường ngắm cơ bản chính xác, rồi lấy đường ngắm đúng. Khi thấy tư thế nằm không thoải mái thì di chuyển chỗ nằm, kết hợp hai khuỷu tay và hai mũi bàn chân di chuyển chỗ cho thoải mái.

- Yếu lĩnh 3: Bóp cò

Là yếu lĩnh quyết định đến kết quả một phát bắn. Khi đường ngắm đúng chính xác, kết hợp điều chỉnh hơi thở cho hợp lý (ngừng thở) để làm giảm bớt độ rung cho súng. Lợi dụng khoảng trống khi hít vào và thở ra để bóp cò.

Chú ý: Thở tự nhiên, không nín thở lâu, không thở mạnh.

Để đảm bảo một phát bắn có kết quả cao phải kết hợp tốt các yếu lĩnh trong đó bóp cò rất quan trọng. Khi đường ngắm đúng ổn định kết hợp ngừng thở và căng tay cò cho đạn nổ (dùng đốt thứ nhất của ngón trỏ tay phải để bóp cò).

Chú ý: Căng tay cò thẳng hướng với trục nòng súng không bóp cò bằng lực của cả bàn tay, không bóp đột ngột, giật cục.

3.1.3. Động tác thôi bắn

3.1.3.1. Thôi bắn tạm thời

- Khi trong quá trình bắn có dấu hiệu mất an toàn

- Khẩu lệnh: “Ngừng bắn”

- Động tác: Hạ súng xuống, ngón trỏ tay phải thả tay cò ra, gạt cần định cách bắn về vị trí an toàn.

3.1.3.1. Thôi bắn hoàn toàn

- Khi người bắn đã bắn hết số đạn hay hết thời gian bắn

- Khẩu lệnh: “Thôi bắn, tháo đạn, khám súng, đứng dậy”

- Động tác:

Ngón trỏ tay phải thả cò súng ra, hai tay hạ súng xuống. Tay phải tháo hộp tiếp đạn ở súng ra, trao sang tay trái, ngón giữa và ngón đeo nhẫn của bàn tay trái kẹp hộp tiếp đạn bên phải ốp lót tay cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất. Tay trái vẫn giữ súng, tay phải kéo bệ khóa nòng từ từ về sau, ngón tay trỏ lướt trên cửa thoát vỏ đạn, các ngón tay khép lại chắn cửa nắp hộp khóa nòng để đỡ viên đạn từ trong buồng đạn văng ra. Lắp viên đạn vừa tháo ở súng ra vào hộp tiếp đạn, bóp chết cò, khóa an toàn, lấy hộp tiếp đạn không có

đạn trong túi đựng hộp tiếp đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn có đạn vào trong túi đựng hộp tiếp đạn.

Động tác đứng dậy: Thực hiện 3 cử động sau

+ Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay, nghiêng người sang trái, co chân trái lên, đầu gối ngang thắt lưng tay phải đưa súng lên đặt lên đùi trái hộp tiếp đạn quay sang phải, tay trái úp dưới đất trước ngực.

+ Cử động 2: Xoay mũi bàn tay trái về trước, phối hợp sức đẩy tay trái và 2 chân nâng người đứng dậy, chân phải bước lên một bước, đẩy người đứng dậy.

+ Cử động 3: Dùng gót chân phải làm trụ, xoay mũi bàn chân sang phải sao cho hợp với hướng bắn một góc $22,5^0$, chân trái kéo lên ngang bàn chân phải ở tư thế đứng nghiêm, làm động tác xách súng hoặc mang súng.

Động tác nằm bắn có vật tỳ.

Thứ tự khẩu lệnh, động tác cơ bản giống động tác nằm bắn không có vật tỳ chỉ khác:

Khi giương súng, đặt ốp lót tay dưới hoặc đoạn nòng từ dưới bệ đầu ngấm đến khâu giữ ốp lót tay dưới lên vật tỳ hoặc giá súng vào một bên thân cây, mô đất, thành cửa sổ,... để bắn, hoặc chống HTĐ hoặc tỳ cổ tay, mu bàn tay lên vật tỳ để bắn, miệng nòng súng phải cao hơn vật tỳ và nhô ra phía trước vật tỳ ít nhất 5cm.

3.2. TẬP NGẮM BIA CHỈ ĐỎ, NGẮM CHỤM, NGẮM TRÚNG CHỤM

3.2.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

3.2.1.1. Ý nghĩa

- Là bài tập đầu tiên trong hệ thống các bài tập bắn súng BB, nhằm giúp người bắn bước đầu làm quen với các thao tác ngắm bắn, biết vận dụng những kiến thức về lý thuyết ngắm bắn vào một bài tập cụ thể trong điều kiện mục tiêu nhỏ, cự ly gần.

- Giúp người học phân biệt được ngắm đúng, ngắm sai, từng bước nâng dần trình độ ngắm nhanh, ngắm chính xác làm cơ sở cho luyện tập các bài bắn đạt kết quả tốt.

3.2.1.2 Đặc điểm

- Mục tiêu bố trí cự ly gần (cách người tập 10m) nhưng tròn, nhỏ (đường kính 2,5cm) làm cho người tập khó xác định đường ngắm đúng, chính xác.

- Người tập lần đầu tiên làm quen với ngắm bắn nên không tránh khỏi những ngỡ ngàng, lúng túng.

- Người tập phải tập trung làm việc liên tục đòi hỏi phải chính xác, tỉ mỉ nên dễ căng thẳng mệt mỏi.

- Điều kiện bài tập đặt ra nếu người tập không thực hiện đúng các yếu lĩnh, động tác thì không thể hoàn thành nhiệm vụ tập.

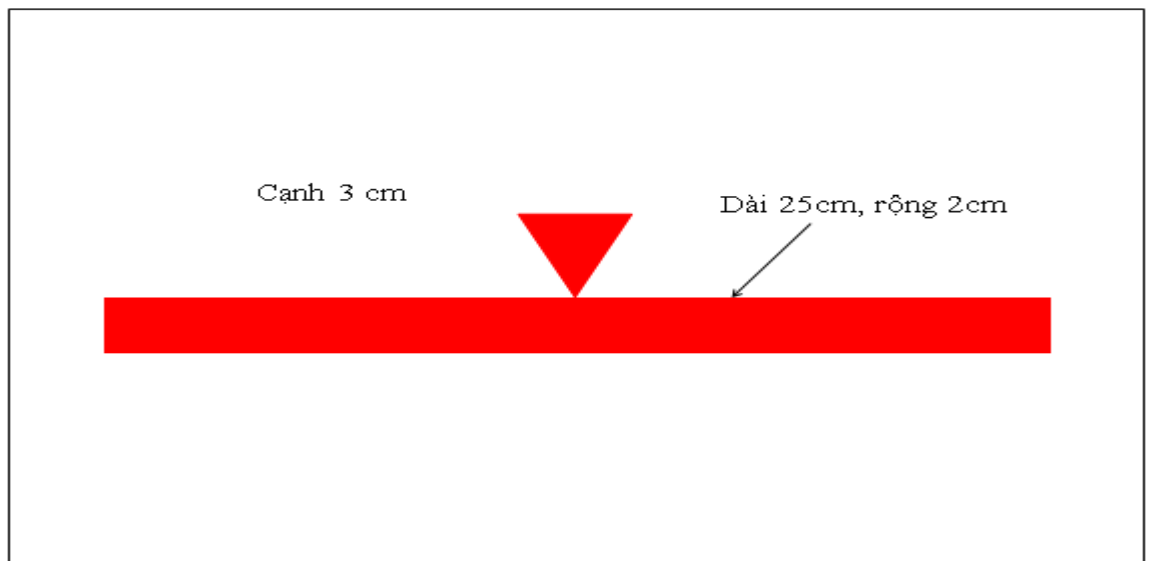
3.1.2.3 Yêu cầu

- Thực hiện các yếu lĩnh ngắm một cách chính xác.
- Các lần ngắm phải có tính thống nhất cao
- Thận trọng, tỉ mỉ, nhẹ nhàng, khéo léo, phần đầu đạt khá, giỏi.

3.2.2. Tập ngắm bia chỉ đỏ

3.2.2.1. Công tác chuẩn bị

- Bảng ngắm chum: kích thước 20 x 30cm (dài 30cm, rộng 20cm).
- Bia chỉ đỏ: Tam giác đều cạnh bằng 3cm, vết chỉ đỏ ngang kích thước 2cm x 25cm
- Bao cát, Súng AK, Bệ nằm bắn.



3.2.2.2. Động tác

- Người phục vụ

Bố trí bia chỉ đỏ cách bệ bắn 10m kẹp bia chỉ đỏ.

- Người tập

Lấy súng tháo HTĐ đặt chắc chắn lên bao cát sau đó nằm sau súng, có thể đặt mũ để tỳ lên hoặc dùng 2 tay chống cằm cho đầu ổn định. Lấy đường ngắm cơ bản cố định vào bia chỉ đỏ, khi lấy đường ngắm chính xác vào giữa đỉnh tam giác với đường ngắm của bia chỉ đỏ thì hô “Được” và dịch sang 1 bên hoặc đứng dậy. GV hoặc người bắn giỏi nằm xuống sau súng để kiểm tra.

- Người kiểm tra, kiểm tra đường ngắm của người tập. Xác định độ chính xác của đường ngắm bia chỉ đỏ.

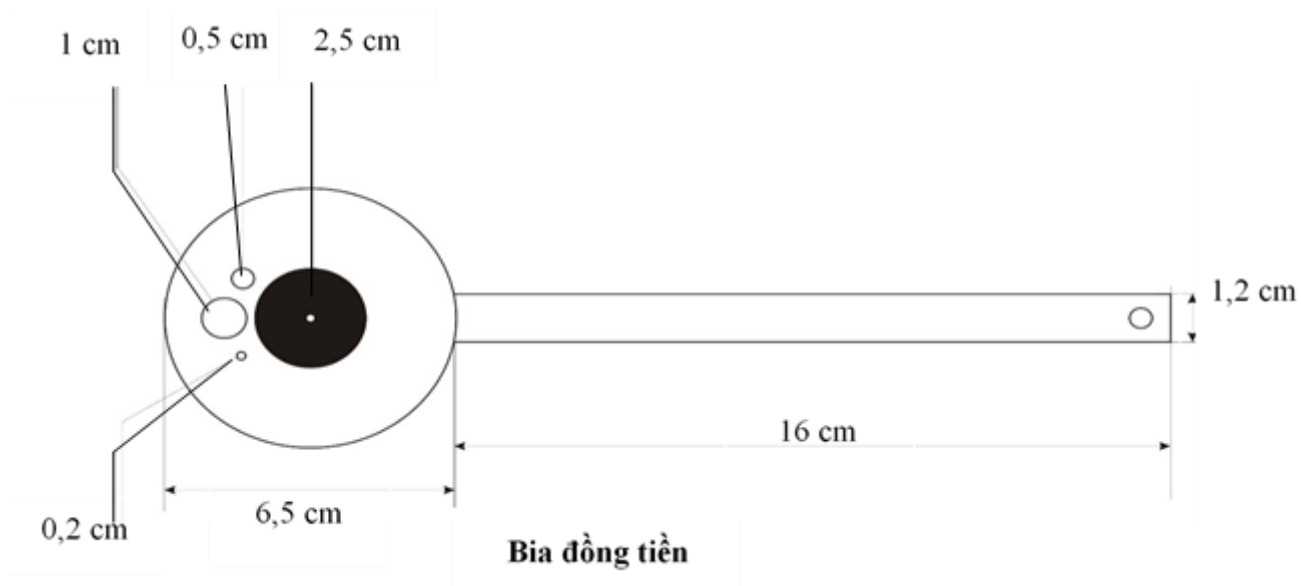
- Người tập lại nằm xuống sau súng ngắm lại 2 đến 3 lần. Mỗi lần tập như vậy người kiểm tra lại kiểm tra kết quả ngắm như lần 1.

3.2.3. Tập ngắm chum

3.2.3.1. Công tác chuẩn bị

- Bảng ngắm chum: mặt bảng kích thước 20cm x 30cm; cọc gỗ (cán bảng) 55cm x 3cm x 3cm.

- Bia đồng tiền di động, Bút chì đen, Thước mm, Giấy trắng (giấy A4), Kẹp, Súng AK, Bệ bắn + bao cát



3.2.3.2 Động tác

Căn cứ vào quân số tập, tổ chức luyện tập theo từng cặp (1 người tập, 1 người phục vụ tập). Động tác luyện tập cụ thể như sau:

- Người phục vụ

+ Cắm bảng ngắm chum (đã kẹp giấy trắng) cách bệ bắn 10m cao hơn mặt đất 30cm (được tính từ tâm bảng), sau đó ngồi bên trái (phải) bảng (theo hướng của người tập) mặt quay về hướng người tập. Tay phải cầm bút chì, tay trái cầm đồng tiền di động đặt cố định vào bảng (mặt có vòng tròn đen quay về phía người tập). Có thể dùng kẹp để kẹp cố định đồng tiền di động vào bảng để cho người tập lấy đường ngắm.

- Người tập

+ Tháo HTĐ của súng ra, đặt súng lên bao cát, sau đó chuyển về nằm phía sau súng và thực hành lấy đường ngắm cơ bản vào chính giữa mép dưới vòng tròn đen của bia đồng tiền đã được cố định ở trên bảng.

+ Động tác cụ thể: Người tập có thể đặt mũi cứng đề tỳ cằm hoặc dùng tay chống cằm cho đầu ổn định để ngắm, vừa ngắm vừa điều chỉnh súng để có đường ngắm chính xác. Khi ngắm thấy được thì hô “Được” và giữ nguyên đường ngắm (không động vào súng).

- Người phục vụ thấy người tập hô “Được” thì dùng bút chì chấm điểm thứ nhất vào bảng ngắm chum qua lỗ ở tâm vòng tròn đen của đồng tiền di động. Sau đó chuyển đồng tiền di động sang vị trí khác có thể sang phải (trái), lên trên hoặc xuống dưới) cách chỗ cũ khoảng 2 ÷ 4cm, không nên đặt đồng tiền xa quá làm cho người tập mất nhiều thời gian điều chỉnh.

- Người tập ngắm lần tiếp theo không động vào súng, ngắm qua đường ngắm ban đầu và điều khiển người phục vụ di chuyển đồng tiền về vị trí đường ngắm đúng. Cách điều chỉnh có thể điều chỉnh bằng khẩu lệnh “Trái”, “Phải”, “Lên”, “Xuống” hoặc dùng tay để ra ký hiệu cho người phục vụ biết. Khi thấy đồng tiền di động đã về đúng vị trí ban đầu (đường ngắm đúng) thì hô “Được” hoặc ký hiệu cho người phục vụ dừng bia đồng tiền.

- Người phục vụ khi nghe người tập hô “Được” hoặc nhìn thấy ký hiệu tay của người tập thì dừng bia đồng tiền di động, chấm điểm thứ hai.

Cứ như vậy, người tập và người phục vụ tập luyện và chấm điểm thứ 3. Căn cứ vào kết quả của ba lần tập, người phục vụ đánh giá kết quả của người tập. Dừng 3 vòng tròn trên bia đồng tiền để đánh giá.

+ Giỏi: 3 điểm bút chì chấm nằm trong vòng tròn đường kính 2mm.

+ Khá: 3 điểm bút chì chấm nằm trong vòng tròn đường kính 5mm.

+ Đạt: 3 điểm bút chì chấm nằm trong vòng tròn đường kính 10mm.

- Xác định kết quả của người tập qua 3 lần tập

+ Giỏi: các lần tập đều đạt yêu cầu, có 50% số lần tập đạt giỏi;

+ Khá: các lần tập đều đạt yêu cầu, có 50% số lần tập đạt khá, giỏi;

+ Đạt: các lần tập đều đạt yêu cầu.

3.2.4. Tập ngắm trúng, chụm

3.2.4.1. Công tác chuẩn bị

- Bảng ngắm chụm: mặt bằng kích thước 20cm x 30cm; cọc gỗ (cán bằng) 55cm x 3cm x 3cm.

- Bia đồng tiền, Bút chì đen, Thước mm, Giấy trắng, Kẹp bướm, Sổ ghi, Súng AK, Bệ bắn, bao cát

3.2.4.2. Động tác

Sau khi người tập ngắm chụm đạt từ khá trở lên mới tổ chức tập ngắm trúng, chụm.

Trước khi tổ chức cho tập ngắm trúng, chụm; giáo viên hoặc người bắn giỏi lấy đường ngắm chuẩn vào bia đồng tiền di động. Người phục vụ chấm bút chì qua lỗ ở tâm vòng tròn đen của đồng tiền di động lấy điểm đó là điểm kiểm tra (điểm K).

Giữ nguyên đường ngắm (không động vào súng). Người tập phối hợp với người phục vụ tập ngắm đủ 3 lần (động tác như khi ngắm chụm). Căn cứ vào 3 điểm chấm trên bảng, người phục vụ đánh giá kết quả ngắm trúng, chụm của người tập; xác định độ chụm đạt yêu cầu trở lên mới xác định độ trúng.

- Xác định độ chụm (như khi ngắm chụm)

- Xác định độ trúng

+ Tìm điểm chấm trung bình (ĐCTB) của 3 điểm chấm: Nối 2 điểm chấm gần nhất. Từ chính giữa đoạn thẳng đã nối, kẻ 1 đường thẳng tới điểm chấm thứ ba. Chia đoạn thẳng vừa kẻ thành 3 phần bằng nhau, tại điểm 1/3 phía gần với đoạn thẳng nối 2 điểm chấm chính là ĐCTB của 3 điểm chấm.

+ Dùng thước mm đo khoảng cách từ ĐCTB tới điểm K để đánh giá độ trúng.

Giỏi: ĐCTB cách điểm K 5mm trở lại

Khá: ĐCTB cách điểm K 10mm trở lại

Đạt: ĐCTB cách điểm K 15mm trở lại

- Đánh giá kết quả trúng, chụm

Giỏi: Cả độ trúng và độ chụm đều giỏi

Khá: Cả độ trúng và độ chụm đều khá, giỏi

Đạt: Cả độ trúng và độ chụm đều đạt yêu cầu.

- Từng người tập xong, người phục vụ khoanh 3 điểm chấm lại và ghi tên người tập ở bên cạnh để có cơ sở nhận xét và theo dõi kết quả luyện tập của từng người.

3.3. TẬP BẢN MỤC TIÊU CỐ ĐỊNH BAN NGÀY

3.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

3.3.1.1. Ý nghĩa:

- Rèn luyện cho người bắn những yếu lĩnh động tác cơ bản.
- Rèn luyện cho người bắn tâm lí vững vàng, tính kiên trì, tỉ mỉ, chính xác.

3.3.1.2. Đặc điểm:

- Đặc điểm về súng: AK là loại súng có độ chính xác cao.
- Đặc điểm mục tiêu: Mục tiêu là hình phù hợp phản trên tên địch, tạo cho người bắn có ý thức địch tình trong chiến đấu. Mục tiêu cố định dễ quan sát, dễ ngắm bắn.
- Đặc điểm người bắn: Tư thế nằm bắn có tỉ nên giữ súng chắc chắn. Tuy nhiên là lần đầu bắn đạn thật nên có tâm lí lo lắng, hồi hộp..., ảnh hưởng đến động tác bắn.

3.3.1.3. Yêu cầu:

- Rèn luyện động tác thành thạo.
- Rèn luyện cho người bắn tâm lí vững vàng, tính kiên trì, tỉ mỉ, chính xác.
- Lấy thước ngắm, chọn điểm ngắm phù hợp, nhanh chóng thực hiện động tác ngắm bắn.

3.3.2. Phương án tập bắn

3.3.2.1. Điều kiện bài bắn:

- Bia số 4 rộng 0,42 m x 0,42 m (trong khung 0,75m x 0,75m).
- Số lượng đạn: 3 viên.
- Cự ly bắn 100 m.
- Tư thế bắn: nằm bắn có bệ tì.
- Phương pháp bắn: phát một.
- Thời gian bắn: 5 phút.

3.3.2.2. Thành tích

- Xuất sắc: Từ 29 đến 30 điểm
- Giỏi: Từ 25 đến 28 điểm.
- Khá: Từ 20 đến 24 điểm.
- Trung bình: Từ 15 đến 19 điểm.
- Yếu: Dưới 15 điểm.

3.3.3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm

3.3.3.1. Căn cứ

- Cự ly bắn
- Độ cao đường đạn so với điểm ngắm
- Tính chất mục tiêu
- Điểm định bắn trúng trên mục tiêu
- Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng, góc tà

3.3.3.2. Cách chọn

Chọn thước ngắm 1

Độ cao đường đạn ở cự ly 100m bằng 0, điểm ngắm là tâm vòng 10.

Chọn thước ngắm 2

Độ cao đường đạn ở cự ly 100m là 12cm (AK), 10cm (AKM).

- Bia số 4: Điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 12cm (AK), 10cm (AKM).
Cao hơn chính giữa mép dưới mục tiêu 9cm(AK), 11cm (AKM)

Chọn thước ngắm 3

Độ cao đường đạn ở cự ly 100m là 28cm (AK), 25cm (AKM)

- Bia số 4: Điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 28cm (AK), 25cm (AKM).
Thấp hơn chính giữa mép dưới mục tiêu 7cm(AK), 4cm (AKM)

3.3.4. Thực hành tập bắn

- Tại vị trí chờ đợi, người tập nghe thấy chỉ huy gọi tên mình thì hô “CÓ”. Khi có lệnh vào tuyến bắn thì hô “RỒ” sau đó đi đều vào vị trí bắn, cách bệ từ khoảng 1,5m.

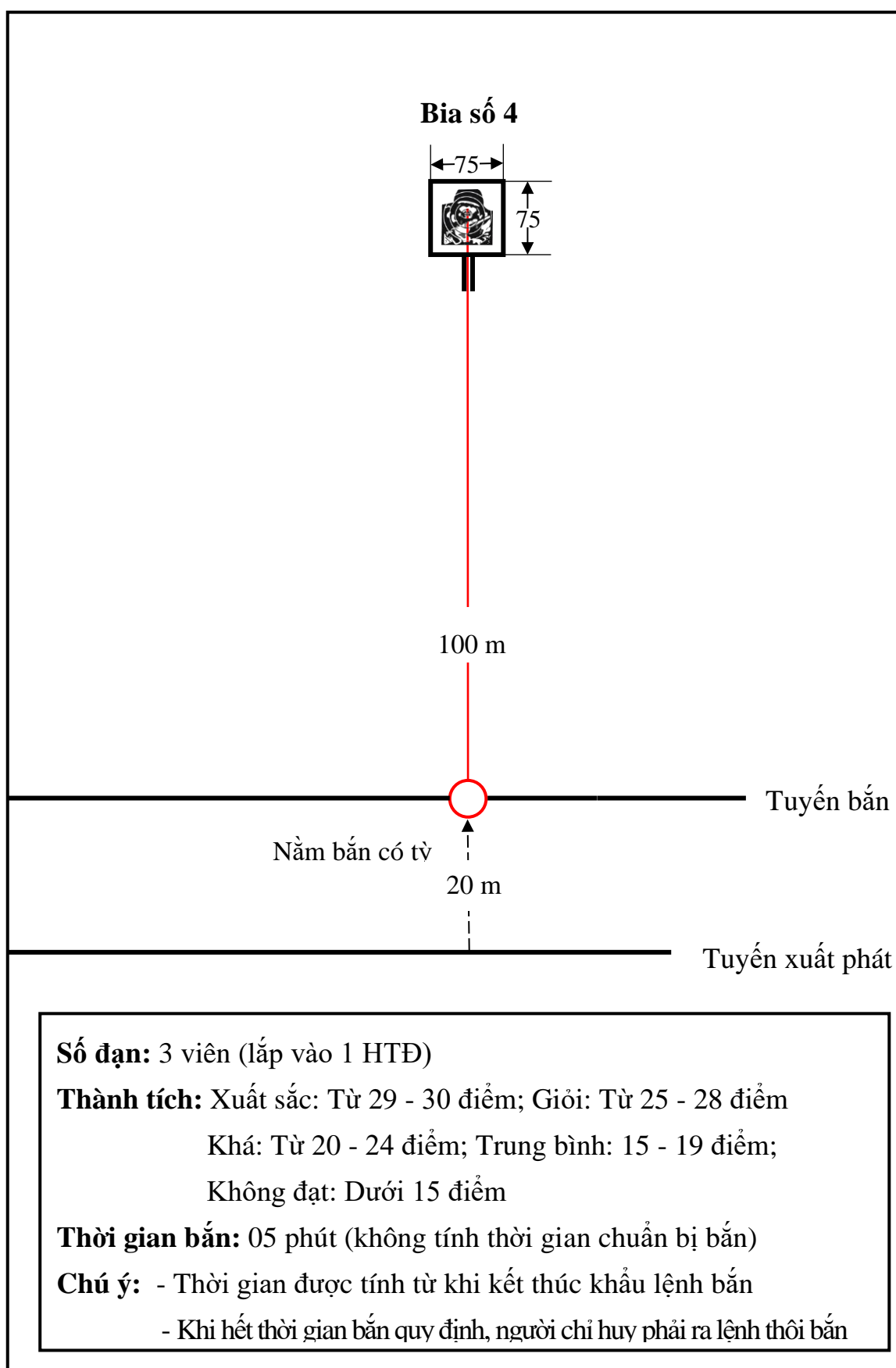
- Nghe lệnh “**Nằm chuẩn bị bắn**”, người tập làm động tác nằm chuẩn bị bắn: chọn thước ngắm 3, lên đạn, khóa an toàn.

- Khi có lệnh “**Bắn**”, thực hành tập ngắm bắn vào mục tiêu.

- Nghe lệnh “**Thôi bắn, tháo đạn, khám súng ..., đứng dậy**”, người tập làm động tác tháo đạn, khám súng, đứng dậy.

- Nghe lệnh “**Về vị trí**”, người tập làm động tác quay đằng sau, đi đều về vị trí qui định.

ĐIỀU KIỆN BẮN



MỞ ĐẦU

Lựu đạn là vũ khí đánh gần, trang bị cho từng người trong chiến đấu. Lựu đạn cấu tạo đơn giản, gọn nhẹ, sử dụng thuận tiện, có khả năng sát thương sinh lực và phá huỷ phương tiện chiến đấu của địch. Việc nắm vững tính năng, cấu tạo, kỹ chiến thuật và đặc biệt là việc sử dụng thành thạo lựu đạn trong quá trình huấn luyện và chiến đấu có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Phạm vi bài giảng tập trung giới thiệu làm rõ nội dung, phương pháp huấn luyện về binh khí lựu đạn LĐ-01, Φ1; động tác ném lựu đạn và tập ném lựu đạn bài 1.

Căn cứ biên soạn bài giảng:

- Sách dạy sử dụng lựu đạn, Cục Quân Huấn, BTTM, năm 2009;
- Giáo trình kiểm tra kỹ thuật chiến đấu bộ binh, Cục Quân Huấn, BTTM, năm 2014;
- Giáo án huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh - Tập 4, Cục Quân Huấn, BTTM, năm 2013.
- Tài liệu tập huấn “Tập huấn cán bộ quản lý, giảng viên giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh các trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh”, Vụ GD QP& AN, Bộ GD&ĐT, Tháng 10 năm 2020

1. TÍNH NĂNG, CẤU TẠO LỰU ĐẠN LĐ – 01

1.1. Tác dụng, tính năng, số liệu kỹ thuật

- Tác dụng: Dùng để sát thương sinh lực địch bằng uy lực của thuốc nổ kết hợp với các mảnh văng.

- Tính năng, số liệu kỹ thuật:

+ Trọng lượng toàn bộ: 365 - 400 gam

+ Chiều cao toàn bộ: 88mm

+ Đường kính thân lựu đạn: 57mm

+ Sử dụng ngòi: NLĐ - 01 VN

+ Trọng lượng thuốc nổ TT 40/60: 125 - 135 gam

+ Thời gian cháy chậm: 3,2 - 4,2 giây

+ Bán kính sát thương: 5 - 6m



1.2. Cấu tạo lựu đạn

- Thân lựu đạn

+ Tác dụng: Liên kết các bộ phận, khi nổ tạo thành mảnh văng sát thương sinh lực địch.

+ Cấu tạo: Vỏ bằng thép mỏng, gồm 2 nửa khối hình cầu ghép và hàn lại với nhau, mặt ngoài trơn nhẵn, sơn xanh ô lựu, mặt trong có khía để khi nổ tạo nhiều mảnh văng, bên trong rỗng để nhồi thuốc nổ. Đầu có ren để liên kết bộ phận gây nổ.



- Thuốc nhồi

+ Tác dụng: Khi nổ tạo thành sức ép khí thuốc phá vỡ vỏ lựu đạn thành những mảnh nhỏ, tiêu diệt phá huỷ mục tiêu

+ Cấu tạo: Là hỗn hợp thuốc nổ được đúc theo tỷ lệ 40% TNT và 60% glyxeryl.

- Bộ phận gây nổ

+ Tác dụng: Để giữ an toàn và gây nổ lựu đạn

+ Cấu tạo:

* Thân bộ phận gây nổ: Để chứa đầu cần bẫy, kim hoả, lò xo kim hoả, chốt an toàn, phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.



- * Cần bẫy
- * Kim hoả và lò xo kim hoả: Để đập vào hạt lửa phát lửa gây nổ kíp
- * Hạt lửa, liều giữ chậm và kíp
- * Chốt cài, chốt an toàn, vòng kéo chốt an toàn.

1.3. Chuyển động của lựu đạn

- Lúc bình thường kim hỏa nằm ngửa được mặt trên của cần mỏ vít ép chặt. Mỏ vít được giữ chặt với thân ngòi bằng chốt an toàn, chốt cài, vòng kéo để giữ an toàn trong quá trình bảo quản, vận chuyển.

- Khi rút chốt an toàn, cần bẫy bung ra, kim hỏa được giải phóng chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy liều giữ chậm, liều giữ chậm cháy từ 3,2 - 4,2 giây lửa phụt vào kíp, kíp nổ gây nổ lựu đạn.

2. TÍNH NĂNG, CẤU TẠO LỰU ĐẠN $\Phi 1$ VIỆT NAM

2.1. Tác dụng, tính năng, số liệu kỹ thuật

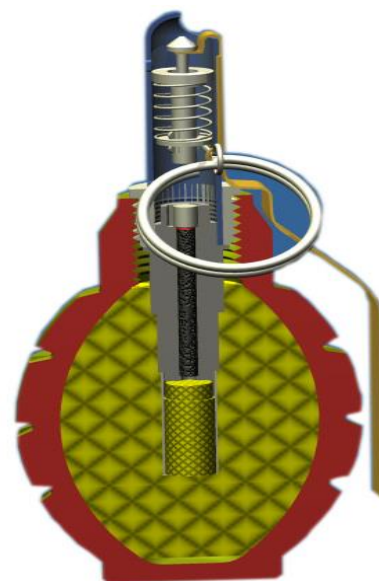
- Tác dụng: Lựu đạn $\Phi 1$ được trang bị cho từng người trong chiến đấu, dùng để sát thương sinh lực và phá huỷ các phương tiện chiến đấu của đối phương bằng các mảnh gang vụn và áp lực khí thuốc.

- Tính năng, số liệu kỹ thuật

- + Khối lượng toàn bộ: 600g
- + Khối lượng thuốc nổ: 60g
- + Chiều cao lựu đạn : 117mm
- + Đường kính thân lựu đạn: 55mm
- + Thời gian cháy chậm: 3 - 4 giây
- + Bán kính sát thương: 20m

2.2. Cấu tạo lựu đạn

- Thân lựu đạn
- + Tác dụng: Liên kết các bộ phận, tạo thành mảnh văng sát thương sinh lực địch.
- + Cấu tạo: Bằng gang có khía tạo thành múi, bên trong rỗng để nhồi thuốc nổ. Đầu có ren để liên kết bộ phận gây nổ.



- Thuốc nhồi
- + Tác dụng: Khi nổ tạo thành sức ép khí thuốc phá vỡ vỏ lựu đạn thành những mảnh nhỏ, tiêu diệt phá huỷ mục tiêu
- + Cấu tạo: Thuốc nhồi trong thân lựu đạn là thuốc nổ TNT

- Bộ phận gây nổ
- + Tác dụng: Để giữ an toàn và gây nổ lựu đạn

- + Cấu tạo:
 - * Thân bộ phận gây nổ: Để chứa đầu cần bẫy, kim hỏa, lò xo kim hỏa, chốt an toàn, phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.

- * Kim hỏa và lò xo kim hỏa: Để đập vào hạt lửa phát lửa gây nổ kíp

- * Kíp

- * Hạt lửa

- * Thuốc cháy chậm

- * Cần bẫy (mỏ vịt)

- * Chốt an toàn, vòng kéo chốt an toàn

2.3. Chuyển động của lựu đạn

- Lúc bình thường

Chốt an toàn giữ không cho cần bẫy bật lên, cần bẫy giữ đuôi kim hỏa cho kim hỏa không chọc vào hạt lửa.

- Khi ném lựu đạn

Rút chốt an toàn, đuôi cần bẫy bật lên đầu cần bẫy rời khỏi đuôi kim hỏa, lò xo kim hỏa bung ra đẩy kim hỏa chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy chậm cháy từ 3 - 4 giây phụt lửa vào gây nổ kíp.

3. NÉM LỰU ĐẠN BÀI 1

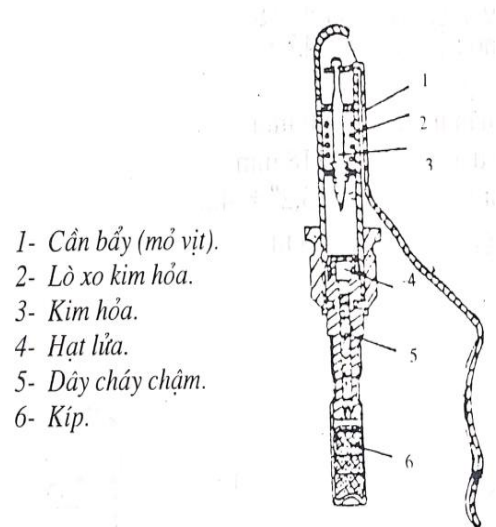
3.1. Giới thiệu điều kiện ném lựu đạn bài 1

3.1.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

- Ý nghĩa

- + Bài 1 tập ném lựu đạn xa trúng hướng là bài ném cơ bản rèn luyện cho người học thể lực và kỹ thuật ném lựu đạn bằng các tư thế khác nhau.

- + Luyện tập và ném tốt bài ném này là cơ sở rèn luyện kỹ năng, thể lực cũng như tâm lý nhằm vận dụng có hiệu quả vào luyện tập các bài ném sau khó hơn đồng thời phục vụ cho huấn luyện và chiến đấu sau này.



- 1- Cần bẫy (mỏ vịt).
- 2- Lò xo kim hỏa.
- 3- Kim hỏa.
- 4- Hạt lửa.
- 5- Dây cháy chậm.
- 6- Kíp.

Bộ phận gây nổ

- Đặc điểm
 - + Mục tiêu bố trí cố định trong điều kiện ban ngày thuận tiện cho người ném quan sát phát hiện.
 - + Khu vực mục tiêu có hạn chế về hướng vì vậy gây khó khăn cho người ném có thể đạt được kết quả cao.
 - + Người ném lần đầu tiếp xúc với lựu đạn thật nên không tránh khỏi tâm lý lo sợ tiếng nổ đồng thời yêu cầu phải có thể lực tốt để thực hành ném nên ảnh hưởng nhiều đến kết quả ném.
- Yêu cầu
 - + Nắm chắc điều kiện và cách thực hành ném.
 - + Rèn toàn diện cả về kỹ thuật, thể lực, tâm lý từng bước nâng cao kỹ năng thực hành ném. Tích cực, tự giác luyện tập, biết phối hợp nhuần nhuyễn 3 kết hợp.
 - + Bình tĩnh, tự tin khi kiểm tra. Phần đầu đạt kết quả cao và đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị.

3.1.2. Điều kiện ném

3.1.2.1. Khu vực kiểm tra:

Kẻ 3 vòng tròn đồng tâm; vòng 1 bán kính 2m, vòng 2 bán kính 3m, vòng 3 bán kính 4m. Từ tâm vòng tròn kẻ 1 đường trục hướng ném và vạch 3 đường ngang chia đường trục thành 3 khoảng 25m, 30m, 35m và cắm 1 bia số 10 ở tâm của 3 vòng tròn.

3.1.2.2. Cự ly:

- Tư thế nằm 25m
- Tư thế quỳ 30m
- Tư thế đứng 35m

3.1.2.3. Tư thế ném:

Đứng (quỳ, nằm) tại chỗ sau khối chắn, có súng

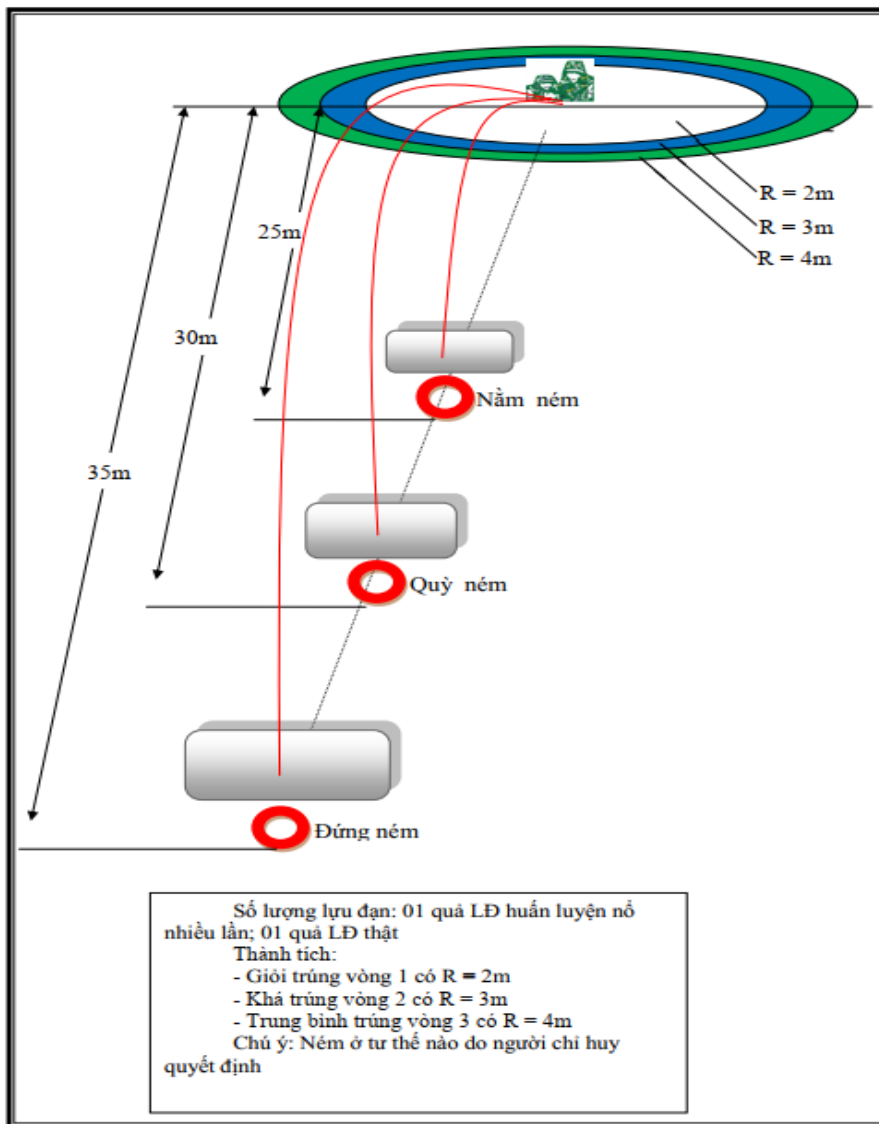
3.1.2.4. Số lượng lựu đạn:

- 01 quả lựu đạn huấn luyện (nổ nhiều lần)
- 01 quả lựu đạn thật

3.1.2.5. Đánh giá thành tích:

- Giỏi: Trúng vòng tròn 1 (bán kính 2m)
- Khá: Trúng vòng tròn 2 (bán kính 3m)
- Trung bình : Trúng vòng tròn 3 (bán kính 4m)
- Kém: Không trúng vòng nào

Chú ý: Ném ở tư thế nào do người chỉ huy quyết định



3.1.3. Cách thực hành ném

- Tại vị trí chờ đợi khi được gọi đến tên, người ném hô “Có”, có lệnh “Vào vị trí nhận lựu đạn thì đáp “Rõ” sau đó cơ động vào vị trí nhận 01 quả lựu đạn thật (màu xanh ôliu) và 01 quả lựu đạn huấn luyện (màu da cam), kiểm tra lại chất lượng, cất quả lựu đạn thật vào túi đựng bên phải, quả lựu đạn huấn luyện vào túi đựng bên trái. Khi có lệnh “Lên tuyến chuẩn bị” thì cơ động lên tuyến chuẩn bị.

- Tại tuyến chuẩn bị người ném kiểm tra lại mọi công tác chuẩn bị, khi có lệnh “Vào tuyến ném” thì cơ động vào tuyến ném.

- Tại tuyến ném người ném chấp hành mọi mệnh lệnh của người chỉ huy, thực hành ném tập lần thứ nhất bằng lựu đạn huấn luyện vào mục tiêu. Sau khi quả lựu đạn huấn luyện nổ người ném thực hành ném quả lựu đạn thật để tính thành tích. Khi lựu đạn nổ phải ẩn nấp đảm bảo an toàn. Khi có lệnh của chỉ huy ném, người ném cơ động lên nhặt lại quả lựu đạn huấn luyện.

- Khi có lệnh “Về bàn thư ký” người ném cơ động về bàn thư ký nghe công bố thành tích, ký xác nhận vào biên bản sau đó theo lệnh của thư ký thực hiện nhiệm vụ tiếp theo.

3.2. Động tác ném lựu đạn

3.2.1. Đứng ném lựu đạn

- Trường hợp

Đứng ném lựu đạn thường được dùng trong trường hợp địch ở xa, địa hình có vật che khuất, che đỡ cao, có thể đứng tại chỗ ném hoặc ném khi đang vận động.

- Động tác

Người ném đang vận động hoặc đứng tại chỗ xách súng (nếu mang súng phải chuyển về tư thế xách súng), khi nghe khẩu lệnh “ném”, đồng thời thực hiện 3 cử động như sau:

+ Cử động 1: Tay trái cầm súng (cầm khoảng dưới ốp che tay) xách súng lên ngang tầm thắt lưng, mũi súng chếch lên trên. Nếu có vật che khuất, che đỡ có thể dựa súng vào vật chắn bên trái phía trước, mặt súng quay sang phải. Tay phải lấy lựu đạn ra, bàn tay phải nắm lựu đạn (cần bẫy nằm trong lòng bàn tay) vòng giật chốt an toàn quay sang trái, tay trái tháo chốt cài, bẻ thẳng chốt an toàn, ngón trở móc vào vòng kéo, kết hợp lực giữ, kéo của hai tay rút chốt an toàn. Khi rút chốt an toàn phải rút thẳng theo hướng trục lỗ.

+ Cử động 2: Chân trái bước lên (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân trái thẳng trục hướng ném, lấy mũi bàn chân trái và gót bàn chân phải làm trụ xoay người sang phải (gót trái kiềng), người hơi cúi về phía trước gối trái khuỷu, chân phải thẳng.

+ Cử động 3: Tay phải đưa lựu đạn xuống dưới về sau để lấy đà, người ngả về sau, chân trái thẳng, gối phải hơi chùng. Dùng sức vút của cánh tay phải, kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải để ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vung lựu đạn về phía trước một góc khoảng 45° (hợp với mặt phẳng ngang), thì buồng lựu đạn ra đồng thời xoay người đối diện với mục tiêu, tay trái đưa súng về phía sau cho cân bằng. Chân phải theo đà bước lên một bước dài, tay phải cầm súng tiếp tục tiến, bắn hoặc ném quả khác.

- Chú ý:

+ Người ném thuận tay trái, dùng tay phải lấy lựu đạn ra, bàn tay trái nắm lựu đạn, mỏ vịt nằm trong hộ khẩu tay sao cho vòng giật quay sang phải, tay phải tháo chốt cài, bẻ chốt an toàn. Dùng ngón cái tay phải để rút chốt an toàn. Động tác ném như tay phải.

+ Muốn ném được xa phải biết phối hợp sức bật của chân, sức rướn của thân người, sức vút mạnh và đột nhiên của cánh tay.

+ Khi vung lựu đạn về phía trước, phải giữ cánh tay ở độ cong, độ chùng tự nhiên (không thẳng hẳn cũng không cong quá) mới có sức vút mạnh, buồng lựu đạn đi phải đúng thời cơ, đúng góc ném, đúng hướng.

3.2.2. Quỳ ném lựu đạn

- Trường hợp

Khi ở gần địch và địa hình hạn chế (chiều cao vật che đỡ từ 60 - 80cm) vận dụng tư thế quỳ ném lựu đạn.

- Động tác

Người ném đang vận động hoặc đứng tại chỗ xách súng (nếu mang súng phải

chuyển về tư thế xách súng), khi nghe khẩu lệnh “ném” đồng thời thực hiện 3 cử động như sau:

+ Cử động 1: Tay phải xách súng, chân trái bước chéo sang phải một bước (gót bàn chân trái cách mũi bàn chân phải khoảng 20 - 30cm), sao cho mép phải của bàn chân trái thẳng với mép trái của bàn chân phải.

+ Cử động 2: Chân phải dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót lên cho bàn chân hợp với hướng ném một góc khoảng 90° , quỳ gối phải xuống đất theo hướng bàn chân phải, mông bên phải ngồi lên gót bàn chân phải ống chân trái thẳng đứng, súng dựa vào cánh tay trái, mặt súng quay vào phía thân người (nếu có khối chắn thì dựa súng vào khối chắn, mặt súng quay sang phải). Tay phải lấy lựu đạn ra bàn tay phải cầm lựu đạn (như động tác đứng ném).

+ Cử động 3: Tay trái cầm súng, báng súng quay sang trái, nòng súng chéo lên trên sang phải, tay trái tháo chốt cài, rút chốt an toàn, dùng mũi bàn chân làm trụ xoay người về phía phải, hơi ngả về sau đồng thời gối phải theo đà xoay theo, mông hơi nhô lên. Tay phải đưa lựu đạn qua phải về phía sau để lấy đà, đồng thời dùng sức vút của cánh tay phải, sức rướn của thân người và sức bật của đùi phải ném lựu đạn vào mục tiêu.

3.2.3. Nằm ném lựu đạn

- Trường hợp

Khi gần địch và địa hình trống trải không có hoặc chiều cao vật che đỡ thấp (cao không quá 40cm), thì vận dụng tư thế nằm ném.

- Động tác

Người ném đang vận động hoặc đứng tại chỗ xách súng (nếu mang súng phải chuyển về tư thế xách súng), khi nghe khẩu lệnh “ném” đồng thời thực hiện 3 cử động như sau:

+ Cử động 1: Tay phải xách súng, chân phải bước lên một bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo hướng bàn chân phải, chống bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20cm, mũi bàn tay hướng chéo về bên phải phía sau, thứ tự đặt cánh tay trái, đùi trái xuống đất và nằm xuống.

+ Cử động 2: Tay phải đặt súng sang bên phải, hộp tiếp đạn quay sang trái đầu nòng súng hướng về phía mục tiêu, thân người hơi nghiêng sang trái, hai tay lấy lựu đạn ra, tay phải cầm lựu đạn, tay trái tháo chốt cài, rút chốt an toàn.

+ Cử động 3: Hai tay chống trước ngực, mũi bàn chân trái và đầu gối trái làm trụ vừa nâng vừa đẩy người là mặt đất về sau, căng chân trái để nguyên, chân phải duỗi thẳng tự nhiên và lùi về sau tới khi gối trái thành thế co ngang thắt lưng. Tay phải đưa lựu đạn sang phải về sau hết cỡ, tay trái đẩy nửa thân người phía trên xoay theo, chân phải theo đà xoay theo, thân người hơi cong về sau, đồng thời dùng sức vút của tay phải, sức bật của thân người và sức đẩy của chân trái ném lựu đạn vào mục tiêu và nằm xuống, ném tiếp quả khác hoặc lấy súng tiếp tục bắn hoặc tiến.

- *Chú ý:*

Khi ném phải kết hợp sức vút của tay và sức bật của người để ném lựu đạn đi được xa, đồng thời chân phải xoay theo trục hướng ném để vừa lấy đà vừa giữ cho lựu đạn đi đúng hướng. Không được quỳ gối lên rồi mới ném vì tư thế cao dễ bị lộ.

3.3. Xử trí một số tình huống

3.3.1. Lựu đạn rơi tại vị trí ném

Người chỉ huy nhanh chóng đá, vút quả lựu đạn xuống hố an toàn, kéo người ném xuống vị trí trú ẩn.

3.3.2. Lựu đạn đã ném đi nhưng không nổ

Người chỉ huy quan sát điểm nổ 3 phút, nếu lựu đạn không nổ, chỉ huy đơn vị dừng ném, đánh dấu lựu đạn không nổ, tiến hành kích nổ hoặc hủy lựu đạn theo kế hoạch.

3.3.3. Lựu đạn đã rút chốt an toàn nhưng có lệnh dừng ném hoặc gây chốt an toàn

Người ném sau khi nghe lệnh dừng ném, nhanh chóng quan sát mục tiêu sẵn sàng chờ lệnh. Nếu người chỉ huy không cho sử dụng lựu đạn thì người ném nhanh chóng lấy chốt an toàn, chốt cài, cài cần bẫy vào thân lựu đạn (lấy dây chun buộc) để ra ngoài đánh dấu vị trí để lựu đạn.

KẾT LUẬN

Nắm chắc về tính năng, cấu tạo lựu đạn thường dùng, cách sử dụng và tập ném tốt lựu đạn bài 1 là nội dung cơ bản, có vị trí vai trò quan trọng trong việc hình thành bước đầu kỹ năng sử dụng lựu đạn cho người học. Vì vậy nắm chắc nội dung, tổ chức, phương pháp huấn luyện là cơ sở để vận dụng linh hoạt vào huấn luyện phù hợp với đặc điểm đối tượng và đặc thù của từng đơn vị.

Yêu cầu người học tự luyện tập động tác ném lựu đạn tay không.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Trình bày tính năng, cấu tạo, chuyển động của lựu đạn LD – 01?
2. Trình bày tính năng, cấu tạo, chuyển động của lựu đạn Φ -1?
3. Trình bày trường hợp vận dụng và thực hiện 1 động tác ném lựu đạn?
4. Trình bày điều kiện ném lựu đạn bài 1?

MỞ ĐẦU

Vũ khí công nghệ cao là loại vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ thuật, chiến thuật. Vũ khí công nghệ cao được quân đội Mỹ sử dụng trong cuộc chiến tranh phá hoại chủ yếu bằng không quân và hải quân ở miền Bắc Việt Nam lần đầu tiên ngày 21 tháng 3 năm 1967, đó là bom điều khiển bằng tia laze, “cây nhiệt đới, bom từ trường” vũ khí công nghệ cao đang được các nước công nghiệp phát triển sử dụng phổ biến để tiến hành một loại hình chiến tranh hiện đại “chiến tranh công nghệ cao”.

Vũ khí công nghệ cao gồm các loại vũ khí huỷ diệt lớn (như hạt nhân, hoá học, sinh học) đặc biệt là vũ khí được chế tạo dựa trên những nguyên lý kỹ thuật mới (vũ khí năng lượng định hướng, vũ khí chùm tia hay vũ khí laze, vũ khí chùm hạt, pháo điện từ, vũ khí mềm... còn đang trong giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm, chưa đưa vào sử dụng rộng rãi); vũ khí được chế tạo dựa trên cơ sở vũ khí thông thường ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực tin học, công nghệ siêu dẫn, công nghệ vật liệu mới, công nghệ mô phỏng.

Vũ khí công nghệ cao có đặc tính: độ chính xác cao (nên đôi khi gọi là vũ khí chính xác cao), uy lực lớn, tầm hoạt động xa, có thể hoạt động trong những điều kiện bị gây nhiễu, thời tiết phức tạp, cả ngày lẫn đêm và đạt hiệu quả cao hơn từ hàng chục tới hàng trăm lần so với vũ khí thông thường. Một số loại vũ khí công nghệ cao được gọi là “thông minh” hay “tinh khôn” có khả năng nhận biết địa hình, nhớ được toạ độ và đặc điểm mục tiêu, tự động tìm, chọn và diệt mục tiêu, có khả năng thay đổi phương án đánh.

Tới thập kỷ 80, 90 của thế kỷ XX, vũ khí công nghệ cao mới phát triển mạnh mẽ với quy mô lớn và đạt kết quả cao, có ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật quân sự, tính chất của chiến tranh và nhiều lĩnh vực khác. Các chuyên gia quân sự phương Tây coi vũ khí công nghệ cao là loại vũ khí chủ yếu trong chiến tranh tương lai.

1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, THỦ ĐOẠN ĐÁNH PHÁ BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO CỦA ĐỊCH

1.1. Khái niệm

- Vũ khí công nghệ cao: Là vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ thuật, chiến thuật.

- Tiến công đường không chiến lược: Là tiến công đường không quy mô lớn, tập trung vào các mục tiêu có ý nghĩa chiến lược, gây thiệt hại nặng cho đối phương, nhằm làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi.

- Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao: Là biện pháp tác chiến chiến lược, phương thức tiến hành chiến tranh kiểu mới.

1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao

Vũ khí công nghệ cao có một số đặc điểm nổi bật đó là:

- Hiệu suất của vũ khí, phương tiện tăng gấp nhiều lần so với vũ khí, phương tiện thông thường; hàm lượng tri thức, kỹ năng tự động hoá cao; tính cạnh tranh cao, được nâng cấp liên tục.

- Vũ khí công nghệ cao hay còn gọi là vũ khí "thông minh", vũ khí "tinh khôn" bao gồm nhiều chủng loại khác nhau như: vũ khí huỷ diệt lớn (hạt nhân, hoá học, sinh học...), vũ khí được chế tạo dựa trên những nguyên lý kỹ thuật mới (vũ khí chùm tia, vũ khí laze, vũ khí chùm hạt, pháo điện từ...).

Thế kỷ XXI, vũ khí "thông minh" dựa trên cơ sở tri thức sẽ trở nên phổ biến. Điển hình là đạn pháo, đạn cối điều khiển bằng laze, ra đa hoặc bằng hồng ngoại. Bom, mìn, "thông minh" kết hợp với các thiết bị trinh thám để tiêu diệt mục tiêu. Tên lửa "thông minh" có thể tự phân tích, phán đoán và ra quyết định tiến công tiêu diệt. Súng "thông minh" do máy tính điều khiển có thể tự động nhận biết chủ nhân, có nhiều khả năng tác chiến khác nhau, vừa có thể bắn đạn thông thường hoặc phóng lựu đạn. Xe tăng "thông minh" có thể vượt qua các chướng ngại vật, nhận biết các đặc trưng khác nhau của mục tiêu, mức độ uy hiếp của mục tiêu và điều khiển vũ khí tiến công mục tiêu, nhờ đó có hỏa lực và sức đột kích rất mạnh,...

Từ những khảo sát thực tế trên, rút ra một số điểm mạnh và yếu của vũ khí công nghệ cao như sau:

- **Điểm mạnh:**

- + Độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn, tầm hoạt động xa.
- + Có thể hoạt động trong những vùng nhiễu, thời tiết phức tạp, ngày, đêm, đạt hiệu quả cao hơn nhiều lần so với vũ khí thông thường.
- + Một số loại vũ khí công nghệ cao được gọi là vũ khí "thông minh" có khả năng nhận biết địa hình và đặc điểm mục tiêu, tự động tìm diệt...

- **Điểm yếu:**

- + Thời gian trinh sát, xử lý số liệu để lập trình phương án đánh phá phức tạp, nếu mục tiêu "thay đổi" dễ mất thời cơ đánh phá.
- + Dựa hoàn toàn vào các phương tiện kỹ thuật, dễ bị đối phương đánh lừa.
- + Một số loại tên lửa hành trình có tầm bay thấp, tốc độ bay chậm, hướng bay theo quy luật... dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường.
- + Tác chiến công nghệ cao không thể kéo dài vì quá tốn kém. Dễ bị đối phương tập kích vào các vị trí triển khai của vũ khí công nghệ cao.
- + Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết, khí hậu dẫn đến hiệu quả thực tế khác với lý thuyết.

Tóm lại, vũ khí công nghệ cao có những đặc điểm nổi bật sau: khả năng tự động hoá cao; tầm bắn (phóng) xa; độ chính xác cao; uy lực sát thương lớn.

1.3. Thủ đoạn sử dụng

Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là phương thức tiến hành chiến tranh kiểu mới đồng thời là biện pháp tác chiến của địch. Thực tế trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc đã khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất để chế tạo các kiểu vũ khí hiện đại hòng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh như công nghệ hồng ngoại, công nghệ nhìn đêm, công nghệ gây nhiễu. Nhiều loại vũ khí "thông minh" ra đời và được sử dụng lần đầu tiên trong chiến tranh Việt Nam... Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Việt Nam đã chứng kiến sự thất bại thảm hại của địch trong việc sử dụng các loại vũ khí hiện đại nhất lúc đó trước trí thông minh, sự sáng tạo và lòng dũng cảm vô song của con người Việt Nam.

Chiến tranh tương lai (nếu xảy ra) đối với đất nước ta, địch sẽ sử dụng phương thức tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là chủ yếu. Nhằm mục đích giành quyền làm chủ trên không, làm chủ chiến trường, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, đánh quy khả năng chống trả của đối phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng tiến công trên bộ, trên biển, đổ bộ đường không và các hoạt động bạo loạn lật đổ của lực lượng phản động nội địa trong nước, gây tâm lí hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Qua đó gây sức ép về chính trị để đạt mục tiêu chính trị hoặc buộc chúng ta phải chấp nhận điều kiện chính trị do địch đặt ra.

Nếu chiến tranh xảy ra trên đất nước ta, có thể xuất phát từ nhiều hướng: trên bộ, trên không, từ biển vào, có thể diễn ra cùng một lúc ở chính diện và trong chiều sâu, trên phạm vi toàn quốc với một nhịp độ cao, cường độ lớn ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao của chủ nghĩa đế quốc vào Việt Nam (nếu xảy ra) có thể là một giai đoạn trước khi đưa quân đổ bộ đường biển hoặc đưa quân tiến công trên bộ, với quy mô và cường độ ác liệt từ nhiều hướng, vào nhiều mục tiêu cùng một lúc. Đánh phá ác liệt từng đợt lớn, dồn dập, kết hợp với đánh nhỏ lẻ liên tục ngày đêm, có thể kéo dài vài giờ hoặc nhiều giờ, có thể đánh phá trong một vài ngày hoặc nhiều ngày,...

Nghiên cứu, khảo sát một số cuộc chiến tranh cục bộ gần đây, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao ngày càng nhiều (vùng Vịnh lần thứ nhất vũ khí công nghệ cao 10%, chiến dịch "Con Cáo sa mạc" 50%, Nam Tư 90%).

- Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, ngày 17/1/1991 Mỹ phóng 45 quả tên lửa hành trình Tomahawk có 7 quả bị hỏng, 1 quả bị lực lượng phòng không bắn rơi còn 37 quả trúng mục tiêu, tỉ lệ là 67%. Trong chiến dịch "Con Cáo sa mạc" từ ngày 16 đến ngày 19/12/1998 Mỹ sử dụng 650 lần/chiếc máy bay phóng 415 quả tên lửa hành trình trong đó có 325 quả tên lửa Tomahawk phóng từ tàu biển, 90 quả AGM-86 phóng từ máy bay, dự kiến khả năng 100/147 mục tiêu của Iraq bị phá hủy. Tuy nhiên tên lửa hành trình của Mỹ và liên quân chỉ đánh trúng khoảng 20%, vì Iraq đã có kinh nghiệm phòng tránh.

- Chiến tranh Iraq lần hai (2003) chỉ sau 27 ngày đêm tiến công, Mỹ, Anh đã thực hiện 34.000 phi vụ, phóng hơn 1000 quả tên lửa hành trình các loại,

trong đó có hơn 800 quả tên lửa Tomahawk, hơn 14.000 bom đạn có điều khiển chính xác.

Do đó, nên hiểu đúng về vũ khí công nghệ cao, không quá đề cao, tuyệt đối hoá vũ khí công nghệ cao dẫn đến tâm lí hoang mang khi đối mặt. Ngược lại, cũng không nên coi thường dẫn đến chủ quan mất cảnh giác.

2. MỘT SỐ VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO CỦA ĐỊCH

2.1. Các phương tiện kỹ thuật tàng hình

2.1.1. Đặc điểm

Kỹ thuật tàng hình xoay quanh việc ngăn chặn hay giảm thiểu những luồng sóng radar phản xạ từ mục tiêu bị theo dõi. Mục tiêu sẽ tàng hình khi không còn sóng phản xạ.

Kỹ thuật này bao gồm việc thiết kế bề mặt để sóng bị tán xạ không quay về nguồn quan sát, hay các phương thức chế tạo vật liệu hấp thụ radar để giảm thiểu hoặc triệt tiêu sóng phản xạ.

Gần đây, khái niệm "siêu vật liệu" với hiệu ứng tàng hình là một đề tài nghiên cứu lớn hấp dẫn không ít sự chú ý và cũng gây ra những cuộc tranh cãi trong cộng đồng nghiên cứu khoa học. Hơn nửa thế kỷ qua, các nhà khoa học đã bẻ ngoặt, uốn cong những đường đi của sóng điện từ (bao gồm cả ánh sáng), thậm chí hấp thụ năng lượng của nó cho mục đích tàng hình.

2.1.2. Một số loại vũ khí tàng hình

Một số loại vũ khí tàng hình tiêu biểu, có sức mạnh vượt trội trên thế giới:

- *Phản lực chiến đấu F-22 Raptor, F-35 Lightning II (Mỹ):*

F-22 Raptor là máy bay chiến đấu thế hệ thứ năm do tập đoàn Lockheed Martin phát triển cho không quân Mỹ. Đây là phản lực chiến đấu đa nhiệm, sở hữu công nghệ tàng hình nhờ thiết kế góc cạnh và lớp vật liệu đặc biệt giúp tránh phản xạ và hấp thụ sóng radar. F-22 còn được thiết kế để giấu khí thải hồng ngoại từ các động cơ, giúp hạn chế khả năng tấn công của các loại tên lửa hồng ngoại.



Ngoài ra, lớp sơn đặc biệt cùng hệ thống làm mát các góc cạnh của máy bay giúp nó giảm tạo nhiệt khi di chuyển với vận tốc siêu thanh. Chiếc máy bay cũng sở hữu hệ thống giảm âm, nhiệt từ động cơ nhằm hạn chế khả năng bị phát hiện bằng mắt thường. Các giá treo vũ khí của F-22 nằm trong thân, giúp chúng giảm tối đa nguy cơ bị phát hiện. Khả năng tàng hình của F-22 đặc biệt hiệu quả trước hệ

thông radar tần số cao, thường được trang bị trên máy bay chiến đấu đối phương.

- Tàu ngầm sát thủ HMCS Victoria (Canada):

HMCS Victoria là tàu ngầm tầm xa chuyên săn tàu ngầm của Hải quân Hoàng gia Canada. Tuy nhiên, các tàu mặt nước, trực thăng săn ngầm, máy bay tuần tra hay các tàu ngầm khác rất khó phát hiện HMCS Victoria do nó được trang bị những công nghệ tối tân nhất, giúp con tàu ẩn sâu vào lòng đại dương.



Sát thủ tàu ngầm của Hải quân Canada là tàu điện - diesel lớp Victoria. Nó dài 70,26 m, rộng 7,6 m với tải trọng choán nước khi lặn đạt 2.400 tấn. Các tàu lớp Victoria được phủ một lớp ngói chống dội âm, ngăn hệ thống dò sonar của đối phương phát hiện ra tàu. Victoria cũng mang những đặc điểm nổi trội của lớp tàu ngầm điện-diesel là di chuyển cực êm dưới nước.

- Tàu tác chiến gần bờ USS Independent (LCS 2):

USS Independent là tàu chiến tàng hình ven bờ đầu tiên của Hải quân Mỹ thuộc lớp tàu cùng tên. Nó ra đời nhằm đảm trách nhiệm vụ rà phá thủy lôi, săn ngầm, chống hạm ở những vùng nước nông. Thiết kế góc cạnh của thân tàu giúp USS Independent giảm tiết diện phản xạ radar, khiến đối phương không thể nhận ra nó là tàu chiến.



Các thiết kế góc cạnh phần mũi và hai bên thân tàu giúp tránh phản hồi sóng radar. Trong khi đó, phần thân phía sau tạo thành một mặt phẳng rộng, cho phép các loại trực thăng cất và hạ cánh. Mặt sàn của USS Independent đạt tới 1.410 m² trong khi khoang chứa hàng phía dưới rộng 11.000 m³ giúp nó mang được nhiều loại máy bay.

2.2. Vũ khí có điều khiển chính xác cao

2.2.1. Khái niệm

Vũ khí chính xác cao là những loại vũ khí được điều khiển để bảo đảm tiêu diệt có lựa chọn các mục tiêu cơ động hoặc đứng yên với xác suất gần bằng 100% ngay trong phát bắn (lần phóng) đầu tiên trong mọi điều kiện thời tiết ngày đêm, trong mọi tình huống chiến trường.

Vũ khí chính xác cao được hiểu là vũ khí bảo đảm tiêu diệt có lựa chọn các mục tiêu cơ động và tĩnh tại trong mọi điều kiện, tình huống với xác suất gần bằng 1. Vũ khí chính xác cao đóng vai trò quyết định trong các hoạt động quân sự không chỉ trên mặt đất, trên biển, trên không mà còn cả trong vũ trụ. Vũ khí chính xác cao đã có đóng góp đặc biệt vào việc xác định tính chất của đấu tranh vũ trang trong không trung và các cuộc xung đột quân sự cuối thế kỷ 20.

Theo hệ thống dẫn lắp trên vũ khí, Vũ khí chính xác cao được chia thành các loại:

- Vũ khí chính xác cao với các hệ dẫn quang-điện tử (truyền hình, ảnh nhiệt, la-de)
- Vũ khí chính xác cao với hệ dẫn ra-đa thụ động hoặc ra-đa chủ động (làm việc ở dải sóng mm)
- Vũ khí chính xác cao với hệ dẫn kết hợp...

2.2.2. Một số loại vũ khí điều khiển chính xác cao

- Hệ tên lửa có điều khiển:

Trong thời đại ngày nay, hệ tên lửa có điều khiển đóng vai trò quan trọng nhất trong tất cả các hệ thống vũ khí hiện đại. Tên lửa có điều khiển được phân loại theo nhiều cách khác nhau: theo công dụng, theo kết cấu, theo tầm hoạt động, theo nơi đặt bộ phóng và mục tiêu cần tiêu diệt, theo quỹ đạo bay, theo phần chiến đấu, theo phương pháp dẫn... Những dạng tên lửa thường gặp nhất là tên lửa đường đạn (có thuật ngữ khác gọi là tên lửa đạn đạo), tên lửa hành trình, tên lửa chống tăng, tên lửa không đối đất, tên lửa không đối không...

+ Tên lửa hành trình là loại tên lửa có cánh nâng bay trong tầm khí quyển ở trạng thái hành trình, tức là bay theo quỹ đạo đã được lập trình sẵn. Kết cấu thường gồm: thân tên lửa, động cơ tăng tốc lúc phóng, động cơ hành trình, hệ thống dẫn hay điều khiển và phần chiến đấu. Một số loại tên lửa hành trình tầm trung của Mỹ như tên lửa Tomahawk và AGM- 86.

+ Tên lửa không đối đất: là loại vũ khí trang bị cho các loại máy bay chiến đấu, chủ yếu đánh phá các mục tiêu quan trọng như đài ra đa, trận địa tên lửa, pháo phòng không, cầu cống, công trình kiên cố hay hầm ngầm, xe tăng... Tên lửa không đối đất có nhiều loại khác nhau, một số điển hình trong quân đội Mỹ là AGM- 122 Sidearm, AGM- 45 Shrike, AGM- 78 Standard, AGM- 88 harm, AGM- 65 Maverick, AGM- 69 SRAM, AGM- 84, AGM- 114 Hellfire ...

- Đạn pháo có điều khiển và ngòi tiên tiến:

Hệ vũ khí này chủ yếu thực hiện nhiệm vụ tiêu diệt các mục tiêu bọc thép ở cự ly xa. Nó thực hiện điều khiển hầu như ở giai đoạn cuối hoặc điều khiển tự hoạt. Ngoài những bộ phận như đầu đạn, ngòi nổ, vệt mặt cấu tạo, đạn pháo có điều khiển còn có thêm các bộ phận khác như: đầu dò tìm mục tiêu, bộ biến đổi

các tính hiệu từ đầu dò tìm thành tín hiệu điều khiển, bộ phận điều khiển đạn đến mục tiêu.

+ Một số loại đạn pháo có điều khiển điển hình: đạn pháo Coperhead M712 (Mỹ), Krasnopol (Nga), Bonus (Thụy Điển), ACED (Pháp), SMART- 155 Đức); đạn cối Merlin (Anh), STRIX (Thụy điển), Griffin (Anh, Pháp, I- ta-li-a, Thụy Sĩ).

+ Một số ngòi nổ tiên tiến thuộc loại vô tuyến và xen xơ điển hình như sau: M732, M734 (Mỹ); EMMA, ERLICONKDA, FVRA (Pháp); M- 25 (I-xa-en); VANKIRI (Nam Phi); KAZ, DM- 24, DM- 54, DM- 64 (Đức); FB- 76, TB- 40 (I-ta-li-a).

- Bom có điều khiển:

Các loại bom trên nặng 225kg, trên thân lắp thiết bị chuyển hướng trên đường bay và đầu tự dẫn để tìm bám và tiêu diệt mục tiêu di động.

Một số loại bom của quân đội Mỹ: Bom dẫn hướng bằng Lazer GBU-10, GBU-16, GBU-27, GBU-28; Bom dẫn hướng bằng TV/IR (vô tuyến/hồng ngoại) GBU-15 TV/IR guided; Bom dẫn hướng bằng hệ thống định vị toàn cầu GPS: GBU-15 GPS-mod, GBU-29 JDAM, bom GBU-31 JDAM, GBU-30 JDAM, GBU-31 JDAM, GBU-32 JDAM, GBU-36 GAM.

2.3. Các phương tiện không người lái

Máy bay không người lái (UAV - Unmanned aerial vehicle) là một phương tiện bay có động lực, nặng hơn không khí, bay trong khí quyển nhờ cánh nâng, có khả năng bay tự hoạt hoặc điều khiển từ xa.

Trong kho vũ khí trang bị, UAV là phương tiện quân dụng chiếm vị trí trung gian giữa máy bay và tên lửa. So với máy bay có người lái, UAV có nhiều ưu điểm như:

- Do không có người điều khiển trực tiếp ở bên trong, không cần trang bị bảo đảm mạng sống và hoạt động cho con người; do đó với cùng tính năng, nó có khối lượng bay ít hơn nhiều hay tải hữu ích tăng đáng kể. Tùy nhiệm vụ, tải trọng gắn với phi công thường chiếm 5-10% tổng khối lượng cất cánh. Trong điều kiện tải trọng của máy bay thường chỉ vào cỡ 20% tổng khối lượng cất cánh, loại trừ tải gắn với phi công nghĩa là có thể tăng tải hữu ích lên khoảng 1,25-2 lần. Cắt tải do phi công còn làm giảm đáng kể đơn giá chế tạo UAV. Chẳng hạn, UAV chiến đấu, gọi làUCAV, có đơn giá khoảng 8-10 triệu đô la, chỉ vào cỡ 25-40% đơn giá máy bay chiến đấu có người lái cùng tính năng.

- Trong thiết kế, tính năng UAV không bị ràng buộc bởi những giới hạn sinh lý của con người, chẳng hạn, ngột gấp gáp gia tốc lớn, hoặc bay với vận tốc thay đổi trong phạm vi rộng.

- Dùng UAV cũng tránh được những hạn chế tâm lý ở con người trước nguy hiểm, chẳng hạn, máy bay đối phương hoặc hỏa lực phòng không dày đặc.

Ngoài ra, dùng UAV còn cho phép tiết kiệm thời gian và kinh phí huấn luyện phi công, những khoản không nhỏ trong chi phí sử dụng máy bay thường. Trong khi có thể sử dụng 95% số giờ bay của UAV cho nhiệm vụ chiến đấu, thì với máy bay thường chỉ số đó là 5%; và tổng cộng dùng UAV có thể giảm tới 2/3 chi phí vòng đời so với máy bay thường tính năng tương đương.

Mặt khác, khi máy bay rơi phi công dễ bị tổn thất theo; trong khi đó, mất UAV trục trặc điều khiển vẫn không hề hấn gì, ngược lại càng có thêm kinh nghiệm.

- Kết hợp kinh nghiệm tích lũy và khả năng làm chủ công nghệ hiện đại, Nga đã bắt tay vào việc chế tạo phương tiện tự hành dưới nước không người lái AUV Sarma. Dự án đã hoàn thành việc xây dựng bản mẫu thiết kế đầu tiên, dự kiến bắt đầu thử nghiệm trong năm

3. BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

3.1. Biện pháp thụ động

3.1.1. Phòng chống trinh sát của địch

Hệ thống trinh sát phát hiện và giám sát mục tiêu là một trong những hệ thống bảo đảm quan trọng nhất của vũ khí công nghệ cao. Muốn làm tốt công tác phòng chống trinh sát của địch, trước tiên cần xác định rõ ý thức phòng chống trinh sát, sau đó mới áp dụng các biện pháp, phương pháp đối phó cho phù hợp, cụ thể:

- *Làm hạn chế đặc trưng của mục tiêu:*

Hệ thống trinh sát hiện đại khi thực hành trinh sát đều thông qua việc tìm kiếm các đặc trưng vật lý do mục tiêu bộc lộ để phát hiện. Vì vậy, sử dụng các thủ đoạn chiến thuật, kỹ thuật giảm thiểu đặc trưng vật lý của mục tiêu, xóa bỏ sự khác biệt giữa mục tiêu với môi trường xung quanh là sự vận dụng và phát triển của kỹ thuật ngụy trang truyền thống. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật giảm bớt các đặc trưng ánh sáng, âm thanh, điện từ, bức xạ hồng ngoại... của mục tiêu là có thể giấu kín được mục tiêu.

- *Che giấu mục tiêu:*

Lợi dụng môi trường tự nhiên như địa hình, địa vật, rừng cây, bụi cỏ... để che giấu mục tiêu, có thể làm suy giảm thậm chí ngăn chặn được trinh sát của địch. Trinh sát bằng quang học, hồng ngoại và laser là ba kỹ thuật trinh sát chủ yếu của vệ tinh và máy bay trinh sát, các mục tiêu được che đậy, ở hang động, gầm cầu là những nơi che giấu có hiệu quả, đồng thời lợi dụng đêm tối, sương mù, màn mưa để che giấu âm thanh, ánh sáng, điện từ, nhiệt; kiểm soát chặt chẽ việc mở máy hoặc phát xạ sóng điện từ của radar và thiết bị thông tin liên lạc.

- *Ngụy trang mục tiêu:*

Ngày nay, khi mà kỹ thuật trinh sát không ngừng phát triển thì việc sử dụng một cách khoa học các khí tài ngụy trang như màn khói, lưới ngụy trang,

nghi binh, nghi trang,... là một biện pháp chống trinh sát hữu hiệu và kinh tế. Nghi trang hiện đại là trên cơ sở nghi trang truyền thống sử dụng kỹ thuật thay đổi hình dạng,... Thông qua việc làm thay đổi tần phổ quang học hoặc phản xạ điện từ và đặc tính bức xạ nhiệt của mục tiêu khiến chúng gần như hoà nhập vào môi trường xung quanh. Thông qua việc làm thay đổi hình thể của mục tiêu khiến mục tiêu không bị địch chú ý hoặc thông qua việc thả màn khói đặc biệt là sợi bạc,... đều có thể ngăn chặn có hiệu quả trinh sát ra đa và trinh sát hồng ngoại của đối phương.

- Tổ chức tốt việc nghi binh đánh lừa địch:

Nghi binh là hành động tạo hiện tượng giả để đánh lừa đối phương. Nếu tổ chức tạo ra các hành động tác chiến giả một cách có kế hoạch, có mục đích để phân tán, làm suy yếu khả năng trinh sát của địch, có thể làm cho địch nhận định sai, dẫn đến sai lầm từ đó ta có thể kiềm chế, điều động được địch.

Theo phạm vi không gian, có thể chia nghi binh thành các loại sau : Nghi binh chính diện, nghi binh bên sườn, nghi binh tung thâm, nghi binh trên bộ, nghi binh trên không, nghi binh trên biển,... Theo mục đích, có thể chia nghi binh để thể hiện sức mạnh, nghi binh để tỏ ra yếu kém, nghi binh để hiện thế, nghi binh tiến công, nghi binh rút lui.

Kỹ thuật quân sự hiện đại đã tạo ra nhiều thủ đoạn nghi binh mới, ngoài nghi binh về binh lực, còn có nghi binh về hỏa lực, nghi binh điện tử, và các nghi binh kỹ thuật khác. Ví dụ, nghi binh vô tuyến điện bằng các phương pháp xây dựng mạng lưới vô tuyến điện giả, tổ chức các đối tượng liên lạc giả, thực hiện các cuộc thông tin liên lạc vô tuyến điện giả, phát các cuộc điện báo (điện thoại) với nội dung giả... Ngoài ra, tổ chức tốt việc bày giả, nhằm đúng vào đặc điểm và nhược điểm của hệ thống trinh sát địch, kết hợp với điều kiện tự nhiên như địa hình, địa vật, đặt các loại mục tiêu giả để làm thay đổi cục bộ nền môi trường, chiến trường, từ đó đánh lừa mê hoặc đối phương. Ví dụ, cần phải có mục tiêu giả, mục tiêu thật ; khi cần di chuyển các mục tiêu cần phải tiến hành di chuyển cùng lúc cả cái thực và cái giả, và quy mô đối với cái thực và cái giả cũng phải ngang nhau.

3.1.2. Dụ địch đánh vào mục tiêu có giá trị thấp làm chúng tiêu hao lớn

Lợi dụng đặc điểm của vũ khí công nghệ cao là giá thành cao, lượng sử dụng có hạn, chúng ta có thể sử dụng mục tiêu giá trị thấp để làm phân tán lực lượng địch và gây tiêu hao lớn cho chúng.

Ví dụ, giá 1 chiếc máy bay tàng hình F-117A lên tới vài chục triệu đô la Mỹ, giá 1 quả tên lửa hành trình cũng tới hàng triệu đô la Mỹ,... Nếu ta sử dụng vũ khí trang bị cũ hoặc mục tiêu giả để dụ địch tiến công sẽ gây tiêu hao lớn cho chúng, làm giảm bớt lượng vũ khí công nghệ cao của địch, đồng thời làm giảm sút lòng tin khiến chúng không dám mạo hiểm tiếp tục sử dụng vũ khí công nghệ cao trên quy mô lớn.

Trong cuộc chiến tranh Xô-viê, địa hình, địa vật, phức tạp của Nam Tư kết hợp với thời tiết mùa xuân ẩm ướt, âm u, rừng cây rậm rạp đã khiến cho hệ thống vũ khí công nghệ cao của NATO bộc lộ một số nhược điểm như khả năng nhận biết mục tiêu, khả năng định vị, dẫn đến đánh nhầm, đánh không chính xác, đánh vào mục tiêu giả ngày càng tăng, khiến chúng bị tiêu hao lớn.

3.1.3. Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập

Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán là thu nhỏ quy mô các lực lượng lớn, bố trí theo nhu cầu, mỗi đơn vị có thể thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ phòng thủ, tiến công, cơ động chi viện,...

Bố trí phân tán lực lượng không theo quy tắc, xây dựng khu vực tác chiến du kích xen kẽ nhỏ lẻ, đa năng, nhưng sẵn sàng tập trung khi cần thiết. Bố trí như vậy sẽ giảm thiểu tổn thất khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Khả năng chiến đấu độc lập và tập trung cao sẽ giảm bớt sự chi viện của lực lượng dự bị, như vậy sẽ tránh được tổn thất cho lực lượng dự bị. Bố trí phân tán sẽ tăng thêm khó khăn cho đối phương trong việc trinh sát phát hiện mục tiêu, phán đoán tình hình và xác định phạm vi đánh, làm giảm hiệu quả tác chiến của địch.

3.1.4. Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị với xây dựng hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ

Trong quá trình xây dựng đất nước những năm gần đây, hầu hết các địa phương trong cả nước đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, đời sống xã hội có nhiều thay đổi, các thành phố ngày càng mở rộng, cơ sở hạ tầng phát triển, các khu trung tâm kinh tế - công nghiệp phát triển, nhiều đô thị mới ra đời với tốc độ nhanh, mật độ dân cư ngày càng cao. Cùng với sự phát triển chung đó chúng ta cần quan tâm đúng mức đến phát triển cơ sở hạ tầng như điện, đường, kho, trạm... Đồng thời, chúng ta cũng không nên xây dựng các thành phố quá đông dân cư, các khu công nghiệp tập trung mà xây dựng nhiều thành phố vệ tinh và tập trung phát triển mạng giao thông. Xây dựng đường cao tốc phải kết hợp tạo ra những đoạn đường máy bay có thể cất hạ cánh. Xây dựng cầu phải kết hợp cả việc sử dụng các bến phà, bến vượt, trong tương lai chúng ta sẽ xây dựng đường xe điện ngầm ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... Xây dựng các nhà cao tầng phải tính đến số lượng tầng cao để giảm bớt tổn thất trong chiến tranh; các công trình lớn của quốc gia như nhà Quốc hội, nhà Trung tâm Hội nghị quốc gia, văn phòng của các Bộ, ngành,... phải có tầng hầm, thời bình làm kho, nhà xe, thời chiến làm hầm ẩn nấp. Xây dựng các nhà máy thủy điện phải tính đến phòng chống máy bay phá đập gây lũ lụt.

3.2. Biện pháp chủ động

3.2.1. Gây nhiễu các trang bị trinh sát của địch, giảm hiệu quả trinh sát

Gây nhiễu là một biện pháp cơ bản trong đối kháng trinh sát, nhằm làm giảm hoặc suy yếu hiệu quả các thiết bị trinh sát của địch, khiến chúng không thể phát huy tác dụng.

Một số biện pháp gây nhiễu có thể vận dụng :

- Tích cực phá hoại hệ thống trinh sát của địch.

Có thể sử dụng đòn tiến công của tên lửa đất đối không, đòn phản kích của binh lực mặt đất hoặc tiến hành gây nhiễu điện tử, hạn chế và phá hoại trinh sát kỹ thuật của địch. Tổ chức bắn rơi máy bay trinh sát điện tử của địch sẽ hạn chế rất nhiều việc sử dụng vũ khí điều khiển chính xác của chúng.

- Sử dụng tổng hợp nhiều thủ đoạn thực hiện gây nhiễu chế áp lại địch, nhưng phải chuẩn bị chu đáo, nhất là thời cơ và đối tượng gây nhiễu, bởi vì, khi gây nhiễu cũng chính là lúc ta lại bị bộc lộ, địch sẽ trinh sát định vị lại ta, ta cần bố trí các đài gây nhiễu ở nơi hiểm yếu và di chuyển liên tục. Lập các mạng, các trung tâm thông tin giả hoạt động đồng thời với thông tin thật để thu hút hoạt động trinh sát và chế áp điện tử của địch, che giấu tín hiệu công tác thực của ta.

- Hạn chế năng lượng bức xạ từ về hướng ăng ten thu trinh sát của địch bằng cách sử dụng công suất phát hợp lý, chọn vị trí đặt ăng ten sao cho có địa hình che chắn về phía địch trinh sát, phân bố mật độ liên lạc hợp lý, không tạo ra dấu hiệu bất thường, thay đổi thường xuyên quy ước liên lạc, mã hoá các nội dung điện, chọn tần số gần tần số làm việc của địch ; tăng công suất máy phát, sử dụng ăng ten có hệ số khuếch đại cao, rút ngắn cự li thông tin...

- Dùng hỏa lực hoặc xung lực đánh vào những chỗ hiểm yếu, nhằm phá hủy các đài phát, tiêu diệt nguồn gây nhiễu của địch.

3.2.2. Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh từ xa, phá thế tiến công của địch

Cần phải trinh sát nắm địch chặt chẽ, chính xác và có quyết tâm sử dụng lực lượng hợp lý, nhất là phát huy khả năng của lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng đặc công, pháo binh chuyên trách tiến công địch. Sử dụng tổng hợp, các loại vũ khí có trong biên chế của lực lượng phòng không ba thứ quân. Kết hợp sử dụng vũ khí thô sơ, vũ khí tương đối hiện đại để đánh địch, rèn luyện ý chí chiến đấu quyết đánh và biết thắng vũ khí công nghệ cao của địch. Huấn luyện nâng cao trình độ cho các lực lượng phòng không ba thứ quân. Làm cho mỗi người lính, mỗi người dân biết sử dụng thành thạo các vũ khí có trong tay để bắn máy bay và tên lửa của địch trong tầm bắn hiệu quả khi nó bay qua khu vực đóng quân của đơn vị mình, địa phương mình.

Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, dù kẻ địch tiến công bằng hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao từ hướng nào, khu vực nào, sử dụng vũ khí công nghệ cao đến mức nào chúng ta cũng đánh trả có hiệu quả làm vô hiệu hoá vũ khí công nghệ cao của địch, đập tan ý chí xâm lược của kẻ thù.

3.2.3. Lợi dụng đặc điểm đồng bộ của hệ thống vũ khí công nghệ cao, đánh vào mắt xích then chốt

Tập trung lực lượng đánh vào những hệ thống có tác dụng bảo đảm và điều hành, gây ra sự hỗn loạn và làm mất khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao hoặc sự phối hợp nhịp nhàng giữa hệ thống vũ khí công nghệ cao với các hệ thống vũ khí thông thường khác.

Mặt khác, vũ khí công nghệ cao có thể đồng thời sử dụng cả trên bộ, trên

biên và trên không, do vậy phải tổ chức đánh địch từ xa. Sử dụng các thủ đoạn tập kích, đặc biệt có thể vận dụng đặc công, pháo binh chuyên trách, dân quân tự vệ tập kích, phá hoại vùng địch hậu, tập kích tung thâm... phá huỷ các hệ thống phóng, hệ thống bảo đảm hoặc các căn cứ trọng yếu của chúng, khiến chúng bị tê liệt khi tác chiến. Có thể lợi dụng thời tiết khắc nghiệt như mưa, mù, bão gió... để tập kích vào các hệ thống vũ khí công nghệ cao.

3.2.4. Cơ động phòng tránh nhanh, đánh trả kịp thời chính xác

Khi cơ động phòng tránh phải thực hiện tốt các yêu cầu bí mật, cơ động nhanh, đến đúng địa điểm, thời gian sẵn sàng chiến đấu cao.

Để thực hiện được mục đích đó, công tác tổ chức chuẩn bị phải chu đáo, có kế hoạch cơ động, di chuyển chặt chẽ. Khi cơ động phải tận dụng địa hình, rừng cây, khe suối..., hạn chế khả năng trinh sát, phát hiện bằng các phương tiện trinh sát hiện đại của địch. Xác định nhiều đường cơ động, có đường chính, đường dự bị, đường nghi binh và tổ chức nguy trang.

Phòng tránh, đánh trả địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao là vận dụng tổng hợp các giải pháp, biện pháp, các hoạt động một cách có tổ chức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong chuẩn bị và thực hành phòng tránh, đánh trả bảo đảm an toàn cho nhân dân và các thành phần lực lượng, giữ vững sản xuất, đời sống, sinh hoạt, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phòng tránh, đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là hai mặt của một vấn đề, có quan hệ, tác động lẫn nhau một cách biện chứng, đan xen nhau. Phòng tránh tốt là điều kiện để đánh trả có hiệu quả. Đánh trả có hiệu quả tạo điều kiện để phòng tránh an toàn và chúng ta cần hiểu rằng trong phòng tránh có đánh trả, trong đánh trả có phòng tránh. Như vậy, phòng tránh tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là một biện pháp có ý nghĩa chiến lược để bảo toàn lực lượng, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, là một yếu tố quan trọng để giành thắng lợi.

Thực tiễn trong những năm chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ trước đây, công tác phòng không nhân dân đã có vị trí vai trò to lớn trong việc bảo vệ nhân dân, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của miền Bắc.

Những kinh nghiệm tổ chức phòng tránh trong chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của địch trước đây và các cuộc chiến tranh gần đây của Mỹ và đồng minh vào Iraq, Nam Tư... là những kinh nghiệm rất bổ ích, chúng ta có cơ sở để tin tưởng rằng chúng ta sẽ tổ chức tốt công tác phòng tránh tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch trong tình hình mới.

Trong phòng tránh phải triệt để tận dụng ưu thế địa hình tự nhiên để cải tạo và xây dựng công trình phòng tránh theo một ý định chiến lược chung trên phạm vi toàn quốc, trên từng hướng chiến dịch, chiến lược, trên từng địa bàn cụ thể, từng khu vực phòng thủ địa phương. Bố trí lực lượng phương tiện phân tán, nhưng hỏa lực phải tập trung, công trình phải luôn kết hợp chặt chẽ giữa nguy trang che giấu với hoạt động nghi binh, xây dựng phải dựa vào khu vực phòng

thủ tỉnh (thành phố) và tăng cường cơ động trong chiến đấu.

Đối với đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch, nhằm tiêu diệt, phá thế tiến công của địch, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất,... Đánh trả có hiệu quả là vấn đề cốt lõi nhất của phòng tránh, đánh trả, là biện pháp tích cực nhất, chủ động nhất để bảo vệ chủ quyền đất nước, bảo vệ mục tiêu, bảo toàn lực lượng chiến đấu.

Với điều kiện và khả năng của ta, việc tổ chức đánh trả phải có trọng điểm, đúng đối tượng, đúng thời cơ. Đánh trả địch bằng mọi lực lượng, mọi loại vũ khí, trang bị, thực hiện đánh rộng khắp, từ xa đến gần, ở các độ cao, các hướng khác nhau. Ta đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp, ta đánh địch bằng thế, thời, lực, mưu,...

Về phương pháp chúng ta phải kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với cơ động, nguy trang, nghi binh, phòng tránh bảo tồn lực lượng. Về lực lượng, chúng ta có lực lượng phòng không ba thứ quân và không quân, lực lượng pháo binh, tên lửa, lực lượng đặc công,... và hỏa lực súng bộ binh tham gia.

Với những thành phần như vậy, có thể đánh các mục tiêu trên không, các mục tiêu mặt đất, mặt nước nơi xuất phát các đòn tiến công hỏa lực của địch, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong đó, tổ chức xây dựng thế trận phòng tránh đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch đáp ứng yêu cầu hiểm, chắc, có chiều sâu, cơ động linh hoạt, rộng khắp, kết hợp với thế trận khu vực phòng thủ địa phương. Phải xác định các khu vực, mục tiêu bảo vệ trọng điểm, đối tượng đánh trả, khu vực đánh trả, hướng đánh trả chủ yếu cho các lực lượng tham gia đánh trả.

Trong thực hành đánh trả địch, phải vận dụng một cách linh hoạt các hình thức tác chiến, chiến thuật, phương pháp hoạt động chiến đấu khác nhau cho từng lực lượng, như lực lượng phòng không ba thứ quân có thể vừa chốt bảo vệ mục tiêu, vừa cơ động phục kích đón lõng, kết hợp vừa phòng tránh vừa đánh trả. Đối với lực lượng không quân, pháo binh, tên lửa, hải quân có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp tác chiến của quân, binh chủng có hiệu quả nhất, phù hợp với tình hình địch, ta như đánh chặn, đánh đòn tập kích, đánh hiệp đồng,...

Ngoài những vấn đề trên, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống phòng thủ dân sự, đây là nhiệm vụ chiến lược rất quan trọng của nền quốc phòng toàn dân, là hệ thống các biện pháp phòng thủ quốc gia. Từng địa phương và cả nước, được tiến hành trong thời bình và thời chiến, nhằm bảo vệ nhân dân, bảo vệ nền kinh tế, duy trì sản xuất và đời sống nhân dân trong đó bảo vệ nhân dân là nội dung quan trọng nhất. Nếu việc tổ chức phòng thủ dân sự không tốt, không có giải pháp để phòng chống vũ khí công nghệ cao, không những chỉ tổn thất về người mà còn dẫn đến hoang mang, dao động, giảm sút ý chí quyết tâm kháng chiến của mỗi người dân, từng địa phương và cả nước.

Ngày nay, nếu cuộc chiến tranh xảy ra sẽ là cuộc chiến tranh sử dụng vũ

khí công nghệ cao, diễn ra trên không gian nhiều chiều, tiền tuyến và hậu phương không phân định rõ ràng như trước đây. Do vậy, ở các thành phố, thị xã, thị trấn nơi tập trung đông dân cư và các cơ sở kinh tế lớn chủ yếu là sơ tán, còn các trọng điểm khác có thể phân tán, sơ tán gần. Các cơ sở sản xuất lớn của Trung ương có thể phải sơ tán xa hơn, chủ yếu dựa vào các hang động ở rừng núi để sản xuất phục vụ chiến tranh.

Hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm hệ thống hầm hố ẩn nấp cho cá nhân, cho các hộ gia đình, các công trình bảo đảm sản xuất, bảo đảm sinh hoạt, bảo đảm lương thực, thực phẩm của tập thể, hộ gia đình triển khai ở các cơ quan, nhà ga, bến cảng, kho nhiên liệu, xăng dầu được tiến hành ngay từ thời bình thông qua kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước.

MỞ ĐẦU

Huấn luyện ba môn quân sự phối hợp là một trong những hình thức để xác định chất lượng huấn luyện thể lực và tình hình hoạt động thể thao của mỗi nhà trường. Sinh viên phải thường xuyên luyện tập, đạt các chỉ tiêu đã qui định cho các lứa tuổi và từng đối tượng. Thi đấu 3 môn quân sự phối hợp có thể tiến hành thi cá nhân, đồng đội.

1. ĐIỀU LỆ

1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu

1.1.1. Đặc điểm

- Thi đấu ba môn thể thao quân sự phối hợp (thể thao quốc phòng) được tiến hành theo các bài tập nằm trong chương trình giáo dục quốc phòng, mục đích của thi đấu ba môn thể thao quân sự phối hợp là giáo dục cho học sinh, sinh viên có ý chí quyết tâm giành thắng lợi, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, khả năng thực hiện các bài tập đa dạng, sức chịu đựng cường độ thể lực và sự căng thẳng về tâm lý trong quá trình thi đấu thể thao.

- Thi đấu ba môn quân sự phối hợp là một trong những hình thức để xác định chất lượng huấn luyện thể lực và tình hình hoạt động thể thao của nhà trường. Để thi đấu đạt kết quả tốt, học sinh, sinh viên phải luyện tập và hoàn thành những yêu cầu về chỉ tiêu rèn luyện quy định cho các lứa tuổi và đối tượng.

- Thi đấu ba môn quân sự phối hợp có thể tiến hành thi cá nhân, đồng đội. Trong thi đấu cá nhân phải xác định kết quả thành tích, vị trí cho tất cả những người dự thi. Trong thi đấu đồng đội, lấy kết quả của các cá nhân tổng hợp thành kết quả đồng đội rồi dựa vào đó xếp hạng cho từng đội. Thi cá nhân, đồng đội là đồng thời xác định kết quả của cá nhân và của đồng đội rồi xếp hạng cho cá nhân và đồng đội.

1.1.2. Điều kiện thi đấu:

- Thi đấu ba môn quân sự phối hợp, đấu thủ tham gia cuộc thi phải bảo đảm đủ các điều kiện.

- Hiểu, nắm vững quy tắc và đã được luyện tập thường xuyên.

- Có chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của bác sỹ.

1.2. Trách nhiệm và quyền hạn của người dự thi

1.2.1. Trách nhiệm của người dự thi.

- Người dự thi phải hiểu điều lệ, quy tắc cuộc thi và nghiêm túc thực hiện điều lệ quy tắc thi đấu.

- Có mặt đúng thời gian tại cuộc thi cùng trang bị, trang phục đã quy định, thẻ hoặc giấy chứng nhận thi đấu và tuân thủ đúng quy chế thi đấu.

- Thực hiện đúng hướng dẫn của trọng tài.

- Tuân thủ nghiêm quy tắc quản lý, sử dụng súng và đạn.

1.2.2. Quyền hạn của người dự thi.

- Được bắn thử để kiểm tra súng, luyện tập và thực hiện các bài tập ở những địa điểm đã quy định của Hội đồng trọng tài.

- Chỉ khi thật cần thiết mới được phép báo cáo trực tiếp với trọng tài những vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc thi, trong các trường hợp khác nếu có yêu cầu gì đối với trọng tài thì dùng lời nói hoặc làm văn bản báo cáo với đoàn trường (đội trưởng) chuyển lên Hội đồng trọng tài.

1.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

Mỗi đoàn (đội) dự thi nhất thiết phải có cán bộ có phẩm chất, tư cách vững vàng và hiểu biết sâu sắc về chuyên môn làm đoàn trưởng. Đoàn trưởng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kỷ luật của các đấu thủ khi ở địa điểm thi đấu cũng như tại nơi ở và bảo đảm cho mỗi đấu thủ hoặc đội vào thi đấu kịp thời. Khi vắng đoàn trưởng thì đội trưởng thay thế. Khi đội trưởng vắng phải chỉ định một trong các đấu thủ thay mặt để chỉ huy đội.

Đoàn trưởng (đội trưởng) có nhiệm vụ nộp cho Hội đồng Trọng tài danh sách thi đấu thủ dự bị và những tài liệu cần thiết cho điều 1, quy tắc cuộc thi quy định.

1.3.1. Trách nhiệm của đoàn trưởng (đội trưởng)

Đoàn trưởng (đội trưởng) phải:

- Hiểu và thực hiện điều lệ, quy tắc và quy chế của cuộc thi.
- Bảo đảm kịp thời đưa đoàn (đội) đến địa điểm thi đấu với trang phục, súng đạn cần thiết đã quy định, chịu trách nhiệm trước nhà trường về việc bảo đảm an toàn mọi mặt của đoàn (đội) mình.
- Thường xuyên có mặt ở địa điểm thi đấu và chỉ được tạm vắng khi tổng Tòng tài về những thay đổi của cuộc thi, như: thời gian, chương trình thi đấu ...
- Báo cáo với Hội đồng Trọng tài về những thay đổi trong đăng ký và những đấu thủ do tình trạng sức khỏe không thể tiếp tục thi đấu được.
- Tham dự cuộc họp của Hội đồng Trọng tài với quyền hạn tư vấn và tham dự bốc thăm.

1.3.2. Quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

- Chuyển đến Hội đồng Trọng tài những khiếu nại của đoàn (đội).
- Đề nghị Hội đồng Trọng tài kiểm tra và giải thích kết quả thi đấu sau khi đã thông báo sơ bộ về thành tích.
- Đoàn trưởng (đội trưởng) không được phép can thiệp vào công việc của trọng tài và cũng không được tự ý quyết định thay đổi đấu thủ hoặc rút đấu thủ

khởi cuộc thi nếu không được Hội đồng Trọng tài cho phép. Trong quá trình thi đấu cũng không được phép giúp đỡ vận động viên.

1.4. Thủ tục khiếu nại.

- Tất cả những khiếu nại đều phải đưa đến Hội đồng Trọng tài, có thể đưa trước khi bắt đầu cuộc thi, trong quá trình cuộc thi và sau khi kết thúc cuộc thi, nhưng không chậm quá một giờ sau khi kết thúc môn thi đó.

- Đoàn trưởng (đội trưởng) có thể đưa khiếu nại bằng văn bản có chỉ dẫn các mục, các điểm của quy tắc hoặc điều lệ cuộc thi mà người khiếu nại bị cho là vi phạm.

- Tổng trọng tài phải xem xét các khiếu nại trong thời gian ngắn nhất. Nếu khiếu nại đó cần phải kiểm tra thì quyết định cần được thực hiện trong vòng 24h từ lúc nhận được đơn khiếu nại và kết luận trước khi xác định thành tích cuối cùng của cuộc thi.

- Quyết định của Tổng trọng tài về khiếu nại là quyết định cuối cùng và không xét lại nữa.

1.5. Xác định thành tích và xếp hạng.

- Thi vô địch cá nhân và đồng đội được xác định theo điều lệ cuộc thi.

- Khi xếp hạng cá nhân, vận động viên nào có thành tích (tổng số điểm) cao hơn được xếp trên. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số vận động viên thì vận động viên nào có kết quả cao hơn trong các môn thi sẽ được xếp trên.

- Khi xếp hạng đồng đội, cộng tổng số điểm của các vận động viên trong từng đội và xếp hạng cao thấp cho các đội căn cứ vào tổng số điểm của từng đội. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số đội thì đội nào có vận động viên xếp thứ hạng cao (nhất, nhì, ba, .v.v...) sẽ được xếp vị trí cao hơn.

2. QUY TẮC THI ĐẤU

2.1. Quy tắc chung

Điều 1: Mỗi vận động viên phải thi đấu ba nội dung trong hai ngày theo trình tự sau đây:

Ngày thứ nhất: Sáng thi bắn súng quân dụng, chiều ném lựu đạn.

Sáng ngày thứ hai: Chạy vũ trang 3000m (nam); 1500m (nữ).

Điều 2: Trang phục và trang bị thi đấu.

- Mặc quần áo lao động hoặc thể thao, đi giày hoặc chân đất.

- Súng quân dụng (tiểu liên AK, SKS).

- Đeo số thi đấu ở ngực và đeo kết quả bốc thăm ở lưng, không được thay đổi số áo trong suốt cuộc thi.

2.2. Quy tắc thi đấu các môn

2.2.1. Bắn súng quân dụng:

Điều 3: Điều kiện bắn.

- Dùng súng trường SKS (hoặc tiểu liên AK) lực cò không nhẹ dưới 2kg.
- Mục tiêu cố định, bia số 4 có vòng.
- Cự li bắn: 100m.
- Tư thế bắn: nằm bắn có bệ tì.
- Số đạn bắn: 3 viên (súng trường tự động, tiểu liên bắn phát một)

Điều 4: Thứ tự bắn.

Theo trình tự bốc thăm, vận động viên phải có mặt ở vị trí điểm danh trước giờ thi đấu của mình 30 phút để làm công tác chuẩn bị, điểm danh, kiểm tra súng, đạn và trang bị.

Điều 5: Quy tắc bắn.

- Khi vào tuyến bắn, sau khi khám súng và có lệnh “Nằm chuẩn bị bắn” của trọng tài trưởng, vận động viên mới được làm công tác chuẩn bị. Khi chuẩn bị xong vận động viên phải báo cáo “số.... chuẩn bị xong” và chỉ được bắn sau khi có lệnh của trọng tài.

- Vận động viên được phép dùng vải bạt, chiếu, nilon để nằm bắn.
- Khi có lệnh bắn, mọi trường hợp cướp cò, nổ súng coi như đã bắn. Đạn lia thia không tính thành tích.
- Đạn chạm vạch được tính điểm vòng trong, đạn không nổ được bù thêm.
- Trong khi thi đấu, súng bị hỏng hóc, phải báo cáo với trọng tài nếu được phép mới được ra ngoài sửa hoặc đổi súng.

Điều 6: Vi phạm quy tắc bắn.

- Nổ súng trước khi có lệnh bắn của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn bắn súng.

- Nổ súng sau khi có lệnh thôi bắn (dừng bắn của trọng tài sẽ bị cảnh cáo, viên đạn đó không được tính thành tích và bị trừ thêm 2 điểm trên bia.

- Trong thi đấu nếu bắn nhầm bia mà trọng tài xác định được thì viên đạn đó vẫn được tính điểm cho người bắn nhầm nhưng bị trừ 2 điểm trên bia.

- Nếu trên bia có hai điểm chạm, không phân biệt rõ điểm chạm của từng người bắn thì cả hai đều có quyền nhận viên đạn có điểm chạm cao nhất hoặc cả hai đều bắn lại. Thách thức bắn lại được xử trí như sau:

+ Dù đạt được bao nhiêu nhưng so với nhau, nếu ai có điểm bắn cao hơn sẽ lấy điểm cao của bia đang xét. Ngoài ra phải trừ đi hai điểm trên bia đối với người bắn nhầm.

+ Mọi hành động gian lận như đổi súng (dùng súng chưa được kiểm tra), đổi người dự thi không có trong danh sách báo cáo, hoặc vi phạm các điểm a; d

của điều 5, hoặc vi phạm nguyên tắc an toàn thì dù là vô tình hay cố ý, tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn bắn súng.

Nếu bắn súng thể thao: cự li 50m, bia số 7B, nằm bắn có bộ tỳ, bắn 3 viên tính điểm (như bắn súng quân dụng).

2.2.2. Ném lựu đạn xa, trúng hướng

Điều 7: Điều kiện ném.

- Lựu đạn gang, hình trụ, cán gỗ dài 12cm, trọng lượng 600 gam (nam) và 500-520 gam (nữ).

- Bãi ném: Ném trong đường hành lang rộng 10m, đường chạy rộng 4m, dài từ 15-20 m.

- Tư thế ném: Cầm súng (không dương lê), có thể ném hoặc chạy lấy đà.

- Số quả ném: Ném thử 1 quả, ném tính điểm 3 quả.

- Thời gian ném: 5 phút (kể cả ném thử).

Điều 8: Thứ tự ném

Theo kết quả bốc thăm, phân chia bãi ném và đợt ném, vận động viên khởi động ở ngoài, đến lượt ném mới vào vị trí chuẩn bị.

Điều 9: Quy tắc ném.

- Vận động viên chỉ được ném sau khi có lệnh của trọng tài, có thể ném thử hoặc không. Muốn ném thử hoặc ném tính điểm, vận động viên phải báo cáo “Số ... xin ném thử” hoặc “Số... chú ý”, “1 quả ném thử” hoặc “3 quả ném tính điểm” bắt đầu, vận động viên mới được ném. Mỗi quả ném đều có hiệu lệnh bằng còi của trọng tài.

- Khi ném, một tay cầm súng (không dương lê) có thể đứng ném hoặc chạy lấy đà. Khi đang chạy đà, nếu cảm thấy chưa tốt, vận động viên có quyền chạy lại với điều kiện không được để một bộ phận nào của thân thể chạm hoặc vượt ra ngoài vạch giới hạn, kể cả lựu đạn tuột tay rơi ra ngoài vạch giới hạn.

- Lựu đạn phải rơi trong phạm vi hành lang rộng 10m, rơi trúng vạch vẫn được tính thành tích.

- Ném xong cả 3 quả tính điểm rồi mới đo thành tích của cả 3 lần ném và lấy thành tích của lần ném xa nhất. Mỗi lần lựu đạn rơi trong hành lang, trọng tài đều cầm cờ đánh dấu điểm rơi, thành tích lấy chẵn tới cm.

- Thời gian ném: 5 phút, kể cả từ khi trọng tài cho lệnh ném thử.

Điều 10: Vi phạm quy tắc ném.

- Khi được lệnh ném của trọng tài, nếu do sơ ý lựu đạn rơi bên ngoài vạch giới hạn thì coi như đã ném quả đó.

- Lưu đạn rơi ngoài phạm vi hành lang không được tính thành tích.
- Tự động ném trước khi có lệnh của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn ném lựu đạn.
- Mọi hành động trong gian lận, như đổi người, đổi trang bị hoặc vi phạm các điểm a,b,c,d của Điều 9 thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu.

2.2.3. Chạy vũ trang.

Điều 11: Điều kiện chạy

- Đường chạy tự nhiên.
- Cự ly chạy: 3000m (nam); 1500m (nữ).

Điều 12: Thứ tự chạy.

- Vận động viên phải có mặt ở vị trí tập kết trước giờ thi đấu của mình 20 phút để điểm danh, kiểm tra trang bị và khởi động.
- Trọng tài điểm danh và sắp xếp vị trí cho các vận động viên theo thứ tự bốc thăm.

Điều 13: Quy tắc chạy

- Xuất phát: Mỗi đợt xuất phát không quá 20 người. Khi có lệnh “vào chỗ” của trọng tài, các vận động viên về vị trí của mình và chuẩn bị chờ lệnh. Tay và chân không được chạm vào vạch xuất phát.
- Khi có lệnh chạy (bằng súng phát lệnh hoặc phát còi...) vận động viên mới bắt đầu chạy.
- Khi chạy trên đường, vận động viên không được gây trở ngại cho các đấu thủ khác. Khi muốn vượt phải vượt về phía bên phải. Nếu đối thủ chạy trước không chạy vào sát mép trong đường chạy vận động viên chạy sau được phép vượt lên bên trái đối thủ đó. Dù vượt bên nào cũng không được gây trở ngại, như xô đẩy, chen lấn đối thủ chạy trước. Vận động viên chạy trước cũng không được cản trở, chèn ép đối thủ chạy sau khi đối thủ này muốn vượt lên trước.
- Khi về đích, vận động viên dùng một bộ phận thân người chạm vào mặt phẳng cắt ngang vạch đích hoặc dây đích (trừ đầu, cổ, tay và chân) và khi toàn bộ cơ thể đã vượt qua mặt phẳng đó mới coi là chạy hết cự ly.

Điều 14: Vi phạm quy tắc chạy.

- Vi phạm các điểm sau đây sẽ bị xoá bỏ thành tích.
- Chạy không hết đường quy định.
- Nhờ người mang vũ khí, trang bị hoặc dìu đỡ trước khi về đích.
- Về đích thiếu súng.
- Chen lấn thô bạo, cố tình cản trở làm ảnh hưởng tới thành tích hoặc gây thương tích cho đối thủ.

- Về đích thiếu trang bị sẽ bị phạt bằng cách cộng thêm vào thành tích chạy thời gian như sau:

- Thiếu số áo, cộng 10 giây.
- Thiếu thắt lưng, cộng 10 giây.

- Vi phạm điểm a của Điều 12, điểm a, b, c, d của Điều 13 hoặc có hành động gian lận thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn chạy vũ trang.

2.3. Cách tính thành tích

- Cách tính điểm và xếp hạng.
- Tính điểm và xếp hạng cá nhân.

Điều 15: Tính điểm bắn súng quân dụng.

Căn cứ vào kết quả điểm chạm, cộng điểm của 3 viên bắn tính điểm. Đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên có số điểm cao hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ so sánh ai có vòng 10, 9, 8... nhiều hơn xếp trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp bằng nhau.

Điều 16: Tính điểm ném lựu đạn.

Căn cứ vào thành tích ném xa nhất, đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm) vận động viên nào có số điểm cao hơn, xếp trên. Nếu bằng nhau, xét trực tiếp các quả ném đó, nếu vẫn bằng nhau thì xét kết quả thứ hai, thứ 3.

Điều 17: Tính điểm chạy vũ trang.

Căn cứ vào thời gian chạy (Sau khi đã xử lý các trường hợp phạm quy) để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên nào có số điểm cao hơn thì xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ xét vận động viên nào có thời gian chạy ít hơn xếp trên, nếu bằng nhau, xếp bằng nhau.

Điều 18: Tính điểm cá nhân toàn năng.

- Căn cứ điểm của ba môn, vận động viên nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu điểm bằng nhau, sẽ lần lượt so sánh thứ tự (các môn chạy vũ trang, bắn súng, ném lựu đạn) vận động viên nào có thứ hạng cao xếp trên. Nếu bằng nhau, xếp bằng nhau.

- Tính điểm và xếp hạng đồng đội.

Điều 19: Tính điểm đồng đội từng môn.

Cộng điểm từng môn của các vận động viên trong đội. Đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.

Điều 20: Tính điểm đồng đội toàn năng.

- Cộng điểm toàn năng của các vận động viên trong đội. Đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp theo thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.

- Tính điểm và xếp hạng toàn đoàn.

Điều 21: Xếp hạng toàn đoàn.

- Cộng điểm của đồng đội nam và đồng đội nữ, đoàn nào có tổng số điểm nhiều hơn thì xếp trên. Nếu bằng nhau, đoàn nào có đội nữ xếp hạng cao hơn xếp trên.

- Bảng tính điểm từng môn, một số mẫu biểu và văn bản.

- Tính điểm từng môn:

+ Bắn súng quân dụng (áp dụng cho cả nam và nữ)

Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng
30	1000	24	500	18	220	12	110	6	50
29	900	23	450	17	190	11	100	5	40
28	800	22	400	16	170	10	90	4	30
27	710	21	350	15	150	9	80	3	20
26	630	20	300	14	130	8	70	2	10
25	560	19	250	13	120	7	60	1	0

+ Ném lựu đạn:

Nam: 60 m được tính 1000 điểm, xa hơn 60m, cứ 4cm được 1 điểm

Kém hơn 60 m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

Nữ: 40m được 1000 điểm, xa hơn 40m, cứ 4cm được 1 điểm.

Kém hơn 40m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

(Theo nguyên tắc tính điểm tròn: Từ 3 cm trở lên được tính tròn 1 điểm, dưới 3cm thì không điểm).

+ Chạy vũ trang: (Nam 3000m; nữ 1500 m).

Nam: 10 phút được tính 1000 điểm. Nhanh hơn 10 phút thì 1 giây được 5 điểm. Chậm hơn 10 phút thì 1 giây trừ đi 3 điểm.

Nữ: 5 phút 30 giây được tính 1000 điểm. Nhanh hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây được 5 điểm. Chậm hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây trừ đi 3 điểm.